

DOCUMENT RESUME

ED 482 795

FL 801 614

TITLE Growth and Development [with Translations in Hmong, Laotian, Vietnamese, Nuer, Arabic, Somali, Bosnian, Russian, and Spanish].

INSTITUTION Anoka County Community Health and Environmental Services, Coon Rapids, MN.; Multi-Cultural Educational Services, Coon Rapids, MN.

SPONS AGENCY Minnesota State Dept. of Children, Families, and Learning, St. Paul.

PUB DATE 1998-00-00

NOTE 125p.; Translated by: Rhea Vang, Hi Dang, Matt Kueth, Afaf Kouatli, Mohamed Diriye Abdullahi, Tanya Benic, Shifra Kilov, and Lina Mraz. Also prepared by Allina Health System.

AVAILABLE FROM Multi-Cultural Educational Services, 832 104th Lane, N.W., Coon Rapids, MN 55433. Tel: 763-767-7786; Web site: <http://www.mcedservices.com>.

PUB TYPE Guides - Non-Classroom (055) -- Multilingual/Bilingual Materials (171)

LANGUAGE English, Hmong, Lao, Vietnamese, Nuer

EDRS PRICE EDRS Price MF01/PC06 Plus Postage.

DESCRIPTORS Arabic; *Child Development; *Child Rearing; Culturally Relevant Education; *Discipline; English (Second Language); Hmong; Immigrants; Lao; *Parent Child Relationship; Parent Education; Russian; Somali; Spanish; Uncommonly Taught Languages; Vietnamese

IDENTIFIERS Bosnians; Nuer

ABSTRACT

This culturally appropriate booklet, written in English and Hmong, Laotian, Vietnamese, Nuer, Arabic, Somali, Bosnian, Russian, and Spanish, describes what to expect from birth to 5 years of age. The booklet explains that different cultures have different child rearing practices that influence the course of the child's development, and there are strengths in every culture. It focuses on the following: communicating with the baby (e.g., holding, talking, reading, listening, pointing out new things, and offering positive feedback); the need to learn English as a second language as well as to maintain the primary language; discipline; and what to expect developmentally from age infant to 18 months. Developmentally appropriate suggestions for playtime activities are provided to increase learning. (Adjunct ERIC Clearinghouse for ESL Literacy Education.) (SM)

Reproductions supplied by EDRS are the best that can be made
from the original document.

Growth and Development
[with Translations in Hmong, Laotian,
Vietnamese, Nuer, Arabic, Somali, Bosnian,
Russian, and Spanish]

U.S. DEPARTMENT OF EDUCATION
Office of Educational Research and Improvement
EDUCATIONAL RESOURCES INFORMATION
CENTER (ERIC)

- This document has been reproduced as received from the person or organization originating it.
- Minor changes have been made to improve reproduction quality.

- Points of view or opinions stated in this document do not necessarily represent official OERI position or policy.

PERMISSION TO REPRODUCE AND
DISSEMINATE THIS MATERIAL HAS
BEEN GRANTED BY

C. La Rue

TO THE EDUCATIONAL RESOURCES
INFORMATION CENTER (ERIC)

1

GROWTH AND DEVELOPMENT

KEV LOJ HLOB

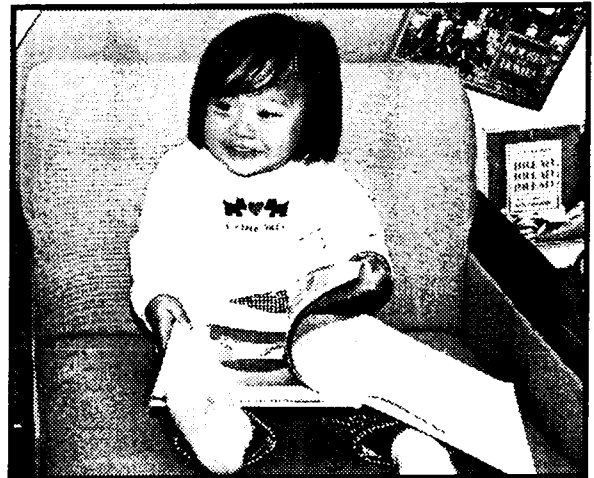
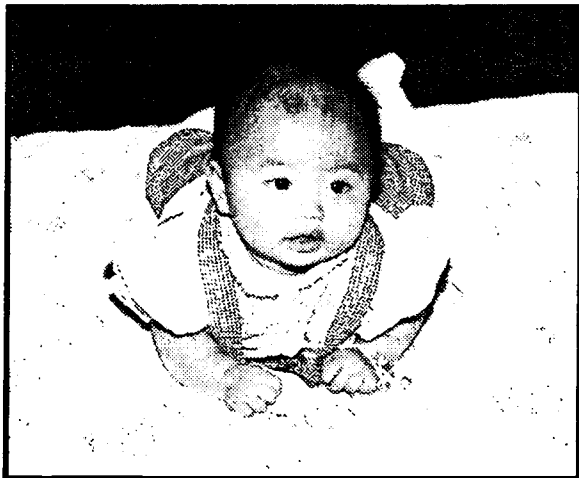
Hmong

ກາງເຕີບໂຕ ແລະການພັດທະນາ

Laotian

TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN

Vietnamese



By Anoka County Community
Health and Environmental Services

14610801

GROWTH AND DEVELOPMENT

was funded by a
Building Culturally Competent Programs Grant
from the Minnesota Department of Children, Families, and Learning

written by
Anoka County Community Health and Environmental Services

and
developed in partnership with
Allina Health System
and
Multi-Cultural Educational Services

1998

We wish to acknowledge the following for their contributions to this effort

Translated by
Rhea Vang
Asian Translation Services
Hi Dang

Photography by Claire Mckinley

Babies go through various stages of development. Not all children do the same things at the same ages. Learning takes place during all daily activities such as playtime, mealtime, bathing, dressing, and quiet time. Children need a variety of experiences. Children need adults that will listen and answer questions.

Menyuam mos nkag rau ntau them kev loj hlob. Tsis yog txhua tus menyuam yuav ua zoo tib yam raws li lawv lub hnub yug. Kev kawm yog muaj los ntawm txhua yam kev uasi xwsli, thaum noj mov, da dej, hnav khaub ncaws thiab caij pw ntsiag to. Menyuam yuav paub txhua yam los ntawm kev kawm. Menyuam yuav tsum muaj cov laus uas mloog thiab teb lawv tej lus nug.

ເດັກນ້ອຍຈະຕ່າງຂັ້ນຕອນຫຼາຍຂັ້ນໃນການພັດທະນາ ເດັກທຸກຄົນໃຫຍ່ບໍ່ຄືກັນ ເດັກໆ ຈະຮຽນຮູ້ຕະລອດເວລາ ເຊັ່ນເວລາຫລິ້ນ ກິນເຂົ້າ ອ່າບນ້ຳ ນຸ່ງເຄື່ອງ ແລະຍາມມີດໆ ເດັກໆ ດ້ອງໄດ້ຮັບປະສົບການຫຼາຍແບບ ເດັກໆ ດ້ອງການ ຜູ້ໃຫຍ່ທີ່ຈະຟັງຂະເຈົ້າ ແລະຕອບຄຳຖາມ

Trẻ nhỏ trải qua nhiều giai đoạn phát triển. Không phải là tất cả trẻ em ở cùng tuổi làm những điều giống nhau. Sự học tập xảy ra trong những sinh hoạt hàng ngày như là lúc giỡn chơi, trong bữa ăn, tắm rửa, ăn mặc và thời gian yên tĩnh. Trẻ em cần nhiều thứ kinh nghiệm. Trẻ em cần người lớn sẽ nghe và trả lời các câu hỏi cho các em.

“Different cultures have different child rearing practices which influence the course of their children's development”. There are strengths in every culture. Children learn to adapt to the demands of their culture.

Ib haiv neeg twg muaj lawm ib txoj kev cobqhia uas pab tau rau lawv tej menyuam txoj kev loj hlob. Puavleej muaj lub zog ntawm txhua hais neeg. Menyuam kawm los coj thiab ua raws li lawv txoj kevcai.

ວັດທະນະທຳຕ່າງໆ ລ້ຽງລູກບໍ່ຄືກັນ ຊຶ່ງມີປົນກະທົບຕໍ່ການພັດທະນາຂອງລູກຂະເຈົ້າ ແຕ່ກໍມີແນວດີໃນທຸກວັດທະນະທຳ ເດັກທຸກຄົນຮຽນປັບໂຕຕາມວັດທະນະທຳຂອງຕົນ

Văn hóa khác nhau có sự nuôi dưỡng khác biệt ảnh hưởng đến tiến trình phát triển của các trẻ em. Mỗi nền văn hóa có những ưu điểm của nó. Trẻ em học hỏi thích nghi với văn hóa của chúng.



This book will describe what to expect from ages birth to five years. Suggestions for discipline and play time activities will be given that will increase learning.

Phau ntawv no yuav qhia kom totaub txog tus menyuam uas nyuam qhuav yug mus txog rau tus uas muaj tsib xyoos. Yuav muaj tawm tswvyim txog kev cob qhia thiab kev uasi uas yuav pab tau txoj kev kawm.

ປຶ້ມເຫລົ່ານີ້ຈະອະທິບາຍກ່ຽວກັບການໃຫຍ່ໂຕຂອງເດັກແຕ່ເກີດຫາອາຍຸ 5 ປີ ແລ້ວມີຄຳແນະນຳສຳຫລັບການໃຊ້ວິໄນ ແລະກິດຈະກຳທີ່ຈະຊ່ວຍເດັກໃນການຮຽນຮູ້ເພີ່ມຂຶ້ນ

Quyển sách này sẽ mô tả những gì cho các em từ lúc mới sinh ra cho đến 5 tuổi. Những sự đề xuất rèn luyện và sinh hoạt chơi đùa của các em sẽ có ảnh hưởng gia tăng sự học tập.

**TALKING AND LISTENING
THAM THIAB MLOOG
ການເວົ້າແລະການຟັງ
NÓI CHUYỆN VÀ LẮNG NGHE**

How and how often parents and caregivers communicate with a baby, especially during the first year, can have a very strong impact on his/her brain development for the rest of his/her life.

Niamtxiv los yog tus zov menyuam nrog menyuam tham ntau npaum licas, qhov tshwjxeeb yog thaum thawj xyoo, qhov no muaj peevxwm pab tau rau menyuam loj hlob thiab nco mus tag ib txhis.

ວິທີແລະເວລາທີ່ພໍ່ແມ່ແລະຜູ້ເບິ່ງແຍງເວົ້າກັບເດັກໂດຍສະເພາະໃນລະຫວ່າງປີທຳອິດ ສາມາດມີອິທິພົນທີ່ສຳຄັນຫຼາຍຕໍ່ການພັດທະນາຂອງສະໝອງຕະຫລອດຊີວິດຂອງເດັກ

Đặc biệt trong năm đầu tiên làm cách nào và cha mẹ thường xuyên liên lạc như thế nào với trẻ em, điều đó có thể sẽ có ảnh hưởng rất mạnh trong sự phát triển của bé trai/hay bé gái trong suốt cuộc đời của chúng.



Suggestions
Tawm tswvyim
ຄຳແນະນຳ
Những sự gợi ý

★ Talk to your baby
 Hais lus rau koj tus menyuam mos
 ເວົ້າກັບລູກຂອງເຈົ້າ
 Nói chuyện với con của bạn

★ Read to your baby
 Nyeem ntawv rau koj tus menyuam mos
 ອ່ານ ປຶ້ມໃຫ້ລູກຂອງເຈົ້າ
 Đọc sách cho con của bạn

★ Hold your baby
 Puag koj tus menyuam mos
 ອ້ອມລູກຂອງເຈົ້າ
 Ấm con của bạn



★ Use an encouraging tone, be responsive, show interest, smile
 Siv lub suab txhawb, muaj kev povplob, qhia kev txaus siab, luag
 ໃຊ້ທັກສະສຽງທີ່ໃຫ້ກຳລັງໃຈ ເອົາໃຈໃສ່ ແລະສະແດງຄວາມສົນໃຈ ຍິ້ມ
 Dùng giọng nói khuyến khích, đáp ứng nhiệt tình, bày tỏ sự thích thú, tươi cười

★ Point to and name objects, body parts, sizes, colors, numbers, times
 Taw tes thiab qhia npe khoom, qhia txog lub cev, loj thiab me, zas (xim), lej, sijhawm
 ຊີ້ແຈງ ແລະເອີ້ນຊື່ຂອງໃຊ້ ອະໄວຍະວະ ຂະໜາດ ສີ ເລນາ ແລະເວລາຕ່າງໆ
 Chỉ trỏ và nói tên đồ vật, những phần trên cơ thể, khuôn khổ, màu sắc, con số, thời gian

★ Demonstrate action words, feelings
 Qhia txog tej lus siv ua haujlwm, zoo siab
 ສາທິດຄວາມໝາຍຂອງຄຳກິລິຍາ ແລະຄວາມຮູ້ສຶກຕ່າງໆ
 Giải thích hành động bằng lời, bằng cảm giác

- ★ Listen to your child, try to understand his/her words
 Mloog koj tus menyuam, xyaum totaub nws cov lus
 ພັງລູກຂອງເຈົ້າ ພະຍາຍາມເຂົ້າໃຈຄໍາເວົ້າຂອງລາວ
 Lắng nghe con của bạn, hãy cố gắng hiểu những lời của chúng

- ★ Point out new things
 Taw tej yam tshiab rau nws
 ຊີ້ໃຫ້ເບິ່ງສິ່ງໃໝ່
 Chỉ ra những đồ vật mới

- ★ Ask your child to look for things
 Qhia koj tus menyuam nrhiav tej yam khoom
 ຂໍໃຫ້ລູກເຈົ້າຊອກຫາຂອງ
 Hãy hỏi con của bạn đi tìm đồ vật

- ★ Offer positive feedback, praise your baby
 Qhia tej yam zoo rau nws, qhuas koj tus menyuam
 ໃຫ້ກໍາລັງໃຈ ແລະຊົມເຊີຍລູກເຈົ້າ
 Đề nghị sự phản hồi xác thực, ca ngợi con của bạn

For many immigrant and refugee families, English is not their primary language. Parents may be learning a new language at the same time as their children. It is harder for adults to acquire a new language so be patient!

Muaj ntau haiv neeg tsivteb raws chaw thiab cov neeg tawg rog, Askiv tsis yog lawv yam lus. Niamtxiv yuav kawm tau tej lolus tshiab li lawv cov menyuam. Paub hais tias yuav nyuaj mentsis rau cov laus kom nco tau cov lus tshiab tabsis yuav tau ua siab ntev.

ສໍາຫລັບຄອບຄົວທີ່ອົບພະຍົບ ຫລືລີ້ໄພມາ ພາສາອັງກິດບໍ່ແມ່ນພາສາຫລັກຂອງຂະເຈົ້າ ພໍ່ແມ່ອາດຈະຕ້ອງຮຽນພາສາໃໝ່ພ້ອມໆ ບໍາລຸກຂອງຂະເຈົ້າ ການຮຽນພາສາຍາກສໍາຫລັບຜູ້ໃຫຍ່ ເຈົ້າຕ້ອງມີຄວາມອົດທົນ



Anh ngữ không phải là ngôn ngữ nguyên thủy, cho những gia đình di dân và tỵ nạn. Những phụ huynh có thể học ngôn ngữ mới cùng thời gian với con của họ. Thật là khó khăn với những người lớn để đạt được một ngôn ngữ mới, bạn hãy kiên nhẫn!

Although it is important to learn English as a second language, primary languages are an important part of all cultures. Immigrant and refugee communities should continue speaking their primary language and encourage and teach the importance of this to their children. Some communities are offering summer camps or community classes that teach native language and cultural practices. Primary language can help children to feel connected to their culture, traditions and heritage, and build pride and confidence.

Txawm li ntawd los kawm lus Askiv uas yog yam lus thib ob yeej yog ib qhov tseemceeb. Yam lus thib ib yeej tseemceeb rau txhua haiv neeg. Cov neeg tsivteb raws chaw thiab neeg tawg rog yuav tau rau siab hais lawv yam lus thiab qhia lawv tej lus rau lawv cov menyuam. Muaj tej lub khoomhaum kuj muaj kev mus kawm uasi rau lub caij ntuj so los yog kev kawm ntawv uas qhia lawv cov lus thiab txujci. Lawv thawj yam lus yuav pab cov menyuam kom lawv paub txog tias lawv tseem txuas rau lawv tej kev lig kevcai, txujci, kev loj hlob thiab ruaj khov.

ເຖິງແມ່ນວ່າການຮຽນພາສາອັງກິດເປັນພາສາທີ່ສອງມີຄວາມສໍາຄັນ ພາສາຫລັກເປັນສ່ວນສໍາຄັນຂອງທຸກວັດທະນະທຳ ສັງຄົມຄົນອົບພະຍົບ ຫລືຄົນລີ້ໄພຄວນເວົ້າພາສາຫລັກຂອງຂະເຈົ້າ ແລະຄວນສະໜັບສະໜູນ ແລະສອນຄວາມສໍາຄັນຂອງພາສານີ້ໃຫ້ລູກໆ ສັງຄົມບາງສັງຄົມຈະເປີດໂຮງຮຽນຍາມຮ້ອນ ຫລືຊັ້ນຮຽນສອນພາສາດັ້ງເດີມ ແລະປະເພນີ ພາສາຫລັກສາມາດຊ່ອຍເດັກໆ ໃຫ້ຮູ້ສຶກໄດ້ ຊິດວັດທະນະທຳ ປະເພນີ ແລະຄວາມເປັນມາຂອງຂະເຈົ້າ ແລະສ້າງຄວາມພູມໃຈ ແລະຄວາມມັ່ນໃຈ

Mặc dù điều quan trọng học Anh Ngữ là ngôn ngữ thứ hai, những ngôn ngữ nguyên thủy là một phần quan trọng của tất cả các văn hóa. Những cộng đồng tỵ nạn và di dân phải tiếp tục nói tiếng nói nguyên thủy của họ, khuyến khích và dạy dỗ sự quan trọng của tiếng nói này với con cái của họ. Một vài cộng đồng cố gắng hiến những buổi cắm trại mùa hè hay những lớp ở trong cộng đồng dạy tiếng mẹ đẻ và những sự rèn luyện văn hóa. Ngôn ngữ nguyên thủy có thể giúp cho các trẻ em cảm thấy liên hệ với văn hóa của chúng, truyền thống, di sản, và xây dựng sự tự tin và sự hãnh diện.

DISCIPLINE
KEV COBQHIA
ວິໄນ
RÈN LUYỆN

The purpose of disciplining young children is to help them learn how to behave. Discipline is setting limits and teaching respect for people, animals and property. Discipline is a gradual process. Children learn a great deal by watching how you behave.

Qhov tseem ceeb ntawm kev cobqhia cov menyuam yaus yog pab lawv kawm txog kev mloog lus. Kev cobqhia yog qhia kom muaj ciam thiab qhia txog kev hwm lwm leej lwm tus, tsiaj txhu thiab khoom. Kev cobqhia yog ib qho uas muaj zuj zus mus. Menyuam kawm los ntawm kev saib koj koj licas.

ຈຸດປະສົງຂອງການໃຊ້ວິໄນກັບເດັກນ້ອຍແມ່ນເພື່ອຊ່ອຍໃຫ້ຂະເຈົ້າຮຽນຮູ້ວ່າຕ້ອງປະພຶດໂຕຈັ່ງໃດ ວິໄນແມ່ນການຕັ້ງຂີດຈຳກັດ ແລະການສອນຄວາມເຄົາລົບຕໍ່ຄົນ ສັດ ແລະສິ່ງຂອງ ວິໄນແມ່ນການປະຕິບັດທີ່ຕ້ອງໃຊ້ເວລາ ເດັກໆ ຮຽນຫຼາຍສິ່ງຫຼາຍຢ່າງຈາກ ການເບິ່ງຄວາມປະພຶດຂອງເຈົ້າ

Mục đích rèn luyện các con nhỏ để giúp chúng học biết cư xử cách nào. Rèn luyện là đặt ra giới hạn và dạy dỗ sự kính trọng mọi người, thú vật và tài sản. Rèn luyện là một tiến trình từ từ. Các trẻ em học được nhiều bằng cách theo dõi bạn cư xử cách nào.

Discipline should be fair, firm, patient, consistent, and age appropriate. It is good to set positive limits (tell what to do rather than what not to do). Use honest praise. Avoid shaming and sarcasm. Spanking is not recommended as a way to discipline. It can be dangerous when an angry parent hits a child. There is evidence that spanking teaches a child that hitting or violence is the way to deal with frustrating experiences.

Kev cobqhia yuav tsum muaj kev ncajnnees, mosmuag, siab ntev, sib nrawg nroos, thiab raug hnoob nyoog. Qhia tej yam (xwsli tej yam uas nws ua, tsis yog tej yam uas nws tsis ua). Qhuas tej yam zoo. Txhob hais tej yam lus rau nws txajmuag. Kev ntau menyuam tsis yog kev cobqhia. Niamtxiv ntaus menyuam los ntawm kev npau taws, qee zaus yuav muaj teebmeem. Kev ntaus menyuam qhia hais tias thaum twg koj nyuaj siab, txhawj xeeb ces yog yuav tsum ntaus xwb.

ການໃຊ້ວິໄນຄວນຈະໃຊ້ຄວາມຍຸດຕິທຳ ຄວາມອົດທົນ ແລະຄວາມເພາະສົມຕາມອາຍຸຂອງເດັກ
 ການຕັ້ງຂີດຈຳກັດທີ່ເປັນທາງບວກເປັນສິ່ງທີ່ດີ (ບອກສິ່ງທີ່ໃຫ້ເຮັດ ແທນທີ່ຈະບອກສິ່ງທີ່ຈະບໍ່ໃຫ້ເຮັດ) ໃຊ້ຄຳຄົມເຊີຍທີ່ຈິງໃຈ
 ຫລືກວ້າງຈາກການເຮັດໃຫ້ລາວຮູ້ສຶກລະອາຍ ແລະການໃຊ້ຄວາມສຽດສີ ຂໍຜະນຳວ່າບໍ່ຄວນໃຊ້ການຕີເປັນວິທີການໃຊ້ວິໄນ
 ເວລາພໍແຜ່ໃຈຮ້າຍຕີລູກອາດຈະເກີດອັນຕະລາຍໄດ້ ມີຫລັກຖານສະແດງວ່າການຕີລູກສອນເດັກວ່າການຕີ ຫລືຄວາມຮຸນແຮງເປັນວິທີທີ່ຈະ
 ຈັດການກັບປະສົບການທີ່ຫຍຸ້ງຍາກ

Rèn luyện phải công bằng, cứng rắn, nhẫn nại, nhất quán, và phải thích hợp với tuổi tác. Đặt ra những giới hạn xác thực là tốt (nói cái gì làm hơn là cái gì không làm). Dùng sự ca ngợi thành thực. Tránh làm xấu hổ và sự mỉa mai. Phát vào đít không được đề nghị là một lối rèn luyện. Rất là nguy hiểm khi phụ huynh đánh trẻ trong lúc nóng giận. Có chứng cứ rằng sự phát vào đít dạy cho đứa trẻ rằng đánh hay bạo động là lối cư xử với những kinh nghiệm nản lòng.

BABIES (INFANT 18 MONTHS)
MENYUAM MOS (MENYUAM MOS 18 LUB HLIS)
 ເດັກໜ້າ (ເດັກດົນໃໝ່ - ເດັກອາຍຸ 18 ເດືອນ)
TRẺ SƠ SINH (TRẺ CON 18 THÁNG)

Your child should be able to do most things other children of the same age are doing. This may not be true if your child was born early, with a low birth weight, or has special needs. If you have questions or concerns regarding your baby's development, consult your health care provider.

Koj tus menyuam yuav tsum muaj peevxwm ua tau yuav laug txhua yam ib yam li cov menyuam uas hnoob nyoob tib yam li nws. Qhov no tej zaum tsis tseeb vim koj tus menyuam ho yug tau ntxov mentsis, sib mentsis, los yog tau kev pab tshwjxeb. Yog koj muaj lus nug los yog kev txhawjxeb txog koj tus menyuam kev loj hlob, nrog koj tus kws tshuaj tham tau.

ລູກຂອງເຈົ້າຄວນຈະສາມາດເຮັດຄືກັບກັບເດັກຄົນອື່ນທີ່ມີອາຍຸເທົ່າກັບລາວ ບອກຈາກວ່າລູກຂອງເຈົ້າເກີດກ່ອນກຳນົດ
 ເກີດມາເບົາກວ່າທຳມະດາ ຫລືມີຄວາມຕ້ອງການພິເສດ ຄັ້ນເຈົ້າມີຄຳຖາມ ຫລືຂໍ້ກັງວົນເຮືອງການພັດທະນາຂອງລູກເຈົ້າ ຂໍໃຫ້
 ປຶຊາສາພໍປະຈຳຂອງເຈົ້າ

Con của bạn phải làm được mọi thứ như những đứa trẻ khác ở cùng tuổi. Điều này có thể không đúng nếu con của bạn sinh sớm, khi sinh ra nhẹ ký, hay có những nhu cầu đặc biệt. Nếu bạn có những câu hỏi hay những sự quan tâm đến sự phát triển của con bạn, bạn hãy hỏi ý kiến nơi cung cấp việc sản sóc sức khoẻ.



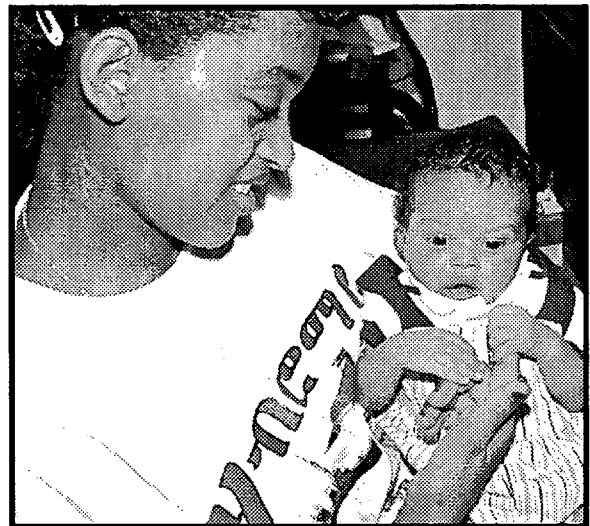
The following is a list of what to expect children to do between birth and 18 months.

Hauv qab no yog qhia txog tej yam tshwm los ntawm tus menyuam txij thaum yug txog rau 18 lub hlis

ຄວາມປະເມີນຕໍ່ໄປນີ້ແມ່ນສິ່ງທີ່ຄາດຫມາຍໄດ້ຈາກເດັກແຕ່ເກີດຫາ ອາຍຸ 18 ເດືອນ

Tiếp theo đây là liệt kê những gì bạn mong ước cho các trẻ em trong khoảng từ lúc sơ sinh đến 18 tháng.

Newborn
Menyuam yug tshiab
ເດັກເກີດໃໝ່
Trẻ sơ sinh



— Keeps arms and legs curled close to the body with hands clenched most of the time
Tej tes taw caws ti rau nws lub cev nrog rau txhais tes caws txhua sijhawm
ສ່ວນຫງາຍເກັບແຂບຂາງໄກ້ໂຕ ແລະກຳມືເປັນໝັດ
Giữ tay chân cuộn quanh người và tay xiết chặt luôn luôn

— Grasps a finger or object for a short time
Nyem tau ntivtes los yog khoom ib pliag
ຈັບນິ້ວ ຫລືຂອງສິ່ງ ແຕ່ບໍ່ດົນ
Túm chặt ngón tay hay đồ vật trong một thời gian ngắn

— Crying is the way a newborn talks to you
Quaj yog ib txoj kev uas menyuam mos hais lus rau koj
ການໄຫ້ເປັນວິທີທີ່ເດັກເກີດໃໝ່ເວົ້າກັບເຈົ້າ
Khóc là một lối nói chuyện với bạn của trẻ sơ sinh

3 Months
3 lub hlis
ໄດ້ກອງ 3 ເດືອນ
3 tháng

— Responds to loud sounds
Hnov suab nrov
ຫັນຕາມສຽງດັງ
Đáp lại với những tiếng động lớn

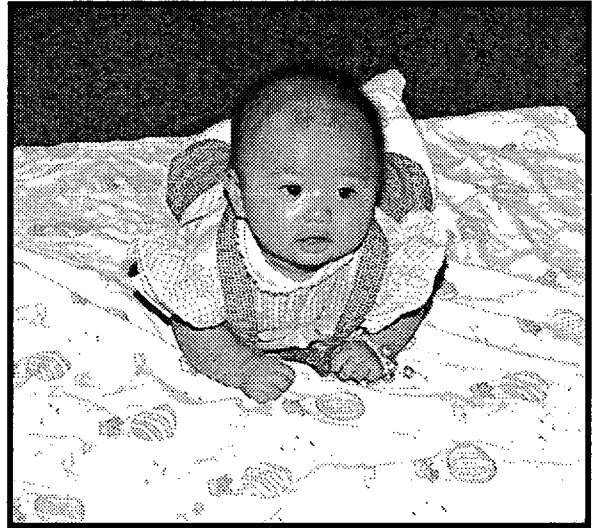
— Smiles
Luag
ຂັນໄດ້
Cười

— Wiggles and kicks with legs and arms
Ua zog thiab testaw ncaws thiab ntau
ເຄື່ອນໄຫວແຂນຂາ
Ngọ nguậy và đá với chân và tay

— Lifts head and chest while lying on stomach
Thaum pw khwbrwg, nws tsa taubhau thiab hauvsiab
ຍົກຫົວ ແລະ ຫ້າຂົນຂຶ້ນເວລາບອນຄວ້າ
Nâng đầu và ngực trong khi nằm sấp

— Moves eyes in the same direction together
Qhov muag thoov txhij saib mus saib los
ຂະຍັນສາຍຕາໄປທາງທິດດຽວກັນ
Di động mắt về cùng một hướng với nhau

— Makes cooing sounds
Qw ua tej suab mosliab
ຫົກສຽງອີ້ເອ້
Làm tiếng động ờ ề



6 Months
 6 lub hlis
 ດັກອາຍຸ 6 ເດືອນ
 6 tháng

— Responds to familiar faces
 Nco tej ntsej muag nws pom
 ສະແດງອອກເວລາເຫັນໜ້າທີ່ລື້ງເຄີຍ
 Đáp ứng những bộ mặt quen thuộc

— Vocalizes a variety of sounds
 Ua lub suab hais lus los yog lwm yam suab
 ຫົກສຽງຫຼາຍແບບ
 Phát âm những tiếng động khác nhau

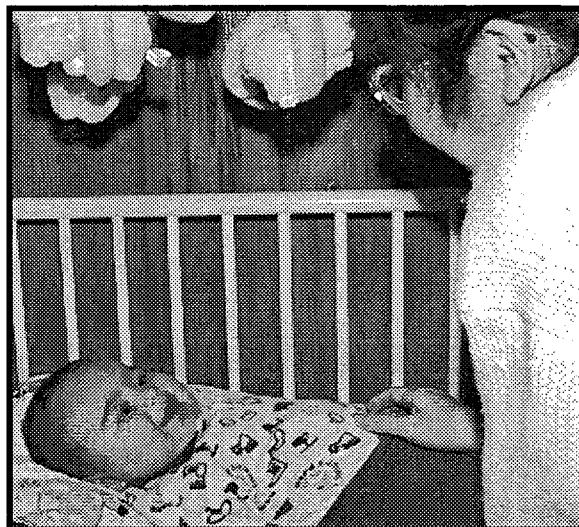
— Turns towards source of sound
 Tig rau tej qhov uas nws hnov suab
 ຫັນຫາສຽງເວົ້າ
 Quay về hướng có tiếng động

— Rolls from stomach to back
 Ntxeev ntawm plab rau nruab qaum
 ພົກໄຕໄດ້
 Lật sấp qua ngửa

— Follows moving objects with eyes
 Qhov muag txawj raws saib tej khoom
 ຕາມສິ່ງທີ່ເຄື່ອນໄຫວດ້ວຍສາຍຕາ
 Theo dõi những vật di động bằng mắt

— Reaches for dangling objects
 Ncav rau tej khoom uas ua zog
 ຄ້າຂອງທີ່ຫ້ອຍຢູ່ດ້ານ
 Với lấy những vật lúc lắc

— Bangs or shakes rattle
 Txawj co lub tswb
 ຫຸບ ຫລື ຫລອກຂອງຫລັ່ນທີ່ເຮັດສຽງໄດ້
 Đập hay lúc lắc lách cách



9 Months
 9 lub hlis
 ດັ່ງອາຍຸ 9 ເດືອນ
 9 tháng

—— Babbles
 Pib xyaum hais lus
 ສົ່ງສຽງຕ່າງໆ
 Bập bẹ

—— Reaches for objects and picks them up
 Ncav tes rau tej khoom thiab khaws tej
 khoom
 ຄວ້າຂອງ ແລະ ຍົບຂອງ
 Vói và nhặt những đồ vật

—— Transfers objects from one hand to other
 Muab khoom hloov ib sab tes rau ib sab tes
 ປ່ຽນສະຫລັບມືຖືຂອງໄດ້
 Di chuyển đồ vật từ tay này qua tay kia

—— Plays peek-a-boo and pat-a-cake
 Uasi pos muag thiab npuaj tes
 ຫລິ້ນຈິ້ເອ່ ແລະ ຕົບມືໄດ້
 Chơi ú òa và tập vỗ tay

—— Plays with toes
 Uasi nrog rau nws taubtaws
 ຫລິ້ນກັບຕີນ
 Chơi với những ngón chân

—— Sits without help
 Nws zaum tsis yuav pab
 ບັງໄດຍບໍ່ຕ້ອງຊ່ອຍ
 Ngồi không cần sự giúp đỡ



—— Crawls on tummy
 Siv lub plab nkag
 ຄືບໄດ້
 Bò bằng bụng

—— Takes pureed food without difficulty
 Noj tau mov tsis nyuaj dabtsi
 ກິນອາຫານທີ່ບົດແລ້ວໄດ້ງ່າຍ
 Ăn thức ăn nghiền như không khó khăn

12 Months
12 lub hlis
ດັກອາຍຸ 12 ເດືອນ
12 tháng

—— Crawls on hands and knees
Siv tes taw nkag
ຄາວໄດ
Bò bằng tay và đầu gối

—— Pulls to a standing position
Rub npaj sawv
ຈັບຂອງເຖິງໂຕໃຫ້ຮືບຂຶ້ນ
Kéo vào vị thế đứng

—— Drinks from a covered cup
Haus dej ntawm lub khob muaj hau kaw
ກິນນ້ຳຈາກຈອກທີ່ມີຝາ
Uống bằng ly có nắp đậy

—— Puts objects into containers
Muab khoom cia rau hauv pobtawb
ເອົາຂອງໃສ່ພາລະນະຕ່າງໆ
Để các vật dụng vào hộp đựng

—— Stacks two blocks
Muab khoom teeb uake
ເອົາແລກຫລັບສອງອັນມາຊ້ອນກັນໄດ້
Xếp đồ chơi thành hai khối

—— Feeds self finger food
Siv tes noj mov
ກິນອາຫານທີ່ກິນດ້ວຍມືເອງໄດ້
Tự ăn bằng thức ăn cầm tay

—— Waves bye-bye
Txawj co tes
ໃບກມື "ບາຍ-ບາຍ" ໄດ້
Vẫy chào tạm biệt



Infancy (birth through 18 months) is a period of fast growth and rapid development. Infants nearly triple in weight, learn to walk, gain skills in feeding themselves, and develop early language skills during this time.

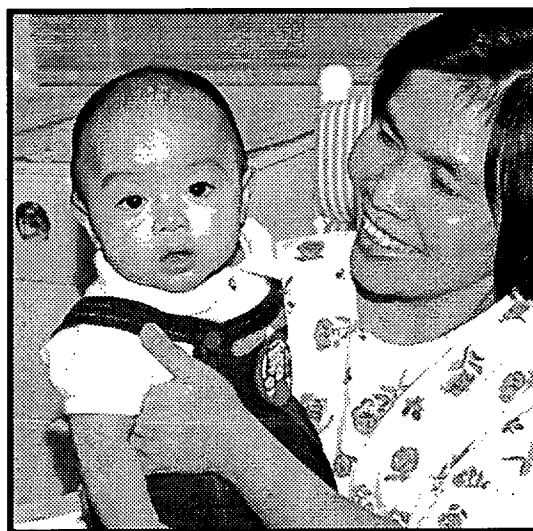
Menyuam mos (thaum yug txog rau 18 lub hlis) yog ib qho kev loj hlob thiab paub qab hau ceev. Menyuam mos hnyav yuav luag peb npaug, xyaum mus kev, txawj pub mov rau nws noj thiab paub txog kev hais lus thaum lub sijhawm no.

ໄລຍະທີ່ເປັນເດັກທຸກລືກ (ແຕ່ເກີດໃໝ່ຫາອາຍຸ 18 ເດືອນ) ແມ່ນໄລຍະແຫ່ງ ການເຕີບໂຕໄວ ແລະການພັດທະນາໄວ ເດັກທຸກລືກຈະເພີ່ມນ້ຳໜັກສາມເທົ່າໂຕ ຫ້ວຍໆ ຫ້ວຍໆ ຫ້ວຍໆ ແລະພັດທະນາຄວາມສາມາດເບື້ອງຕົ້ນທາງດ້ານພາສາ ໃນອະຫວ່າງເວລານີ້

Thời thơ ấu (từ lúc sinh ra cho đến 18 tháng) là thời kỳ tăng trưởng và phát triển nhanh nhất. Trẻ con cần năng gấp ba, học đi, có được sự khéo léo trong việc tự ăn và phát triển kỹ năng về ngôn ngữ.

By responding sooner to your baby’s needs, he will develop a better sense of trust. It is good to hold and cuddle your baby. Babies need attention from their parents. This helps build positive self esteem (feeling lovable, capable, and accepted).

Yog koj ntxov paub txog kev pab koj tus menuam qhov ntawd yeej zoo tshaj thiab koj tus menyuam yuav muaj kev ntseeg koj siab. Qhov uas koj puag koj tus menyuam yog ib qhov zoo. Menyuam xav kom koj uas yog niamtxiv nyob ze lawv (paub txog kev hlob, muaj peevxwm, txais yuav lawv).



ເວລາລູກເຈົ້າຕ້ອງການຫຍັງ ໃຫ້ເຈົ້າຕອບສະໜອງໄວຍ້ອນວ່າຈະເຮັດໃຫ້ລູກ ໄວ້ໃຈເຈົ້າ ການອຸ້ມແລະການກອດລູກນ້ອຍຂອງເຈົ້າເປັນສິ່ງທີ່ດີ ເດັກທຸກລືກ ຕ້ອງການຄວາມເອົາໃຈໃສ່ຈາກພໍ່ແມ່ ຊຶ່ງຈະ ຊ່ວຍສ້າງຄວາມຮູ້ສຶກວ່າໂຕເອງມີຄ່າ (ຮູ້ສຶກວ່າໜ້າຮັກ ມີຄວາມສາມາດ ແລະເປັນທີ່ຍອມຮັບ)

Bạn càng đáp ứng nhu cầu của trẻ con càng sớm bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu, chúng sẽ phát triển cảm giác lòng tin. Ấm và ôm chặt con của bạn là điều tốt. Trẻ con cần sự chú ý của cha mẹ chúng. Điều này giúp cho sự tạo dựng lòng tự tin (cảm giác đáng yêu, giỏi và chấp nhận).



Some behaviors at this developmental level can be very frustrating for parents but are perfectly normal. It is normal for babies to cry but it can be hard to listen to. Newborns cry an average of 2 1/2 hours per day. Babies cry when they are hungry, tired, wet, too hot or cold, if their tummy hurts, or when they want to be held.

Kev loj hlob theem no yog ib qho uas muaj kev txhawjxeeb rau niamtxiv kawg li tabsis qhov no yog ib qho uas yeej muaj los lawm. Kev hloov ua rau menyuam mos quaj heev thiab laj mloog. Menyuam mos quaj nruab nrab li 2 1/2 teev los ntawm ib hnuv twg. Thaum lawv tshaib plab lawv quaj, thaum nkees, thaum ntub, thaum sov nto hws, thaum mob plab, los yog thaum lawv xav kom puag.

ຄວາມປະພຶດບາງຢ່າງໃນຂັ້ນຕອນນີ້ອາດເຮັດໃຫ້ພໍ່ແມ່ອຸກໃຈຫຼາຍ ແຕ່ວ່າຄວາມປະພຶດເຫລົ່ານີ້ທຳມະດາ ການໃຫ້ເປັນສິ່ງທຳມະດາສຳຫລັບເດັກທາລິກ ແຕ່ບາງເທື່ອທົນພັງຍາກ ຕາມສະເລ່ຍແລ້ວ ເດັກເກີດໃໝ່ຈະໃຫ້ ມື້ລະ 2 ຊົ່ວໂມງເຄິ່ງ ເດັກທາລິກມັກຈະໃຫ້ເວລາຫົວ ເຫງົາອອນ ປຽນ ຮ້ອນ ໝາວ ປວດທ້ອງ ຫລືຢາກໃຫ້ເຈົ້າອຸ້ມລາວ

Một vài cách cư xử phát triển ở mức độ này có thể làm cho cha mẹ rất nản lòng nhưng những điều đó hoàn toàn bình thường. Những đứa trẻ khóc là sự bình thường nhưng có thể rất khó nghe. Những trẻ sơ sinh trung bình khóc 2 giờ rưỡi một ngày. Trẻ em khóc khi chúng đói, mệt mỏi, bị ướt, nóng quá hay lạnh quá, nếu bụng chúng đau, hay chúng muốn được ẵm.



Older infants are good at making messes (example: at meal time). Feeding themselves can be messy but it is an important part of development. Older infants (12 - 18 months) will begin to express anger and frustration. They are more mobile at this age and often do not respond to parents commands. It is important to provide a safe environment and proper supervision for your child.

Cov menyuam uas nws ib nyuag loj lawm muaj ntsis nyiam uasi nrog mov zaub thaum noj mov tabsis qhov ntawd yog ib qho kev loj hlob ntawm nws. Tus menyuam uas ib nyuag loj lawm xwsi (12 - 18 lub hlis) yuav pib qhia txog lawv kev npau taws. Nws muaj peevxwm txav mus los nws tus kheej thiab tsis tshua mloog niamtxiv lus. Yuav tau nrhiav tej qhov chaw uas nws tsis raug mob thiab yuav tau muaj tus neeg laus saib ntshis.

ເດັກທຸກລຳທີ່ເລີ່ມໃຫຍ່ແລ້ວເຮັດເປື້ອນເກັ່ງແທ້ (ເຊັ່ນເວລາກິນເຂົ້າ) ເວລາໃຫ້ລູກກິນເອງລາວອາດຈະເປື້ອນ ແຕ່ວ່າເປັນສ່ວນສຳຄັນໃນການພັດທະນາ ເດັກທຸກລຳທີ່ເລີ່ມໃຫຍ່ແລ້ວ (ອາຍຸ 12-18 ເດືອນ) ຈະເລີ່ມສະແດງອອກເວລາ ໃຈຮ້າຍ ແລະບໍ່ພໍໃຈ ໃນເວລານີ້ຂະເຈົ້າເຄື່ອນທີ່ໄດ້ ແລະບາງເທື່ອຂະເຈົ້າຈະບໍ່ຟັງຄວາມພໍ້ແມ່ ການທີ່ເຈົ້າຈະຈັດຫາສິ່ງແວດລ້ອມໃຫ້ປອດໄພ ແລະເບິ່ງແຍງລູກຢ່າງເໝາະສົມເປັນສິ່ງທີ່ສຳຄັນຫຼາຍ

Những trẻ con lớn hơn chúng hay làm bừa bãi (thí dụ: vào bữa ăn). Chúng tự ăn lấy có thể làm bừa bãi nhưng điều đó là quan trọng trong một phần của sự phát triển. Những đứa trẻ lớn hơn (12 - 18 tháng) sẽ bắt đầu biểu lộ sự giận dữ và sự nản lòng. Chúng biến đổi nhiều vào tuổi này và luôn luôn không đáp ứng tới những mệnh lệnh của cha mẹ chúng. Điều quan trọng là cung ứng một môi trường an toàn và giám thị đúng cách cho con của bạn.

Suggested play time ideas
Tawm tswvyim qhia txog kev uasi
ຄຳແນະນຳສຳຫລັບການຫລິ້ນ
Đề nghị những ý nghĩ về giờ chơi

1 - 2 Months crib mobile, ring or dumbbell-shaped rattles, music, read books, babies like to look at their parents faces

1 - 2 hlis nyob rau hauv lub txaj swb, nws co tswb los yog tshuab raj, phau ntawv, menyuam mos nyiam saib niamtxiv lub ntsejmuag

ອາຍຸ 1-2 ເດືອນ ເຄື່ອງຫລິ້ນທີ່ທ້ອນເໝືອນ ຂອງຫລິ້ນທີ່ເຮັດສຽງໄດ້ ແລະທີ່ຈັບງ່າຍ ດົນຕີ ປຶ້ມ ການເບິ່ງໜ້າພໍ່ແມ່

Từ 1 tới 2 tháng khuôn di động - rung chuông hay những đồ lúc lắc có hình quả tạ, âm nhạc, sách vở, những trẻ em thích nhìn mặt cha mẹ chúng

3 Months rattles, cuddly toys, bouncing bright colored balls, activity centers and play gyms, read books

3 hlis txawj co, puag khoom uasi, pov tej lub pob uas ci-ci, tej khoom uasi thiab nyeem ntawv

ອາຍຸ 3 ເດືອນ ຂອງຫລິ້ນທີ່ເຮັດສຽງໄດ້ ຂອງຫລິ້ນນ້ຳ ພາກບານທີ່ມີສີແຈ້ງ ແນວຫລິ້ນອື່ນໆ ປຶ້ມ

3 tháng những đồ lúc lắc, những đồ chơi được cứng chiều, những quả bóng cao su nẩy có màu sáng, những sinh hoạt trọng tâm vào chơi thể thao, đọc sách

6 Months soft washable animals and toys, cloth or heavy cardboard books, toys that make sounds, floating bath toys, soft rubber squeeze toys

6 hli tej yam khoom uasi uas yog tsiaj, ntaub los yog tej ntawv tuab, tej khoom uasi uas txawj quaj los yog ua suab, tej yam khoom uasi hauv dej uas txawj ntab, tej yam khoom muag uas yog yas nyem tau

ອາຍຸ 6 ເດືອນ	ຕຸກກະຕາ ແລະຂອງຫລິ້ນນ້ຳໜັງ ທີ່ລ້າງໄດ້ ປຶ້ມທີ່ເຮັດໂດຍຜ້າ ຫລື ເຈ້ຍແຂງ ເຄື່ອງຫລິ້ນທີ່ມີສຽງ ຂອງຫລິ້ນທີ່ຫລິ້ນໃນອ່າງອາບນ້ຳ ເຄື່ອງຫລິ້ນຢ່າງ ນ້ຳໜັງ ທີ່ບົບໄດ້
6 tháng	những đồ chơi và súc vật mềm có thể rửa được, vải hay những sách bìa cứng, những đồ chơi gây ra tiếng động, những đồ chơi nổi lên bèn trong bồn tắm, những đồ chơi bóp được bằng cao su mềm

9 Months	play interactive games with child such as Peek-a Boo, Pat-a-Cake, nonbreakable dishes, pots and pans, read books
9 hlis	tus menyuam uasi nrog tej yam xwslı pos muag npuaj tes, tais diav uas tawg tsis tau, lauj kaub tais diav, ntawv
ອາຍຸ 9 ເດືອນ	ຫລິ້ນເກມກັບລູກ ເຊັ່ນຫລິ້ນຈີະເອ່ ແລະຫລິ້ນຕົບມື ຫລິ້ນຖ້ວຍຊາມທີ່ບໍ່ແຕກ ກະທະ ແລະພໍ້ ປຶ້ມ
9 tháng	chơi những trò chơi phối hợp với đứa trẻ như là chơi ú òa, vỗ tay, những đĩa không vỡ, nồi và chảo, đọc sách

12 Months	toy telephone, nesting bowls or tumblers, easy puzzles, low rocking horse, point to and name body parts with your child, read books
12 hlis	khoom uasi xovtooj, tais tob los yog tej khoom dov, tej khoom sib dhos yooj yim, tsaj nees, taw tes thiab qhia txog tej npe ntawm lub cev
ອາຍຸ 12 ເດືອນ	ໂທລະສັບຂອງຫລິ້ນ ຊາມ ຫລືຈອກເດັກ ພາບດໍ່ທີ່ງ່າຍໆ ມ້າໂຍກທີ່ບໍ່ສູງ ຊີ້ແລະບອກ ຊີ້ອະໄວຍະວະຂອງຮ່າງກາຍ ປຶ້ມ
12 tháng	đồ chơi điện thoại, bát tổ chim hay con lật đật, ô chữ dễ, ngựa lắc lư thấp, chỉ và nói tên những bộ phận trên cơ thể cho con của bạn, đọc sách

Disciplining Babies (Infant - 18 Months)
Kev Cob qhia menyuam mos liab (menyuam mos liab - 18 lub hlis)
ວິນຍາກຳລັບເດັກທຳລຳ (ເດັກເກີດໃໝ່ - ອາຍຸ 18 ເດືອນ)
Rèn luyện trẻ con (trẻ con - 18 tháng)

During baby's first year every interaction you have with him/her is a chance to show respect and encourage cooperation. Babies are explorers. They do not understand rules. Babies do not understand time-out, saying no, or spanking. **Never shake your baby.** It could seriously hurt or even kill your baby.

Thawj xyoo ntawm menyuam mos. Txhua yam uas koj nrog nws uasi yog ib qho uas koj yuav tau qhia txog kev hwm thiab txhawb txog kev koomtes. Menyuum mos yog ib co uas tseem kawm. Lawv tsis totaub txog kevcai. Lawv tsis totaub txog kev rau txim hais tias tsis kam, los nplawm. Tsis txhob muab menyuum siv zog nchos ib zaug li. Qhov no muaj peevxwm ua rau tus menyuum ntawd raug mob los yog ploj tuag tau.

ທຸກເທື່ອທີ່ເຈົ້າເຮັດຫຍັງກັບລູກໃນປີທຳອິດຂອງຊີວິດລາວຈະເປັນໂອກາດທີ່ຈະສະແດງການໃຫ້ກຽດ ແລະການຮ່ວມມື ເດັກທຳລຳຢາກຮູ້ຢາກເຫັນ ລາວຍັງບໍ່ທັນເຂົ້າໃຈກົດລະບຽບຫຍັງ ຍັງບໍ່ທັນເຂົ້າໃຈການທຳໂຫດ ການຫ້າມ ຫລືການຕີ ຢ່າຍອກລູກ ຂອງເຈົ້າ ຍ້ອນວ່າການຍອກນັ້ນອາດເຮັດໃຫ້ລູກເຈັບໝັກ ຫລືເສຍຊີວິດໄດ້

Trong năm đầu tiên mỗi hành động mà bạn có với con em là một dịp may để chúng tỏ sự phối hợp về kính trọng và sự khuyến khích. Trẻ con là những người thám hiểm. Chúng không hiểu luật lệ. Trẻ con không hiểu, giờ giải lao, nói không, hay phát vào đít. Đừng bao giờ lắc con của bạn. Có thể làm con bạn bị thương nghiêm trọng hay có thể giết con bạn.

TODDLERS (18 MONTHS - 3 YEARS)
MENYUAM YAUS (18 LUB HLIS - 3 XYOOS)
ເດັກນ້ອຍ (ເດັກອາຍຸ 18 ເດືອນ - ເດັກອາຍຸ 3 ປີ)
NHỮNG ĐỨA TRẺ (đã biết đi) (Từ 18 THÁNG tới 3 TUỔI)

The following is a list of what to expect children to do between 18 months and 3 years.

Nyob rau nram qab no yog tej yam muaj tshwm los ntawm cov menyuum uas muaj 18 lub hlis txog 3 xyoos.

ຄວາມປະພຶດດັ່ງນີ້ແມ່ນສິ່ງທີ່ຄາດຫວາຍໄດ້ຈາກເດັກແຕ່ອາຍຸ 18 ເດືອນຫາ ອາຍຸ 3 ປີ

Tiếp đây là tiết mục những gì mà bạn trông chờ trẻ con làm từ khi 18 tháng tới 3 tuổi.

18 Months

18 lub hlis

ອາຍຸ 18 ເດືອນ

18 tháng

—— Likes to pull, push, and dump things
Nyiam rub, thawb, thiab nchuav khoom
ນັກດຶງ ດັນ ແລະ ເຫຂອງຕ່າງໆ
Thích kéo, đẩy, và vứt bỏ đồ vật

—— Follows simple directions ("Bring the ball")
Paub tej lus yooj yim (Xwsli nqa lub npas los)
ເຮັດຕາມຄຳສັ່ງງ່າຍໆ (ເຊັ່ນ "ເອົາໝາກບານມາ")
Theo sự hướng dẫn đơn giản (Hãy đem quả bóng lại đây)

—— Helps to get dressed and undressed
Paub hloov khaubncaws
ຊ່ວຍໃນການນຸ່ງເຮົອງ
Giúp đỡ mặc và cởi quần áo

—— Likes to look at pictures
Nyiam saib duab
ນັກເບິ່ງຮູບ
Thích nhìn vào ảnh

—— Uses 8 - 10 words
Siv txog li 8 - 10 lo lus
ໃຊ້ 8-10 ຄຳໄດ້
Dùng từ 8 tới 10 chữ



—— Walks without help
Mus kev tsis yuav pab lawm
ຍ່າງໄດ້ໂດຍບໍ່ຕ້ອງຊ່ອຍ
Đi bộ không cần sự giúp đỡ

—— Climbs stairs on all fours
Nce ntaiv tag nrho plaub txais testaw
ຄລົບຂຶ້ນຂັ້ນໄດ
Trèo lên các bậc thang tới 4 nấc

—— Steps off low objects and keeps balance
Hla tawm ntawm tej khoom qis thiab hwj lub cev
ກ້າວລົງຈາກສິ່ງທີ່ບໍ່ສູງໂດຍບໍ່ລົ້ມ
Bước qua những đồ vật thấp và giữ thăng bằng

—— Feeds self with spoon
Siv diav noj mov
ໃຊ້ບ່ວງປ້ອນໂຕເອງ
Tự ăn lấy bằng muỗng

* See “Toilet Training” later in this book
Saib “Siv tsev dej” muaj txuas ntxiv ntawm phau ntawv no
ເບິ່ງບົດທີ່ກ່ຽວກັບ “ການຫັດໃຫ້ລູກໃຊ້ສ່ວມ” ໃນ ບໍ່ນີ້
Xem “Huấn luyện tự đi vệ sinh” phần sau của quyển sách này

2 Years
2 xyoos
๒๓๒ปี
2 tuổi

—— Uses two-word phrases
Siv ob kab lus
ໃຊ້ສອງຄຳຕິດຕໍ່ກັນໄດ້
Dùng câu hai chữ

—— Says names of toys or objects

Hais tej khoom li npe

ເອີ້ນຊື່ເຄື່ອງຫລິ້ນ ຫລື ສິ່ງຂອງຕ່າງໆ

Nói tên đồ chơi hay đồ vật

—— Points to familiar objects

Taw tes rau tej khoom nws nco tau

ຊີ້ຂອງທີ່ຮູ້ຈັກ

Chỉ vào những đồ vật quen thuộc

—— Copies household activities

Qog txog tej khoom hauv tsev

ເຮັດຕາມກິດຈະການໃນເຮືອນທີ່ຜູ້ໃຫຍ່ເຮັດ

Bắt chước sinh hoạt trong gia đình

—— Carries a large object while walking

Nqa tej pob khoom loj thaum mus kev

ຖືຂອງໃຫຍ່ເລລາຍ່າງໄດ້

Dem đồ vật lớn trong khi đi bộ

—— Plays alone for short periods

Tibleeg uasi ntsiag to

ຫລິ້ນຄົນດຽວ ແຕ່ບໍ່ດົນ

Chơi một mình trong thời gian ngắn

—— Identifies three body parts by pointing

Paub txog 3 yam ntawm lub cev thaum taw rau

ຊີ້ບອກອະໄວຍະວະຂອງຮ່າງກາຍສາມຢ່າງໄດ້

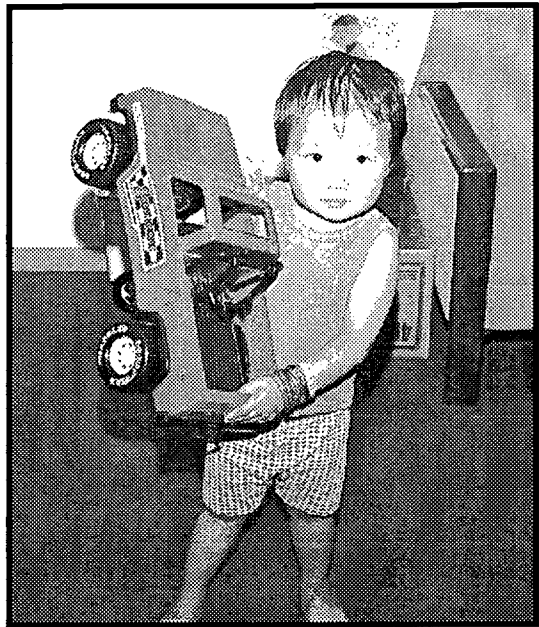
Xác nhận ba phần trên cơ thể bằng cách chỉ

—— Imitates crayon stroke

Kos duab siv xim

ພະຍາຍາມແຕ້ມຮູບດ້ວຍສີ່ສີ

Bắt chước nét bút chì



2 1/2 Years

2 1/2 xyoos

ອາຍຸ 2 ປີເຄິ່ງ

2 tuổi rưỡi

- Rides a push toy
Caij thiab thawb khoom
ຂີ່ເຄື່ອງຫລິ້ນທີ່ແລ່ນໜີ້ເຄື່ອງໄດ້
Cưỡi trên đồ chơi đẩy (có thể dùng chân đạp tới phía trước)

- Takes off coat
Hle tsho tivno
ຖອນເສື້ອໄດ້
Cởi bỏ áo lạnh

- Talks on play telephone
Hais lus rau lub xovtooj uasi
ເວົ້າໂທລະສັບທີ່ເປັນຂອງຫລິ້ນ
Nói chuyện trên điện thoại đồ chơi

- Places objects into small openings
Ntsaws khoom rau tej chaw uas qhib me-me
ເອົາຂອງໃສ່ຊ່ອງນ້ອຍໆ
Để những đồ vật vào những chỗ hở nhỏ

- Climbs into an adult chair
Nce rau neeg laus tej rooj
ປັນຂຶ້ນຕັ້ງຜູ້ໃຫຍ່ໄດ້
Trèo lên ghế của người lớn

- Turns two or three pages at a time
Nthuav 2 - 3 nplooj ntawv uake
ພົກໜ້າປຶ້ມເທື່ອລະສອງສາມໜ້າ
Mở hai ba trang sách một lần

- Opens door
Qhib qhov rooj
ເປີດປະຕູໄດ້
Mở cửa



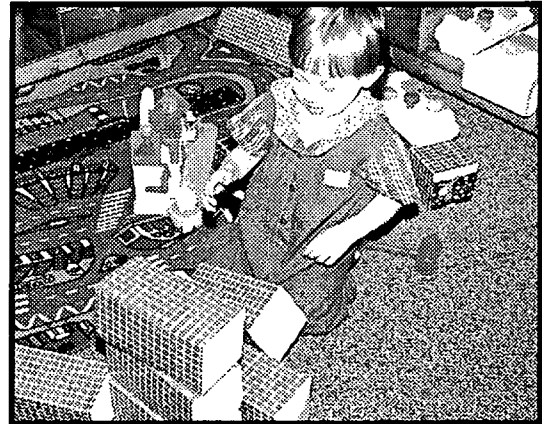
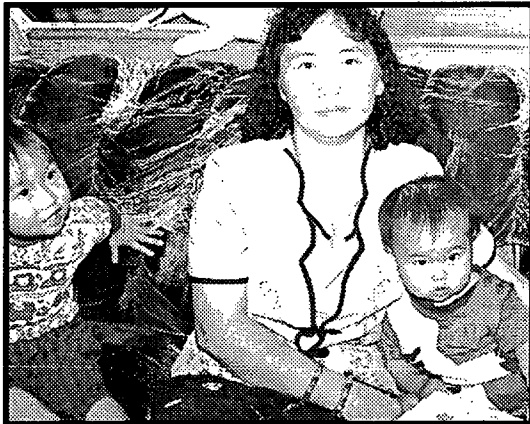
Suggested play time ideas
Tej tswvyim qhia txog kev uasi
ຄຳແນະນຳສຳຫລັບການຫລິ້ນ
Đề nghị những ý kiến về giờ chơi

18 Months Let your child watch you do various activities like cooking, vacuuming, cleaning, talk about what you are doing, read books

18 lub hlis Cia koj tus menyuam saib koj ua ntau yam haujlwm xwsli, ua noj, nqus tsev, cheb tsev, qhia saib koj ua dabtsi, phau ntawv

ອາຍຸ 18 ເດືອນ ໃຫ້ລູກເບິ່ງເຈົ້າຍາມເຮັດກິດຈະການຕ່າງໆ ເຊັ່ນ ການຄົວກິນ ການດູດຢຸ່ນ ການເຮັດຄວາມສະອາດ ເວົ້າກ່ຽວກັບ ສິ່ງທີ່ເຈົ້າເຮັດ ອ່ານປື້ມ

18 tháng Để cho con của bạn nhìn những sinh hoạt khác nhau như là nấu ăn, hút bụi, làm sạch sẽ, nói cho chúng biết bạn đang làm gì, đọc sách

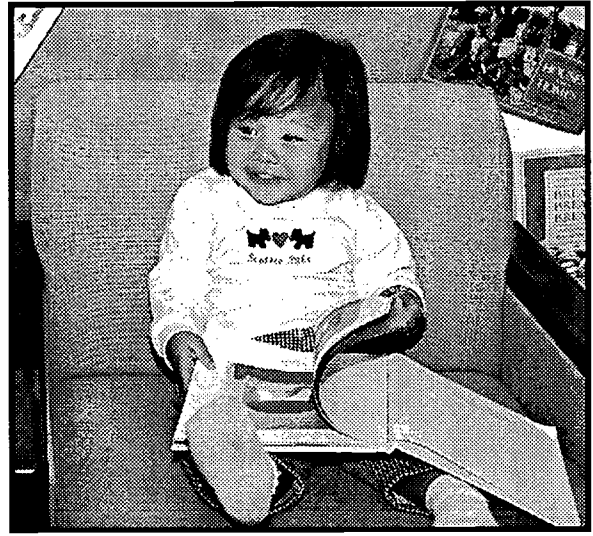
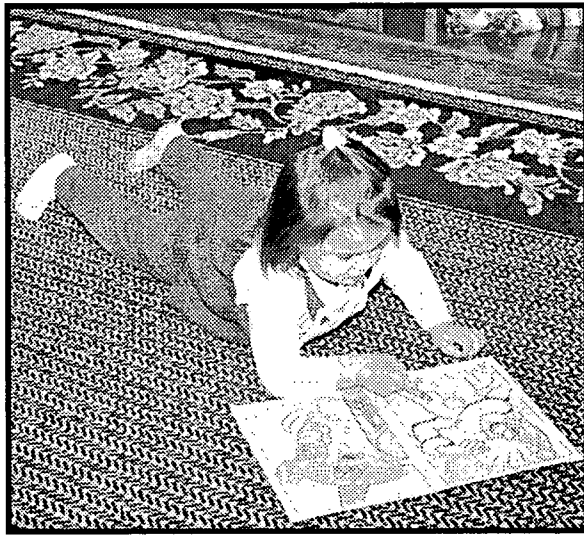


2 Years Building towers (use building blocks, paper cups, cereal boxes), read books

2 xyoos Tsim tsa tsev (siv ntoo sib teeb, khob ntawv, nkev ntawv paj npleg), phau ntawv

ອາຍຸ 2 ປີ ສ້າງຫໍ (ໂດຍໃຊ້ເຄື່ອງຫລິ້ນ ຈອກ ກ່ອງ) ອ່ານປື້ມ

2 tuổi Xây dựng tháp (dùng những khối xây dựng, ly giấy, những hộp ngũ cốc), đọc sách



2 - 3 Years Coloring, reading books

2 - 3 xyoos Zas xim - phau ntawv

ອາຍຸ 2-3 ປີ ແຕ້ມຮູບດ້ວຍສີສີ ອ່ານປື້ມ

2 tới 3 tuổi Tô màu, đọc sách

2 1/2 - 3 Years Child can pour water from a pitcher (use a small pitcher and cup), Play-doh, read books

2 1/2 - 3 xyoos Menyuam txawj hliv tau dej ntawm lub thoob (siv lub thoob me thiab lub khob me) uasi nrog menyuam roj hmab, tej phau ntawv

ອາຍຸ 2 ປີເຄິ່ງ - 3 ປີ ເດັກສາມາດເໜັງຈາກຄັນໄທໄດ້ (ໃຊ້ຄັນໄທນ້ອຍແລະຈອກ)
"ພະເລ ໂດ" ອ່ານປື້ມ

2 tuổi rưỡi tới 3 tuổi Trẻ con có thể đổ nước vào bình đựng nước (dùng bình đựng nước nhỏ và ly) Play-Doh (đồ chơi bằng chất dẻo có thể nhào trộn được), đọc sách

These activities will:

Cov kev uasi no yuav:

ກິດຈະກຳເຫລົ່ານີ້ຈະ:

Những sinh hoạt này sẽ là:

- ★ Help your child's eyes and hands work together
Pab koj tus menyuam lub qhov muag thiab nws tej tes ua haujlwm uake
ຊ່ອຍໃຫ້ລູກເຈົ້າໃຊ້ຕາແລະມືສຳພັນກັນ
Giúp cho mắt và tay của con bạn làm việc cùng nhau

- ★ Help your child learn how to plan and pretend
Pab koj tus menyuam kawm koj txawj npaj thiab pivtxwv
ຊ່ອຍໃຫ້ລູກເຈົ້າວາງແຜນແລະໃຊ້ຈິນຕະນາກາງ
Giúp cho con bạn học làm kế hoạch và giả bộ

- ★ Help your child learn self control
Pab koj tus menyuam kom txawj tswj nws tus kheej
ຊ່ອຍໃຫ້ລູກເຈົ້າຮຽນຮູ້ທີ່ຈະຄວບຄຸມໂຕ
Giúp cho con bạn học cách tự kiểm soát

- ★ Help your child learn to play by him/herself
Pab koj tus menyuam kom txawj uasi nrog nws tus kheej
ຊ່ອຍໃຫ້ລູກເຈົ້າຮຽນຮູ້ທີ່ຈະຫລິ້ນຕົນຕົນ
Giúp cho con bạn học chơi một mình

- ★ Help your child to express feelings
Pab koj tus menyuam kom txawj qhia nws txoj kev xav
ຊ່ອຍໃຫ້ລູກເຈົ້າສະແດງຄວາມຮູ້ສຶກ
Giúp cho con bạn biểu lộ cảm nghĩ

- ★ Help your child to get ready for school
Pab koj tus menyuam kom txawj npaj rau txoj kev kawm ntawv
ຊ່ອຍໃຫ້ລູກເຈົ້າຕ້ອນຮັບເຂົ້າໂຮງຮຽນ
Giúp cho con bạn sẵn sàng đi học

Toddlers want to do things for themselves, but still need help and attention from their parents. Toddlers are exploring their environment. Children between 2 - 3 years of age have the highest activity level they will have in their life. At this time they increase moving skills such as walking, running and climbing. They are also beginning to talk.

Cov menyuam mus taus kev ntawd lawv nyiam ua ub ua no rau lawv tus kheej, tabsis lawv tseem yuav kev pab thiab yuav tsum saib zoo los ntawm niamtxiv. Cov menyuam mus tau kev ntawd lawv nyiam laij rau ub rau no heev. Cov menyuam uas muaj hnoob nyoog ntawm 2 - 3 xyoos muaj kev uasi ntau tshaj plaws nyob rau hauv lawv lub neej. Nyob rau lub sijhawm no lawv ntxiv kev ua zog uas yog mus kev, khiav thiab nce, lawv kuj tabtom pib txawj hais lus.

ເດັກນ້ອຍຢາກເຮັດທຸກສິ່ງທຸກຢ່າງດ້ວຍໂຕເອງ ແຕ່ວ່າຍັງຕ້ອງໄດ້ຮັບຄວາມຊ່ອຍເຫລືອ ແລະຄວາມເອົາໃຈໃສ່ຈາກພໍ່ແມ່ ເດັກນ້ອຍຢາກຮູ້ຢາກເຫັນທຸກສິ່ງທຸກຢ່າງຮອບໂຕເອງ ເດັກອາຍຸສອງສາມປີມີກຳລັງຫຼາຍທີ່ສຸດໃນຊີວິດ ໃນຊ່ວງນີ້ ຂະເຈົ້າຈະພັດຕະນາຄວາມສາມາດໃນການເຄື່ອນທີ່ ເຊັ່ນການຍ່າງ ການແລ່ນ ແລະການປີນ ແລ້ວຂະເຈົ້າກໍຈະເລີ່ມເວົ້າຄືກັນ

Những trẻ em muốn làm đồ vật cho chính chúng nó, nhưng cần sự giúp đỡ và sự chú ý của cha mẹ chúng. Trẻ em đang thám hiểm môi trường của chúng. Trẻ em khoảng từ 2 tới 3 tuổi có trình độ sinh hoạt cao nhất mà chúng sẽ có trong đời sống của chúng. Vào lúc này chúng gia tăng khả năng như là đi bộ, chạy hay leo trèo. Chúng cũng bắt đầu nói chuyện.

Safety is very important at this developmental level. Remove dangerous objects from your child's environment. Be patient. Have reasonable expectations. When you talk to your child use simple words and short sentences. Routine is important.

Kev saib kom txhob raug mob yog ib qhov uas tseemceeb heev rau theem uas tseem tabtom loj hlob. Rho tej yam uas yuav ua rau koj tus menyuam raug mob tawm ntawm nws lub chaw uasi. Ua siab ntev, npaj tej yam uas koj xav koj muaj. Thaum koj hais lus rau koj tus menyuam siv tej lolus yooj yim thiab tej kab lus luv-luv. Hais mus hais los yog ib qho tseemceeb.

ຄວາມປອດໄພເປັນສິ່ງທີ່ສຳຄັນຫຼາຍໃນລະຫວ່າງຂັ້ນຕອນການພັດຕະນາ ເອົາຂອງທີ່ເປັນອັນຕະລາຍອອກຈາກສິ່ງແວດລ້ອມຂອງລູກ ຫ້າມຄວາມອິດທິນ ຢ່າຄາດຫວັງສູງໂພດ ເວລາເວົ້າກໍລູກໃຊ້ຄຳງ່າຍແລະປະໂຫຍກສັ້ນ ເຮັດຕາມກິດຈະວັດປະຈຳສຳຄັນ

Sự an toàn rất là quan trọng, ở mức độ phát triển này. Hãy dọn dẹp những đồ vật nguy hiểm chung quanh môi trường của con bạn. Hãy kiên nhẫn. Có những sự mong chờ hợp lý. Khi bạn nói chuyện với con của bạn, bạn hãy dùng những chữ giản dị và những câu ngắn. Thường làm đều đặn là quan trọng.



Some challenging (but normal!) behaviors to expect at this age include:

Yuav muaj tej yam nyuaj (tabstias yeej muaj li ntawd) uas yog tus xeebceem rau lub hnoob nyoog no:

ຄວາມປະພຶດຕໍ່ບັນຊ່ວຍຄວາມປະພຶດທີ່ກາກກຍຂຶ້ງຄາດໝາຍໄດ້ຈາກ ເດັກອາຍຸນີ້ (ສິ່ງເຫລົ່ານີ້ບໍ່ກະຕຸ້ນ):

Vài sự thách thức (nhưng bình thường!) cách cư xử mong chờ ở tuổi này gồm có:

- ★ Defiant behavior (Says “NO” when told to do something)
Xeebceem tawvncauj (haistias “tsis kam” thaum lub sijhawm koj kom nws ua tej yam dabtsi)
ການກະບົດ (ເວລາບອກໃຫ້ເຮັດບາງສິ່ງບາງຢ່າງຈະເວົ້າຄຳວ່າ “ບໍ່”)
Cư xử ngang ngạnh (nói KHÔNG khi bảo nói cái gì đó)

- ★ Temper tantrums
Siab ceev tsis txhawj txog tus kheej
ການສະແດງອາລົມໃຈຮ້າຍ
Tính hay cáu giận

- ★ Will not share or take turns
Tsis kam qev los yog sib pauv khoom uasi
ບໍ່ແບ່ງປັນ ຫລືບໍ່ຕັດກັນຫລືນຳຄົນອື່ນ
Sẽ không chia sẻ hay chờ tới lượt

- ★ May insist on having things a certain way
Yuav siab kheej ua tej yam raws li nws siab nyiam
ເອົາແຕ່ໃຈໂຕເອງ
Có thể khăng khăng đòi có đồ vật bằng cách nào đó

- ★ Will not hold your hand
Tsis kam tuav koj txhais tes
ບໍ່ຍອມຈັບມືເຈົ້າ
Sẽ không nắm tay bạn

- ★ Moves slow, will not come when called
Mus qeeb-qeeb, tsis los thaum hu
ເວລາເຈົ້າເອີ້ນມາ ລາວມາຊ້າ ຫລືບໍ່ມາເລີຍ
Di chuyển chậm, sẽ không tới khi bạn đã gọi

Many undesired behaviors can be eliminated by ignoring them. If your child refuses to do something try distracting your child by introducing another activity. Many parents use a technique called “time-out”. A “time-out” is done by removing your child from the situation to a place where he/she can be alone (in a special area or chair) for a short period of time (one minute for each year of age).

Muaj ntau yam kev tsis zoo yuav tso tau yog los ntawm qhov uas tsis txhob mloog nws. Yog koj tus menyuam tsis kam ua tej yam dabtsi qhia lwm yam kom nws ua. Muaj ntau tus niam txiv siv ib txoj kev yog kom tus menyuam “mus so”. Qhov “mus so” yog los ntawm muab koj tus menyuam rho tawm ntawm qhov chaw uasi coj mus tso rau ib qho uas nws nyob nws ib leeg (rau ib qhov chaw tshwjxeeb los yog ib lub rooj) rau ib pliag (xwsli ib feem raws li nws lub noobnyoog).

ຄວາມປະພຶດຫຼາຍແນວຈະຖືກຂະຈັດໄດ້ໂດຍການເຮັດບໍ່ຮູ້ບໍ່ເຫັນ ຄັນລູກເຈົ້າບໍ່ຍອມເຮັດສິ່ງໃດ ກໍພະຍາຍາມເຮັດສິ່ງອື່ນໃຫ້ລູກສົນໃຈ ພໍ່ແມ່ຫຼາຍຄົນໃຊ້ວິທີທີ່ເອີ້ນວ່າ “ໄທມ໌ເອົາຫໍ” ຊຶ່ງໝາຍຄວາມວ່າເອົາລູກອອກຈາກສະຖານະການນັ້ນໄປໄວ້ບ່ອນທີ່ຢູ່ຄົນດຽວ (ໃນບ່ອນພິເສດ ຫລືຕັ້ງ) ເປັນໄລຍະໜຶ່ງ (ໜຶ່ງນາທີຕໍ່ທຸກໜຶ່ງປີຂອງອາຍຸລາວ)

Có nhiều cách cư xử không muốn có thể loại ra bằng cách lờ chúng đi. Nếu con của bạn từ chối không làm cái gì đó bạn hãy cố gắng làm lảng trí chúng bằng cách giới thiệu sinh hoạt khác. Nhiều cha mẹ dùng một kỹ thuật gọi là giờ giải lao. Một giờ giải lao làm xong bằng cách dời con của bạn từ vị trí ở một nơi mà các em (trai hay gái) có thể ở một mình (ở một khu đặc biệt hay ở ghế) trong một thời gian ngắn (một phút cho mỗi tuổi).

PRESCHOOLERS (3 - 5 YEARS)
COV MENYUAM PIB KAWM NTAWV (3 - 5 XYOOS)
ດັກອະນຸກູນ (ອາຍຸ 3-5ປີ)
TRƯỚC TUỔI ĐI HỌC (3 tới 5 tuổi)

The following is a list of what to expect children to do between ages 3 and 5 years.

Hauv qab no yog qhia txog cov menyuam 3 thiab 5 xyoos.

ຄວາມປະພຶດຕໍ່ໄປນີ້ແມ່ນສິ່ງທີ່ຄາດຫວາຍໄດ້ຈາກເດັກແຕ່ອາຍຸ 3 ປີຫາ ອາຍຸ 5 ປີ

Tiếp đây là tiết mục những gì mà bạn trông chờ các trẻ con làm từ khi 3 tuổi tới 5 tuổi.



3 - 4 Years

3 - 4 xyoos

ອາຍຸ 3-4 ປີ

3 tới 4 tuổi

— Puts on shoes

Rau khau

ໃສ່ເກີບເອງ

Mang giày



— Turns one page at a time

Txawj nthuav ib nplooj ntawv zujzus

ຟືກຫ້າ ບັ້ນເບື້ອລະຫ້າໄດ້

Mở một trang sách một lần

— Walks up stairs holding hand rail

Nce ntaiv thiab tuav tus tes ntawm ib sab

ຍ່າງຂຶ້ນຂັ້ນໄດໂຕຍຈັບຮາງ

Đi lên thang lầu nắm tay vịn

— Enjoys interacting with other children

Nyam uasi nrog rau lwm tus menyuam

ມັກຫລິ້ນນຳເດັກອື່ນ

Thích chơi chung với những trẻ con khác



— Attempts to repeat common phrases

Sim hais tej kab lus mus los

ພະຍາຍາມເວົ້າປະໂຫຍກທີ່ໄດ້ຍິນເລື້ອຍໆ

Cố gắng lặp lại những câu thông thường

— Pulls up pants

Txawj rub ris

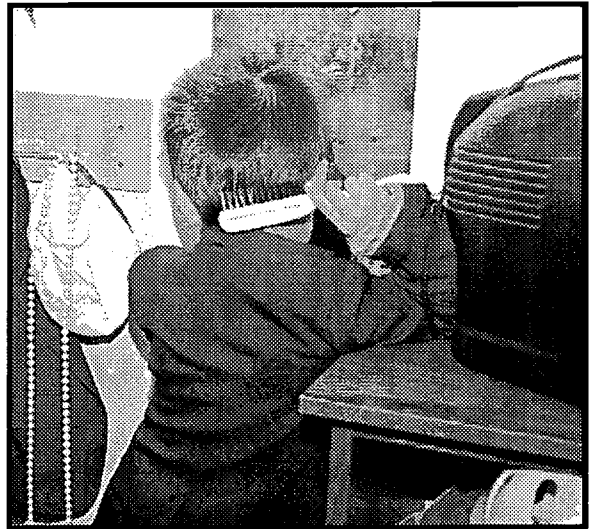
ດຶງສົ້ງຂຶ້ນໄດ້

Kéo quần lên

5 Years
 5 xyoos
 ອາຍຸ 5 ປີ
 5 tuổi

—— Skips smoothly
 Txawj dheeg pauv xwmyeem
 ໂດດຄ່ອງ
 Bỏ qua một cách êm ả

—— Can stand on one foot for at least five seconds
 Sawv tau ib sab taw li tsib feeb
 ຢືນຂາດຽວຢ່າງນ້ອຍຫ້າວິນາທີໄດ້
 Có thể đứng một chân ít nhất là 5 giây



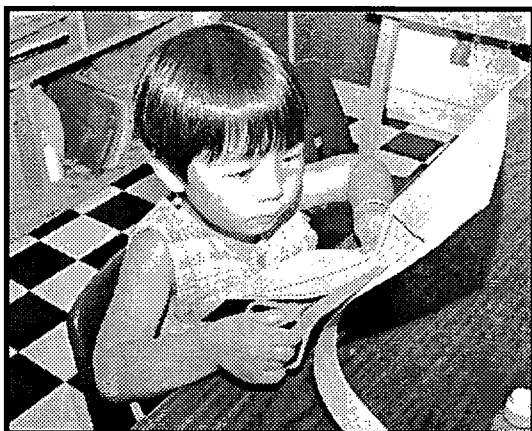
—— Can dress and undress, tie shoes, and comb hair mostly without help
 Txawj hnab khaubncaws thiab txawj hle, khi hlua khau, thiab ntsis plaubhau tsis yuav pab
 ສາມາດປຸງເຄື່ອງ ມັດເຊືອກເກີບ ແລະຫວີຍໄດຍເກືອບບໍ່ຕ້ອງຊ່ອຍ
 Có thể mặc và cởi quần áo, buộc dây giầy, và chải tóc và hầu hết không cần sự giúp đỡ

—— Can tell you what words mean, like hat, ball, lake or orange
 Txawj qhia koj txog tej lus tias hais licas, nyiam kausmom, pob, pasdej los yog txiv kab
 ntxwv
 ສາມາດອະທິບາຍຄວາມໝາຍຂອງຄຳຕ່າງໆ ເຊັ່ນໝວກ ໝາກບາບ ໝອງ ຫລືໝາກກ້ຽງ
 Có thể cho bạn biết chữ đó nghĩa là gì, như là cái mũ, quả bóng, hồ nước hay quả cam

—— Will ask "why" questions, and ask you what words mean
 Yuav nug haistias “vim licas”, thiab nug koj haistias lo lus no txhais licas
 ມັກຖາມວ່າ “ເປັນຫຍັງ” ແລະມັກຖາມຄວາມໝາຍຂອງຄຳຕ່າງໆ
 Sẽ hỏi những câu hỏi tại sao và hỏi bạn chữ đó nghĩa là gì

Suggested play time ideas
Tej tswvyim qhia txog kev uasi
ຄຳແນະນຳສຳຫລັບການຫນັ່ງ
Đề nghị những ý kiến về giờ chơi

-
- | | |
|-----------|--|
| 3 years | Stringing Cheerios or Macaroni, matching jars and lids, reading books |
| 3 xyoos | Txawj siv Cherrios los yog Macaroni khi ua hlua, muab tej hau ntawv |
| ອາຍຸ 3 ປີ | ມັກຫລັບເກມງ່າຍໆ ເປີດປິດປາໄຫ ອ່ານປື້ມ |
| 3 tuổi | Xâu vào một xâu Cheerios hay Macaroni, để lọ và nắp tương xứng, đọc sách |
-



- | | |
|--------------|---|
| 3 - 5 years | Cutting with safety scissors, simple puzzles, dressing and undressing (use large clothing with large buttons), reading books |
| 3 - 5 xyoos | Txawj siv txiab txiav ntawv, tej khoom sib dhos uas yoojyim, txawj hnav thiab hle khauncaws (siv cov khaubncaws loj nrog rau cov khawm loj), phau ntawv |
| ອາຍຸ 3-5 ປີ | ການໃຊ້ມີດຕັດທີ່ປອດໄພ ການຕໍ່ພາບຕ່າງໆ ການນຸ່ງເຮືອງ ແລະການຖອດເຮືອງ (ໃຊ້ເຮືອງທີ່ມີກະດູມໃຫຍ່) ການອ່ານປື້ມ |
| 3 tới 5 tuổi | Cắt với kéo an toàn, câu đố giản dị, mặc và cởi quần áo (dùng quần áo rộng với khuy lớn), đọc sách |
-

These activities will:

Cov kev uasi no yuav:

វិធានការពេទ្យនេះ:

Những hoạt động này sẽ là:

- ★ Help child's eyes and hands work together
Pab menyuam lub qhov muag thiab nws tej tes ua haujlwm uake
ឧបត្ថម្ភការងាររួមគ្នារវាងភ្នែកនិងដៃ
Giúp cho mắt và tay trẻ con làm việc cùng với nhau

- ★ Help child get ready for school
Pab menyuam kom txawj npaj rau txoj kev kawm ntawv
ឧបត្ថម្ភការងាររៀនសូត្រ
Giúp cho trẻ con sẵn sàng đi học

- ★ Help build strong hand muscles
Pab kom nws txhais tes tej leeg muaj zog
ឧបត្ថម្ភការងារបង្កើនកម្លាំងដៃ
Giúp cho trẻ con tập cho các cơ tay mạnh

- ★ Help child learn to help him/herself
Pab menyuam kom txhawj tswj nws tus kheej
ឧបត្ថម្ភការងារឱ្យគ្រូឱ្យខ្លួនឯង
Giúp cho trẻ con tự giúp mình

- ★ Help child see differences
Pab menyuam paub txog kev txawvtxav
ឧបត្ថម្ភការងារឱ្យគ្រូឱ្យឃើញខុសគ្នា
Giúp cho trẻ con thấy sự khác biệt

- ★ Help child learn to pay attention and problem solve
Pab menyuam kom paub mloog thiab daws teebmeem
ឧបត្ថម្ភការងាររៀនសូត្រអំពីការប្រុងប្រយ័ត្ននិងការដោះស្រាយបញ្ហា
Giúp cho trẻ con học sự chú ý và giải quyết vấn đề

Disciplining Pre-schoolers (3-5 years)
Covqhia cov menyuam pib mus kawm ntawv (3 - 5 xyoos)
ວິໄນສຳຫລັບເດັກອະນຸບານ (ອາຍຸ3-5ປີ)
Rèn luyện những trẻ trước tuổi đi học (từ 3 tới 5 tuổi)



Preschoolers can be given clear simple rules and the consequences for breaking them. It is natural for preschoolers to think their needs come first. It is important for adults to react consistently to their child's inappropriate behavior. Discipline is an important part of parenting.

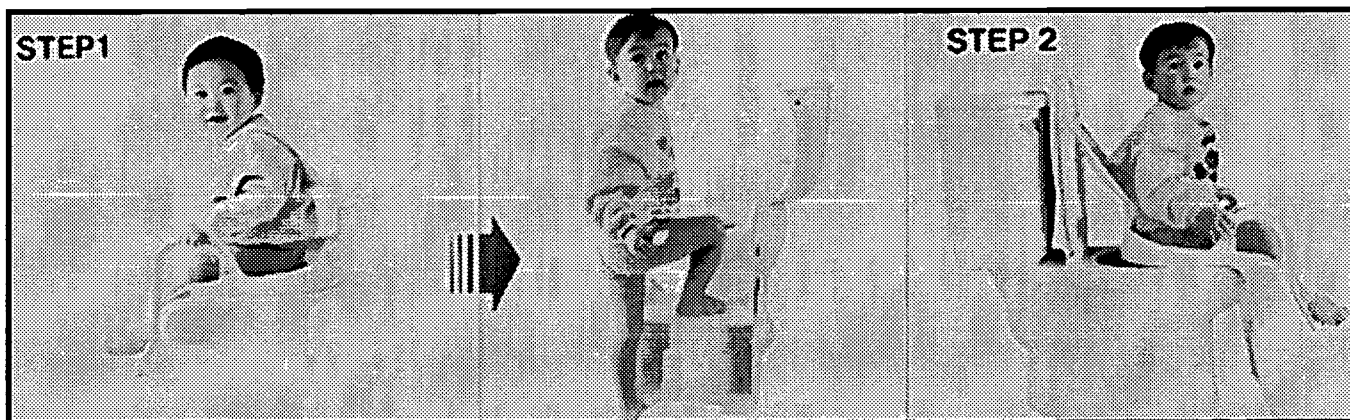
Cov menyuam ib mus kawm ntawv no yeej paub txog tej txoj kevcai yoojyim thiab yog lawv tsis coj raws li ces lawv yuav raug txim. Yog ib qhov uas cov menyuam pib kawm ntawv no xav txog lawv qho kev ntshaw ua ntej. Qhov tseemceeb rau cov laus yog yuav tsum siab xyuas menyuam tus xeebceem uas coj tsis zoo. Cobqhia yog ib qhov uas tseemceeb heev ntawm niamtxiv.

ເຈົ້າສາມາດຕັ້ງກົດລະບຽບທີ່ຊັດເຈນແລະເຂົ້າໃຈງ່າຍໆສຳລັບການຝ່າຍກົດເຫລົ່ານັ້ນໃຫ້ເດັກອະນຸບານໄດ້
 ຕາມທຳມະດາເດັກອະນຸບານຕ້ອງຄິດວ່າຄວາມຕ້ອງການຂອງໂຕເອງມາກ່ອນ ມັນເປັນສິ່ງທີ່ສຳຄັນທີ່ສຸດ
 ສຳຫລັບພໍ່ແມ່ທີ່ຈະກະທຳຕອບໄດ້ຄືກັນສະເໝີທຸກເທື່ອທີ່ລູກປະພຶດໂຕບໍ່ເໝາະສົມ ວິໄນເປັນສ່ວນສຳຄັນຫລາຍໃນການເປັນພໍ່ແມ່

Những trẻ trước tuổi đi học có thể được cho những luật lệ giản dị rõ ràng và những hậu quả để hủy bỏ. Rất là tự nhiên cho những trẻ trước tuổi đi học nghĩ là nhu cầu của chúng là trước hết. Rất là quan trọng cho người lớn ứng xử phù hợp với hạnh kiểm không thích nghi của con họ.



Toilet Training
Kev siv tsev dej
ການຫັດໃຫ້ລູກໃຊ້ສັວມ
Huấn luyện vệ sinh



It is important to wait until your child shows definite signs of readiness before you begin toilet training. A child is usually not yet physically and mentally mature until 2 1/2 to 4 years old. Trying to toilet train your child before he/she is ready will be frustrating for both of you.

Ib qho tseemceeb uas koj yuav tau tos hais txog koj tus menyuam kev siv tsev dej yog qhov ua saib seb nws paus tau npaj txhij totaub siv tsev dej. Ib txhia menyuam tsis tau paub txaus txog thaum lawv muaj 2 1/2 txog rau 4 xyoos. Ua ntej lawv qhov noobnyoog ntwam, lawv yuav tsis paub siv tsev dej yuav ua rau neb ob leeg nyuaj siab.

ມັນສໍາຄັນຫຼາຍທີ່ເຈົ້າຈະລໍຖ້າໃຫ້ລູກສະແດງເຄື່ອງໝາຍທີ່ແນ່ນອນວ່າລາວພ້ອມກ່ອນທີ່ຈະເລີ່ມຫັດໃຫ້ລູກໃຊ້ສັວມ ດາມທຳມະດາ ເດັກຈະຍັງບໍ່ໃຫຍ່ພໍທັງທາງຮ່າງກາຍ ແລະທາງຈິດໃຈຈົນອາຍຸ 2 ປີເຖິງ 4 ປີ ການພະຍາຍາມຫັດໃຫ້ລູກເຈົ້າໃຊ້ສັວມກ່ອນ ລາວພ້ອມຈະເປັນປະສົບການທີ່ເຮັດໃຫ້ເຈົ້າທັງສອງຮູ້ສຶກອຸກໃຈ

Đợi chờ cho đến khi con của bạn chứng tỏ có những dấu hiệu dứt khoát sẵn sàng trước khi bắt đầu huấn luyện vệ sinh rất là quan trọng. Đưa trẻ thường thường không sẵn sàng về thể chất lẫn tinh thần cho đến khi từ 2 tuổi rưỡi cho đến 4 tuổi. Cố gắng huấn luyện con của bạn trước khi chúng sẵn sàng và sẽ làm nản lòng cả bạn lẫn chúng.

Signs of readiness:

Yam qhia rau kev npajtxhij:

ເຄື່ອງໝາຍວ່າພ້ອມ:

Dấu hiệu sẵn sàng:

- ★ Fewer and more regular bowel movements
Tsawg zaus los yog ntau zaus ib txwm nws mus tso quav
ຖ່າຍນ້ອຍກວ່າເດີມ ແລະຖ່າຍປະຈຳກວ່າເດີມ
Đi đại tiện vài hoặc nhiều lần thường xuyên

- ★ Stays dry for 2 to 3 hours
Nyob kom qhuav txog li 2 rau 3 teev
ບໍ່ອ້ອມແທ້ງສອງສາມຊົ່ວໂມງ
Giữ khô 2 hai 3 tiếng đồng hồ

- ★ Makes facial expressions and sounds indicating they were urinating or having a bowel movement in diaper
Ua lub ntsejmuag txawv thiab suab txawv qhia haistias nws tso zis los yog tso quav hauv nws daim ntaub tiag pobtw lawm
ເຮັດໜ້າ ແລະເຮັດສຽງໃຫ້ຮູ້ເວລາທີ່ລາວຍ່ຽວ ຫລືຖ່າຍນ້ອຍໃນບັງອ້ອມ
Biểu lộ ra mặt và có những tiếng động chỉ rõ rằng chúng đã tiểu tiện hay đại tiện ở trong tã

- ★ Stops what they are doing to relieve him/herself (in diaper in private)
Txwv kom tsis txhob ua dabtsi nws thiaj li los siav mentsis (hauv daim tiag pobtw hauv ib chav ntsiag to)
ເຮົາຫາສິ່ງທີ່ເຮັດຢູ່ເພື່ອຖ່າຍ (ໃນບັງອ້ອມ)
Ngừng làm những gì chúng đang làm để tiểu tiện (ở trong tã ở chỗ riêng tư)

- ★ Lets you know he/she has relieved him/herself
Qhia rau koj paub haistias nws twb los siav lawm
ບອກເຈົ້າເມື່ອລາວຖ່າຍແລ້ວ
Cho bạn biết chúng đã tiểu tiện hoặc đại tiện

- ★ Expresses concern for cleanliness and orderliness
 Qhia txog kev txhawjxeeb rau kev huv thiab sib nrawg nroos
 ສະແດງຄວາມເປັນຫ້ວງເຮືອງຄວາມສະອາດ ແລະລະບຽບ
 Biểu lộ sự quan tâm cho việc làm sạch sẽ và ngăn nắp

- ★ Copies you or other family members in bathroom
 Qog koj los yog lwmm tsev neeg hauv chav tsev dej
 ເຮັດຕາມເຈົ້າ ຫລືຄົນອື່ນໃນຄອບຄົວເວລາເຂົ້າຫ້ອງນໍ້າ
 Bắt chước bạn hay những người khác ở trong phòng tắm

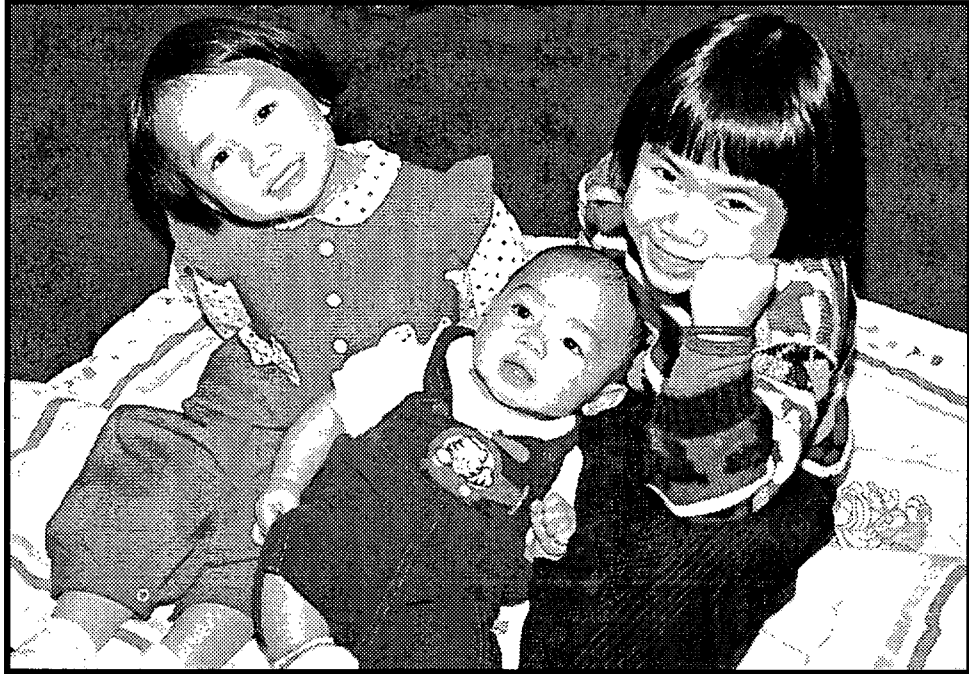


If you need advise on toilet training consult your health care provider or contact your local health department for additional information.

Yog koj xav tau tswvyim txog kev siv tsev dej tham nrog koj tus kws tshuaj los yog hu rau koj qhov chaw tshuaj mob txog lwmyam.

ຄັນເຈົ້າຕ້ອງການຄໍາແນະນຳໃນການຫັດໃຫ້ລູກໃຊ້ສ່ວນ ໃຫ້ເຈົ້າປຶກສາໝໍປະຈຳຂອງເຈົ້າ ຫລືຕິດຕໍ່ກົມສາທາລະນາປະຈຳທ້ອງຖິ່ນຂອງເຈົ້າເພື່ອໄດ້ຂ່າວສານເພີ່ມເຕີມ

Nếu bạn cần sự cố vấn cho việc huấn luyện vệ sinh, bạn hãy tham khảo với nơi cung cấp sức khỏe cho bạn hay liên lạc với bộ Y tế địa phương để thêm chi tiết.



We hope that this information will help you to understand more about child growth and development. Remember your baby is an individual and will go through these stages of development at their own rate. If you have any concerns or questions regarding your baby's development, consult your health care provider.

Peb xav hais tias cov ntawv no yuav pab tau koj totaub ntau mentsis txog menyuam kev loj hlob. Nco ntsoov hais tias koj tus menyuam yog ib tug uas yuav taug tej qib kev loj hlob raws li lawv them. Yog koj muaj lus nug los yog kev txhawjxeeb txog koj tus menyuam kev loj hlob no nrog koj tus kws tshuaj tham.

ພວກເຮົາຫວັງວ່າຂ່າວສານນີ້ຈະຊ່ວຍເຈົ້າເຂົ້າໃຈການເຕີບໂຕ ແລະ ການພັດທະນາຂອງເດັກຫຼາຍຂຶ້ນ ໃຫ້ເຈົ້າຮູ້ຈັກວ່າລູກເຈົ້າບໍ່ຄືຄົນອື່ນ ແລະຈະບ່າຍຂັ້ນຕອນການພັດທະນາຕາມຄວາມໄຫວຂອງໂຕເອງ ຄັນເຈົ້າມີຄວາມກັງວົນ ຫລືຄຳຖາມເລື່ອງການພັດທະນາຂອງລູກເຈົ້າ ຂໍໃຫ້ປຶກສາພໍ່ປະຈຳຂອງເຈົ້າ

Chúng tôi hy vọng rằng chi tiết này sẽ giúp bạn hiểu nhiều hơn về sự tăng trưởng và phát triển của con bạn. Bạn hãy nhớ rằng con bạn là một cá nhân và sẽ trải qua những giai đoạn này trong sự tăng trưởng với sức của chúng. Nếu bạn có những quan tâm hay những câu hỏi liên quan đến sự tăng trưởng của con bạn, bạn hãy tham khảo với cơ quan cung cấp sức khỏe của bạn.

**Developed in Partnership
With
Allina Health System
and
Multi-Cultural Educational Services**

**Funded By
Minnesota Department of Children,
Families and Learning**

Multi-Cultural Educational Services

832 104th Lane NW

Coon Rapids, MN 55433

(763) 767-7786

GROWTH AND DEVELOPMENT

PIÄTH KENE CIAŋ ŋÄÖÄ ŋÖANI

Nuer

النمو و التطور

Arabic

KORITAANKA IYO HORUMARKA

Somali



By Anoka County Community
Health and Environmental Services

GROWTH AND DEVELOPMENT

was funded by a
Building Culturally Competent Programs Grant
from the Minnesota Department of Children, Families, and Learning

written by
Anoka County Community Health and Environmental Services

and
developed in partnership with
Allina Health System
and
Multi-Cultural Educational Services

1998

We wish to acknowledge the following for their contributions to this effort

Translated by
Matt Kueth
Afaf Kouatli
Mohamed Diriyeh Abdullahi

Photography by Claire Mckinley

Babies go through various stages of development. Not all children do the same things at the same ages. Learning takes place during all daily activities such as playtime, mealtime, bathing, dressing, and quiet time. Children need a variety of experiences. Children need adults that will listen and answer questions.

Gaat la cian pɛlkä ε görkε ke dup tɪ nyin ŋuan. Gaat dial tin pär run kien /ca lɔtkε nɪ kɛl (/ca lɔt ke nɪ mɪ pär) I ke yöö pär run kien. ŋäc ŋɔanɪ ŋac ke jε ke dup dial ti ŋuan cet ke guäth ŋari, guäth miäth, guäth puokä, guäth lath biäyni, amäni mi thile mi lat ke bä. Gaat gör ke ŋic ke ŋari. Gaat gör ke ni ram mi dit mi bi nyin kien tin lat ken ke liŋ kä luoc thiecnɪ kien.

الاطفال يمرون بمختلف مراحل التطور. لا يعمل كل الاطفال الاشياء نفسها في الاعمار نفسها. التعليم يأخذ مكانا اثناء كل النشاطات اليومية مثل وقت اللعب، اثناء الوجبات، الاستحمام، اللبس، وفي اوقات الهدوء. الاطفال بحاجة لمختلف الخبرات. الاطفال بحاجة للبالغين الذين يسمعون و يجيبون على الاسئلة.

Ilmuhu waxa ay soo maraan dhawr heer oo koritaan ah. Caruurta oo dhami ma samayso isku wax da' gudaheed. Waxbarashadu waa ay u socotaa dhamaan wakhtiyada ay ku jiraan ciyaar, cunto cunis, may-dhaso/qubays, dhar gashiga, iyo wakhtiga nasashada. Caruurta waxa ay u baahan yihiin noocyo kala duwan oo waayo-aragnimo barad ah. Caruurta waxa ay u baahan yihiin dad-waawayn oo dhagaysta ka na jawaaba su'aalhooda.

“Different cultures have different child rearing practices which influence the course of their children's development”. There are strengths in every culture. Children learn to adapt to the demands of their culture.

Cian ŋiäc kä min ŋiäc ke gaat wɪnɪ dial te ke däk, min lot nɪ ŋic ciɛŋä ŋäcä ŋɔanɪ kä gaat. Cɛŋ dial tin ciɛŋ ke naath wɪnɪ dial tɪ göl te ken ke ŋuɔt tɪ buɔm buɔm. Gaat la ŋɔak ε ŋac ke, kä la doap ke nɪ cian diëthnɪ kien kie cian in pith ke thɪn.

مختلف الحضارات لها مختلف الخبرات لخلفية الولد التي تؤثر في تطور سلوك الاولاد. هنالك اساس في كل حضارة. الاولاد يتعلمون ان يتكيفوا لمتطلبات حضارتهم.

Dhaqamada kala duwan ee aduunku waxa ay leehiin caadooyin kala duwan oo ku saabsan korida caruurta kuwaa oo saameeyaa taxanaha koritaanka ilmaha. Dhaqan waliba waxa u leeyahay meelo u xoog ah. Caruurta waxa ay barataa in ay la qabsadaan filishada dhaqankooda iyo dadkooda.

This book will describe what to expect from ages birth to five years. Suggestions for discipline and play time activities will be given that will increase learning.

Book εμε βε ji lat min lotro κε yöö deri lat ni döp kä du amäni mi ci te κε run dhiec. Cär ciεη kä κεε cär guath ηari de ηac ηcani gatkä rep.

هذا الكتاب سيصف ماذا يتوقع من سن الولادة الى سن الخمس سنوات. الاقتراحات للتأديب ونشاطات وقت اللعب المعطاة ستنمي التعليم.

Buugani waxa u sharixi doonaa waxa laga filan karo caruurta da'doodu u dhaxayso dhalasho ilaa shan sannadood. Waxa la soo jeedin doonaa talooyin ku saabsan edbinta iyo wakhtiyada ciyaarta kuwaa oo kordhin doona waxbarashada.

TALKING AND LISTENING

Ruac κεε liän

التحدث و الاستماع

HADALKA IYO DHAGAYSIGA

How and how often parents and caregivers communicate with a baby, especially during the first year, can have a very strong impact on his/her brain development for the rest of his/her life.

ε pek mi nin di le dieth gaan κεε nei tin roam κε gaat a liη rodien κε gaato, kä le κεη rodien ε liη I di, κε ruon dien in nhiam, jen pithε ηac ηcani mi goa rei ηithkä gatä rei tekä de.

كيف وكيف غالبا يتعامل الاهالي و المعتنون مع الطفل، خاصة اثناء السنة الاولى، ايستطيعون ان يملكو تأثيرا قويا على تطور عقله -عقلها لباقي حياته - حياتها.

Sida iyo inta jeer ee ay waalidku iyo xanaano-bixiyayaashu ay la hadlaan ilmaha, khaas ahaan sannadka ugu horeeya ee ilmaha, waxa ay aad u saamayn kartaa horumarka maskaxda ilmaha inta nolosha uga hadhay/hartay.

Suggestions

Läri

الاقتراحات

Talooyin

- ★ Talk to your baby
Ruac ni ke gat du
تحدث الى طفلك
La hadal ilmahaaga

- ★ Read to your baby
Ŋic ni gatdu ke kuen
اقرأ لطفلك
Wax u akhri ilmahaaga

- ★ Hold your baby
Rom gatdu
احمل طفلك
Gacmaha ku hay ilmahaaga



- ★ Use an encouraging tone, be responsive, show interest, smile
Lat riät comkä ke jow mi goa, jakni ŋak dial kä thiak, nyothe en yöo nhoki min lät gate, dol tok
استعمل الاسلوب المشجع كن مستجيبا، اره الاهتمام، ابتسم
Isticmaal cod dhiirigalin ama bogaadin leh, u noqo qof dhago-nugul, tus xiise, u dhoolo-cadee

- ★ Point to and name objects, body parts, sizes, colors, numbers, times
Nyoth duor kä lar ciötdε, cuŋ puony ran, pek ŋani, biel ŋani, ke kuen ke rawni, kuen thaani
دل على الاشياء وسمها، اجزاء الجسم، الالوان، الأرقام، الوقت
U tilmaan u na magacaw shayada, qaybaha jidhka/jirka, cabirada, midabada, tirooyinka, iyo wakhtiyada

- ★ Demonstrate action words, feelings
Lat riät ti pelkä ti gow, jak ni locde kä teth
اظهر عمل الكلمات، الشعور
Tusaalee kalmadaha fal sheegaya, dareenka

- * Listen to your child, try to understand his/her words
 Liŋ gatdu, ɣɔŋɛ ɛn ɣöö bi riät ke tin late liŋ
 إستمع إلى طفلك، حاول ان تفهم كلماته-كلماتها
 Dhagayso ilmahaaga, isku day in ad fahamtid kalmadiisa/kalmadaheeda

- * Point out new things
 Nyuth ni jɛ tin kuicɛ
 إستطلع الاشياء الجديدة
 U tilmaan waxyaabaha cusub

- * Ask your child to look for things
 Lap ni ja jäki be ŋɔak wä gör
 اطلب من طفلك الاطلاع على الاشياء
 Waydii ilmahaaga in u daydayo shayo

- * Offer positive feedback, praise your baby
 Nyoth cianj mi gɔa, jak ni gatdu kä mi rel rɔdɛ, lap ni ja com mi
 قدم له المشاعر الايجابية الحسنة، امدح طفلك
 U celi jawaab, amaan ilmaahaga

For many immigrant and refugee families, English is not their primary language. Parents may be learning a new language at the same time as their children. It is harder for adults to acquire a new language so be patient!

Riŋ nenj tin bä wiŋj ti kɔkiɛn keŋɛ goal nenj tin rɔpijiith, thok liŋɛliŋni /ciɛ jɛn thodiɛn. Dɔŋ de nei tin diŋ thok mi kujɛ keŋɛ gör ke gaat kiɛn kel. Bec ɛ loŋ ɛn ɣöö de ram mi diŋ thok mi kujɛ mal ŋac duŋ ni ɣöö päli ni loc du piny!

لإكثر المهاجرين والعائلات اللاجئة، اللغة الانكليزية ليست لغتهم الاساسية. الاهالي ممكن ان يتعلموا لغة جديدة في نفس الوقت مثل اولادهم. ولكنه من الاصعب للبالغين ان يكتسبوا لغة جديدة إذن كن صبورا.

Dad badan oo ka mid ah qoysaska soo guuray iyo kuwa qaxootiga ah, afka Ingiriisku ma aha afkooda koobaad. Waxa dhici karta in waalidku ay ku jiraan barashada af cusub isla wakhtiga caruurtoodu baranayso afka cusub. Dadka waawayn barashada af cusubi ugu ma fududa sida u caruurta ugu fudud yahay hadaba samir yeelo.

Although it is important to learn English as a second language, primary languages are an important part of all cultures. Immigrant and refugee communities should continue speaking their primary language and encourage and teach the importance of this to their children. Some communities are offering summer camps or community classes that teach native language and cultural practices. Primary language can help children to feel connected to their culture, traditions and heritage, and build pride and confidence.

Ɛ m̄i ḡoa ɛn ȳöö der̄i thok liŋɛliθni ḡör ɛ la thok in r̄ɛwde, thok in dieth k̄ɛ ran ɛ j̄ɛn thok in pith k̄ɛ j̄i b̄ä. Nei tin b̄ä win̄i k̄ökien̄i k̄ɛnɛ nei tin r̄ɔpij̄iith de k̄ɛ ɲot k̄ɛ m̄i ruack̄ɛ k̄ɛ thuk k̄ien k̄ä de k̄ɛn r̄ɔdien com k̄ä de k̄ɛn ti ḡow ɛ ti k̄ɛ kūi dhölī ɲic k̄ä r̄ɔdien. Thaa naath la k̄ɛm̄ni ɛ rial k̄ɛ k̄ä kie duel ḡr̄k̄ä ti b̄i k̄ɛ Rodien ɲiäc th̄j̄n k̄ɛnɛ ciaŋ in la cien̄k̄ɛ k̄ɛ r̄ei weydiɛn. Thok in ruac k̄ɛ dieth gan luäke gaat k̄ɛ ȳöö ba ciaŋ diethni k̄ien gūr, k̄ä b̄i k̄ɛ te k̄ɛ luth k̄ɛnɛ liäp bitk̄ä, k̄ɛ p̄ɛl k̄ɛnɛ ɲäc ɲɔani m̄i d̄it.

على كل الاحوال من المهم تعلم اللغة الانكليزية كلغة ثانية، اللغات الاساسية جزء مهم من كل الحضارات . مجموعة المهاجرين و اللاجئين يجب عليها الاستمرار بالتكلم بلغتها الاساسية و تشجيعها و تعليمها اهمية ذلك لاولادهم . بعض المجموعات تقدم مخيمات صيفية او مجموعات دراسية تدرس لغتهم الام و التدريبات الثقافية . اللغة الاساسية تستطيع مساعدة الاولاد على الشعور بالاتصال بثقافتهم و تقاليدهم و تراثهم، و تنمي الاعتداد بالنفس و الثقة

In kasta oo ay muhiim tahay barashada Ingiriisigu, hadana afafka koobaad waxa ay ka mid yihiin waxyaabaha u mihiimka ah dhaqanada oo dhan. Beelaha soo guray iyo kuwa qaxootiga ah waa in ay sii wadaan ku hadalka afkooda koobaad caruutooda na ku dhiirgaliyaan baraan na muhimada ay leeyaday arrintani.

DISCIPLINE
Ŋic ke yöö ba ŋak ŋac
المعاقبة
EDEBTA

The purpose of disciplining young children is to help them learn how to behave. Discipline is setting limits and teaching respect for people, animals and property. Discipline is a gradual process. Children learn a great deal by watching how you behave.

Luot ŋickä neme kä gaat tin ŋuëni ε yöö be ke luäk ke yöö ba cian luthkä ŋac. Ŋic ε mo la ran ε moce päl loac piny kä ŋice gaat ke luth naath, ley kene ŋoani tin kokiën. Ŋic emε mate ŋoani ti nyin ŋuan. Gaat la ti ŋuan ε ŋackε ke guäcdien ke min latke.

الغاية من عقاب الاولاد الصغار هو تعليمهم كيفية السلوك الصحيح . العقاب هو وضع حدود و تعليم إحترام الناس ، الحيوانات ، والممتلكات .العقاب عملية تدريجية . الاولاد يتعلمون درسا عظيما برؤيتهم كيفية سلوكك .

Ulajeedada edbinta caruurta laga leeyahay waa in laga caawiyo sidii ay asluub ugu dhaqmi lahaayeen. Edbinta macnaheedu waxa weeye samayn xad iyo barida in ay ixtiraam u yeeshaan dadka, xoolaha, iyo maalka. Edebtu waa arrin hadba in yar timaada. Caruurtu waxa wax badan ay ka bartaan daawashada edebta adigu ad ku dhaqmaayid.

Discipline should be fair, firm, patient, consistent, and age appropriate. It is good to set positive limits (tell what to do rather than what not to do). Use honest praise. Avoid shaming and sarcasm. Spanking is not recommended as a way to discipline. It can be dangerous when an angry parent hits a child. There is evidence that spanking teaches a child that hitting or violence is the way to deal with frustrating experiences.

Ŋic emε ε ŋic mi goa, jen /thile je wan loac, te ke liap bitka, te ke pal loac piny, ka te ke luth ke ram mi dit. Jen ε mi goa mi de thuk lath guathde (lare ji min deri lat ε /ci moa min /ci de lat). Nyothe luth. Jen wocε cian pockä kene thil loac. Cian nyiar /ce te rei cienä ŋicä nomo. La bece ε lon mo ci dieth gatkä ti ji gak gatkien nyin ro. La cua te ke mi wä loac gatkä nomo en yöö nyir kie näk naath ke ti gow ti de ran ke ŋac rei cienä kä de.

العقاب يجب ان يكون عادلا ، حازما ، صبورا ، ثابتا على مبدأ ، و حسب السن المناسب . من الجيد ان تضع الحدود الايجابية (اخبره ماذا يجب عمله او ما لا يجب عمله). إستعمل الثناء الصادق . تجنب التخجيل و التهكم . الضرب لاينصح به كطريقة للعقاب .ربما يكون خطرا عندما يكون الاهل غاضبون عند ضرب الولد . هنالك دليل ان الضرب يعلم الولد ان الضرب او القسوة هي طريقة للتعامل مع الخبرات المخيبة .

Edbintu waa in ay tahay cadaalad, tu leh ku-adkaysi, samir, iyo isbedel lahaan, ku na haboon da'da. Waxa fiican il la cadeeyo xadka suuban (sheeg waxa ay tahay in ilmuhu sameeyo halka ad ka sheegi lahayd waxa loo diidan yahay). Isticmaal amaan niyad ah. Ka fagaw ceebaynta iyo dhago-ku-hadalka caruurta. Dhirbaaxada lama ogala in loo isticmaalo hab edbin. Waxa iman karaa khatar marka waalid xanaagsani wax ku dhufto ilmo. Waxa la hayaa hubaal sheegaysa in dhirbaaxadu ay barayso ilmaha in dilka iyo faro-saarku ay yihiin hab lagu xaliyo arrintii dhib kugu haysa.

BABIES (INFANT 18 MONTHS)

Gaat (dhöli tin ruori tin të ke päth 18)

الاطفال (الطفل بسن ١٨ شهرا)

ILMAHA YAR (ILMAHA JIRA 18 BILOOD)

Your child should be able to do most things other children of the same age are doing. This may not be true if your child was born early, with a low birth weight, or has special needs. If you have questions or concerns regarding your baby's development, consult your health care provider.

Gatdu dere ti nyin nuan lat ti /ca de lat ε gaat tin kɔŋ tin rɪc ni ke. Mɛmɛ bā cɛ dia thuɔk mi cāŋ ci mal dap, kā kujy wɛɛc gatdu kiɛ ci nin dapkā dak kiɛ të ke mi diw rɔde puɔny gatkä. Mi ti ke thiec kiɛ mi deri duɔr mat thɪn ke kuj cɪɛŋä gatdu, ruac ni ke ji duel walu.

طفلك يجب ان يكون قادرا على عمل اكثر الاشياء التي يقوم بها الاطفال الآخرون بنفس العمر . ربما هذا لا يكون صحيحا إذا كان ولدك قد خلق باكرا ، بوزن ولادة منخفض ، او بحاجة الى عناية خاصة . إذ كان عندك اسئلة او مهتم بخصوص نمو طفلك ، إستشر مركز العناية الصحية التابع لها .

Ilmahaagu waa in u awoodaa in u sameeyo badi waxyaabaha ay samaynayaan caruurta kale ee da'diisa ah. Waxa dhici karta in aan taasi aanay dhicin haddii ilmahaagu hore u dhashay, ama u lahaa miisaan dhalasho oo yar, ama u leeyahay baahi gaar ah. Haddii ad qabtid su'aalo ama walwal ku saabsan kori-taank ilmahaaga, la xidhiidh/xiriir dhakhtarkaaga ama cisbitaalkaaga.

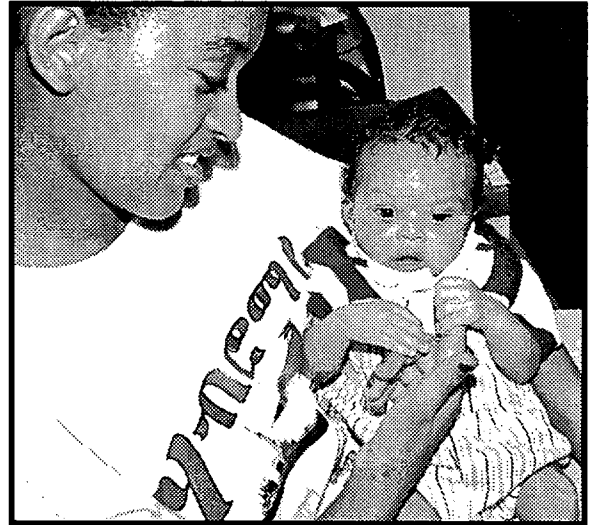
The following is a list of what to expect children to do between birth and 18 months.

Tɔ̄ bā kɔ̄r tɔ̄nɪ kɛ tin luot kɛ rɔ̄ kɛ yōō de gat kɛ lat nɪ dāp kǎ de a wǎ nɪ kǎ mɪ ɛɛ te run wǎlbādǎk.

التالي قائمة بما تتوقع من الاطفال بين سن الولادة و ١٨ شهرا.

Waxyaabahan soo socda waa waxa laga filan karo ilmaha u dhexeeya dhalasho iyo 18 bilood.

Newborn
Tin pay dap
حديث الولادة
ILMO DHASHAY



— Keeps arms and legs curled close to the body with hands clenched most of the time

Lap nɪ tɛtkɛ kɛnɛ ciōkkɛ ɛ jakǎ thiek kɛ puɔnydɛ kǎ lap nɪ wɪdɛ ɛ jakǎ te cuŋ kǎ guǎth nɪ dial

يبقي الذراعين والساقين ملتفة قرب الجسم و الايدي مطبقة باحكام معظم الوقت

Waxa u isu keenaa gacmaha iyo lugaha iyada oo faruhu na ay xidhan/xiran yihiin wakhtiga inta badan

— Grasps a finger or object for a short time

Kǎp yiat kɛ duɔr kɛ guǎth mɪ tɔt

يمسك الاصبع او الشيء لمدة قصيرة

Waxa u mudo yar ku dhagaa far ama shay

— Crying is the way a newborn talks to you

Gat mɪ tɔt la rɔda liŋɛ kɛ naath kɛ wiǎ

البكاء هو الوسيلة الوحيدة لحديث الولادة للتحدث اليك

Oohintu waa habka ilmaha yari u kugula hadlo

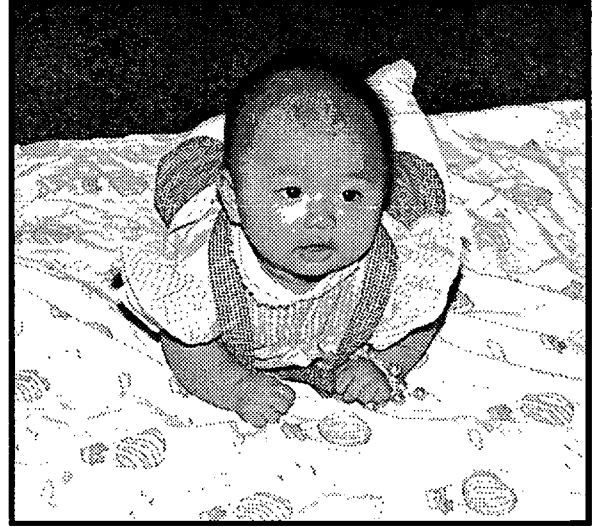
3 Months
Päth diok
٢ اشهر
Saddex Bilood

— Responds to loud sounds

La ruace ke jow mi dij

يستجيب للاصوات العالية

Waa u nuuxsadaa ama dhaqdhaqaaqa
marka u sanqadh/sanqar maqlo



— Smiles

La duoth e duothe

يبتسم

Waa u dhalo-cadeeyaa

— Wiggles and kicks with legs and arms

La te nyon nyon ka kuete ke cioke kene tetke

يتهزز و يرفس بساقيه وذراعيه

Waxa u haraati iyo dhaqdhaqaaq ku sameeyaa lugaha iyo gacmaha

— Lifts head and chest while lying on stomach

La wjde kene kawde a kape nhial mi te tocka

يرفع رأسه وصدره اثناء تمدده على بطنه

Waxa u madaxa iyo laabta sare u qaadaa marka u caloosha u jiifo

— Moves eyes in the same direction together

La wanj ka rite kuj kel kel

يحرك عينيه في نفس الإتجاه سويا

Waxa u labada indhood u wada dhaqaajiya hal jiho

— Makes cooing sounds

La rot e rote

يصدر اصوات مناغاة

Waxa u sameeya cod guux ah

6 Months

Päth bäkel

٦ اشهر

6 Bilood

— Responds to familiar faces

La ram m_i n̄äçε a n̄icε

يستجيب للوجوه المألوفة

Waxa u muujiyaa garasho wajiyada u yaqaano

— Vocalizes a variety of sounds

La wiäyε kε jïöth ti nyin n̄uan t_i göl

يلفظ أصواتا مختلفة

Waxa u sameeya noocyo dhawr ah oo codad ah

— Turns towards source of sound

La röde ε rite kujc en bä jow thjn

يستدير ناحية مصدر الصوت

Waxa uu u jeestaa dhinaca sanqadhu/sanqartu ay ka imanayso

— Rolls from stomach to back

M_i tē bupkä la röda tarε

يتدحرج من بطنه على ظهره

Waxa u iska rogga caloosha oo u rogmaa dhabarka

— Follows moving objects with eyes

La m_i jäl ε gurε kε wanjε

يلحق تحرك الأشياء بعينه

Waxa u indhaha la raaca shayada socda

— Reaches for dangling objects

La m_i te l̄öth l̄öth ε cäpe

يتناول الأشياء المتدلّية

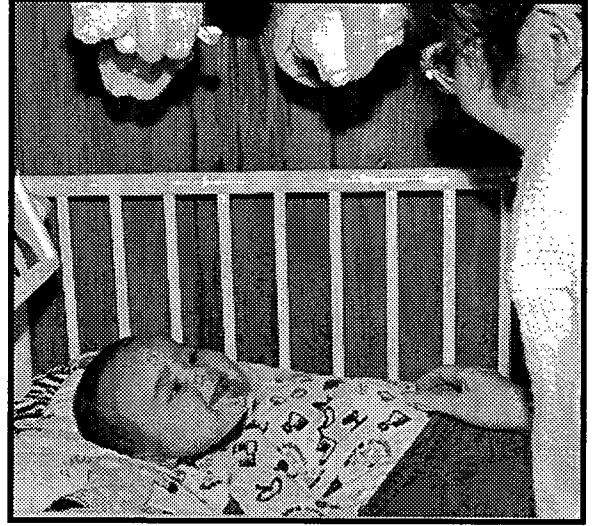
Waxa u tiigsadaa waxyaabaha soo laadlaada

— Bangs or shakes rattle

La wakε kε jow m_i d_it kie bε k_iim kä kuete

يضرب أو يهز الخشخيشة

Waxa u garaacaa ama sanqadhiyaa/sanqariyaa shuguca ama wax ruxmaya



9 Months
Päth bäjwan
٩ اشهر
9 Bilood



_____ Babbles

La röt ε röte

المناغاة

Waa u hadaaqaa

_____ Reaches for objects and picks them up

La ḥak ε käpe kä be ke kap nhial

يمد يده للأشياء و يلتقطها

Waxa u tiigsadaa shayada soo na qaataa

_____ Transfers objects from one hand to other

La duḥr ε käpe ke tēt keI kä be gual tētkä min dōdien

ينقل الأشياء من يد الى اخرى

Waxa u shay gacan u ku hayo u gudbiyaa ta kale

_____ Plays peek-a-boo and pat-a-cake

La ḥare ke tin gow tin la ḥar ke gaat

يلعب الإستغماء و التربيته (ضرب الألف)

Waxa u ciyaaraa ciyaarta waan-ku-arkaa ama

waji qarqaris iyo ciyaarta baabaco-ku-simid

_____ Plays with toes

La ḥare ke tōyni

يلعب بأصابع رجليه

Waxa u ku ciyaaraa faraha lugaha

_____ Crawls on tummy

La ḥoye ke bapde

يجبو على البطن

Waxa u ku gurguurtaa caloosha

_____ Sits without help

La nyure kä roade

يجلس بدون مساعدة

Waxa u fadhiistaa gargaar la'aan

_____ Takes pureed food without difficulty

La kuän mi del del ε came kä ce bi dēc

يتناول الأطعمة المهروسة بدون صعوبة

Waxa u qaataa cuntadii mishaali ama shuuro
socota ah dhibaato la'aan

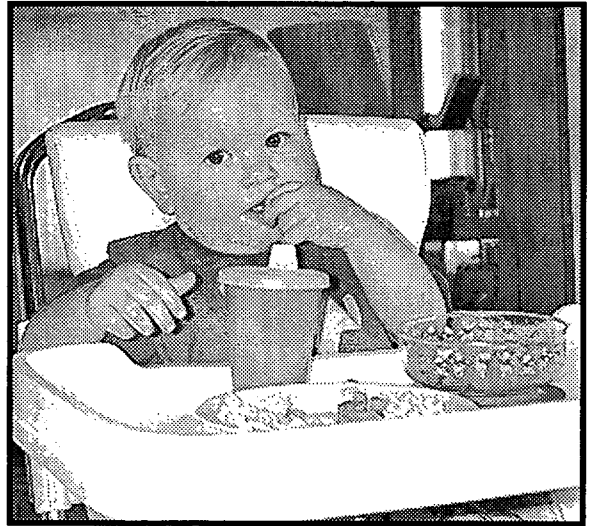
12 Months
Päth wälrew
١٢ شهرا
12 Bilood

— Crawls on hands and knees
La moale ke moalkε ke ne tētke
يحبو على يديه و ركبتيه
Waxa u ku gurguurtaa gacmaha iyo
jilbaha



— Pulls to a standing position
La rōda rōme ke duor be cuor ke je
يشد لوضعية الوقوف
Waa u joogsadaa marka u meel qabsado

— Drinks from a covered cup
La mātε ke kubay mj tē ke kum
يشرب من كوب مغطى
Waxa u wax ku cabaa koob dabool leh



— Puts objects into containers
La ŋoani ε pike rei kuakni
يضع الأشياء داخل الأوعية
Waxa u wax ku ridaa weel

— Stacks two blocks
La ŋoak ε care ε bi ke wā ni kā dōri daŋ rew
يضع مكعبين فوق بعض
Waxa u is dulsaaraa labo lakab ama shay

— Feeds self finger food
La mjtε ke tētde
يطعم نفسه الأطعمة التي تتناول باليد
Waxa u keligii cuni karaa cuntada
faro-qaad leh

— Waves bye-bye
La male ε lare ke tētde
يلوح مودعا
Waxa u gacanta u ruxaa nabadeey ama
bay-bay

Infancy (birth through 18 months) is a period of fast growth and rapid development. Infants nearly triple in weight, learn to walk, gain skills in feeding themselves, and develop early language skills during this time.

Gaat tin nyin tieni (tin pay dap ε wä kä tin te ke päth 18) ε jen guath piäthdien kä ε jen guath in le ken näc n̄ani male jek th̄jn. Gaat t̄i thiak t̄ini wecdien (thiakdien) d̄ite, gör ken jal, n̄ac ke cap tin de ken rodien miäth ke ke, kä n̄ac ke thuk t̄e nhiam ke jen guath εμε.

الطفولة (من المولد حتى ١٨ شهرا) هي فترة نمو سريع و تطور سريع . الأطفال يزداد وزنهم ثلاث مرات تقريبا، يتعلمون المشي، يكتسبون مهارات في إطعام أنفسهم، و تتطور باكرا مهاراتهم اللغوية أثناء هذه الفترة.

Da'da u ilmuhu aad u yar yahay (dhalashada ilaa 18 bilood) waa wakhti leh koritaan iyo horumar degdeg ah. Ilmaha waxa ku soo kordha miisaan ku dhaw saddex-jibaar; waxa ay bartaan socod; waxa ay bartaan sida cuntada la isu siiyo, waxa kale oo yeeshaan farsamada hadalka wakhtigan.

By responding sooner to your baby's needs, he will develop a better sense of trust. It is good to hold and cuddle your baby. Babies need attention from their parents. This helps build positive self esteem (feeling lovable, capable, and accepted).

M̄i c̄i gaatku mal n̄iäc ke tin gör gaat ke b̄i ke c̄uä gaat t̄i ḡow, kä b̄i ken cian luthkä pieth rei dien. ε m̄i ḡoa εn yöö deri gatdu rom kä deri je buom puonydu. Gaat gör ken tit m̄i ḡoa kä dieth kien. Neme n̄ice gaat ke cian m̄i thuk (moe ke nhök, moe ke näc n̄ani, kene nhök).



من الأفضل ان تكون إستجابتك سريعة لإحتياجات الولد، وهذا سينمي شعور الثقة. من الأفضل ان تحملو وتحضن طفلك.الأطفال بحاجة للإهتمام من أهاليهم. هذا يساعد على البناء الإيجابي لتقدير نفسه (الشعور بانه محبوب ، كفو، و مقبول)

Wakhtiba wakhtigii u ka sii horeeyo ee ad haqab-tirtid baahida ilmahaaga ka wanaagsan, waxa na u yeelan doonaa dareen isku-kalsooni ah. Waa ay wanaagsan tahay in ad haysid ilmahaaga oo ad laabta ku xejisid. Ilmuhu waxa u waalidkii uga baahan yahay xanaano iyo war-ka-hayn. Taasi waxa ay ilmaha u dhisaysaa niyad wanaagsan (ama dareen ah in la jecel yahay, ama awood leeyahay, iyo in raali laga yahay).



Some behaviors at this developmental level can be very frustrating for parents but are perfectly normal. It is normal for babies to cry but it can be hard to listen to. Newborns cry an average of 2 1/2 hours per day. Babies cry when they are hungry, tired, wet, too hot or cold, if their tummy hurts, or when they want to be held.

Thaa ceŋ ni tin pith ke gaat en rei cieŋ kä neme le ken wic diethni gaan e gäy, duŋ ni yöö thile ke luŋt. Thile riek mi wiä gat duŋ ni yöö le liänŋde e bec e loŋ. Gaat tin pay dap le kene wiä ke thani 2 1/2 ke cän kel. Gaat le kene wiä mi ci both ke näk, mi ci ke cuuc, mi yoc puonydien, mi leth piny kie kɔc piny, mi bec jidien, kie mi gör ken yöö ba ke rom.

بعض السلوك بهذا المستوى للنمو ممكن ان يكون مخيبا جدا للأهل و لكنه طبيعي تماما . من الطبيعي للأطفال ان يبكو ا و لكن ربما يكون من الصعب الإستماع إليهم . حديثو الولادة يبكون بمعدل ساعتين ونصف في اليوم . الاطفال يبكون حين يكونوا جائعين ، تعيين، مبللين ، يشعرون بالحر او البرد ، إذا كانت معدتهم تؤلمهم، و عندما يريدون ان يحملوا .

Dhaqanka ilmaha qaarkood marka ay ku jiraan heerkani koritaankooda waxa dhici karaa in waalidku dhibsado laakin dhaqankaasi waa u caadi ilmaha. Waa u caadi ilmaha in ay ooyaan laakin taa dhagaysigeedu waa dhib. Ilmaha dhashay waxa ay celcelis ahaan ooyi karaan 2 _ saacadood maalintii. Ilmuhu waxa ay ooyaan marka ay gaajo hayso, marka ay daalaan, qoyan yihiin, ay aad u kulul yihiin ama qabaw yihiin, haddii calooshu xanuunto, ama marka ay doonayaan in la hayo.



Older infants are good at making messes (example: at meal time). Feeding themselves can be messy but it is an important part of development. Older infants (12 - 18 months) will begin to express anger and frustration. They are more mobile at this age and often do not respond to parents commands. It is important to provide a safe environment and proper supervision for your child.

Gaat tin ci lem goayε en yöö de ken ηak wër piny (ciët κε: guath miäth). Mī mīth ken kä rödien le ken ηanij ε wer piny duη nī yöö nomo ε mī gōa rei piäth gan. Gaat tin ci lem (päth 12 - päth 18) le loc dien ε jjaäk kä la ken ε kon.

الأطفال الأكبر عمرا يراعون بإشاعة الفوضى (مثلا : وقت الطعام). إطعام انفسهم ممكن ان يكون مسببا للفوضى و لكنه جزءا مهما من النمو. الأطفال الأكبر عمرا (١٢-١٨ شهرا) سيبدأون بالغضب السريع و الإحباط. يتحركون اكثر بهذا العمر و غالبا لا ينصاعون لأوامر الأهل. من المهم ان تقوم بتأمين محيط آمن لطفلك و يكون تحت ملاحظتك الدقيقة.

Ilmaha da'doodu sannad gaadhay waxa ay aad u yaqaanaan in wax ay isku daadiyaan ama wax daadiyaan (tusaale: wakhtiga cuntada). Marka ay ilmuhu baranayaan qaadasha cuntada gargaar la'aan waa ay u isku daadin laakin taasi waa qayb muhiim ah oo ka tirsan koritaanka ilmaha. Ilmaha da'doodu gaadhay/gaartay sannad (12-18 bilood) waxa ay bilaabi doonaan in ay muujiyaan xanaaq iyo cadhada/carada u keeno damac suuroobi waayay.

Suggested Play Time Ideas
Läri ke kui nyini nari
إقتراحات لافكا روقت اللعب
Talooyin ku Saabsan Wakhtiyada Ciyaarta

1 - 2 Months crib mobile, ring or dumbbell-shaped rattles, music, read books, babies like to look at their parents faces

Pay 1 - kä päth 2 laŋε rεp in la gaat ε yiɔk, nyanɲ yiεt kie landit in lε naath ε moc wuɔk, tɔy in la wiä, bul, buɔknɪ, gaat nhoakε guäc wäŋnɪ dieth nɪ kiεn

من شهر الى شهرين السرير المتحرك، الحلقة او الخشيشات، الموسيقى، الكتب، الأطفال
 يحبون النظرفي وجه والديهم

1 - 2 Bilood xoolka dhaqdhaqaaqa, shuguca ama dhalaan ciyaarsiiska la ruxo, muusiko, buugaag, ilmuhu waxa ay jecel yihiin in ay eegaan wajiyaada waalidkooda

3 Months rattles, cuddly toys, bouncing bright colored balls, activity centers and play gyms, read books

Päth 3 jɔw mɪ pēth, tɔy mɪ goa, kure nɪ tɪ tē ke biel tɪ biel biel tɪ nuan, guäth nari kene duel tin lε naath ε nar ke kure nɪ thɪn, buɔknɪ

٣ أشهر الخشيشات، الألعاب المحبوبة للعناق، الكرات الملونة بالوان زاهية، مراكز النشاط
 وقاعات الرياضة، الكتب

3 Bilood shuguc ama dhalaan ciyaarsiiska ruxma, dhalaan ciyaarsiiska bulbusha ama dufka leh, kubadaha fudud ee leh midabo dhalaalaya, xarumaha iyo qalabka ciyaarsiiska da'dooda, buugaag

6 Months soft washable animals and toys, cloth or heavy cardboard books, toys that make sounds, floating bath toys, soft rubber squeeze toys

Päth 6 ley tin la lake ke thabuny kene tɔynɪ, biäynɪ kie buɔknɪ jiεn tin thiak thiak, tɔy mɪ la wiä, tɔynɪ puɔkä tin la jäl, tɔy in te ke thubuny in la nhiaç ke mɪ nar naath ke jε.

٦ أشهر

الحيوانات الناعمة القابلة للغسيل و الألعاب، الثياب او اغلفة الكتب الثقيلة،
الألعاب التي تصدر اصواتا، الألعاب التي تطفو في الحمام، الألعاب المطاطية الناعمة القابلة
للضغط

6 Bilood dhalaan ciyaarsiis jilicsan lana maydhi/dhiqi karo, buugaagta ka samaysansan maro ama qardaas culus, dhalaan ciyaarsiisyada dhawaaq sameeya, dhalaan ciyaarsiisyada biyaha maydhashada/qubayska ku sabeeya, dhalaan ciyaarsiisyada caagga jilicsan ee la tuujiyo

9 Months play interactive games with child such as Peek-a Boo, Pat-a-Cake, nonbreakable dishes, pots and pans, books

Päth 9 la ñarɛ kɛ ñari ti gow ɛ loŋ kɛnɛ gaat, cet kɛ ñari dhöli tin la kɛn ka nhok ɛ loŋ, ñar kɛ kuak tin /ciɔ tiath, dhar kɛnɛ yiöm pini

٩ أشهر
إلعب الألعاب القائمة على التبادل مع الطفل مثل الغميضة و التربيطة (ضرب
الأكف)، الأدوات الغير قابلة للكسر، القدور و المقاليات، الكتب

9 Bilood la ciyaar ilmaha ciyaaraha wada-jirka loo ciyaaro sida waan-ku-arkaa ama waji-qarqaris, baabaco-ku-simid, suxuunta aan jabi karin, digsiyo iyo daawayaaasha, buugaag

12 Months toy telephone, nesting bowls or tumblers, easy puzzles, low rocking horse, point to and name body parts with your child, read books

Päth 12 talepon toykä, kure min le ran yiɛt kɛ ɛ cot reidɛ kiɛ yiöm math in ca lat kɛ nen kä thile jɛ gön

١٢ شهر
الهاتف اللعبة، طبق عش العصفور او الدرجة، الاحاجي السهلة، الحصان الهزاز المنخفض، أشر إلى اجزاء الجسم و سمها مع طفلك، الكتب

12 Bilood tilifoon dhalaan ciyaarsiis ah, madiibadaha/baaquliyada ama koobabka is gala, habaynta naqshadaha fudud, faraska rakooca; farta wax ku tilmaan u magacaw na ilmahaaga qaybaha jidhka/jirka, buugaagta

Disciplining Babies (Infant 18 Months)
Ŋicni dhöli (gaat tin ruori a wä kä tin të päth 18)
عقاب الاطفال (الطفل - ١٨ شهرا)
Edbinta Ilmaha (Ilmo yar - 18 Bilood)

During baby's first year every interaction you have with him/her is a chance to show respect and encourage cooperation. Babies are explorers. They do not understand rules. Babies do not understand time-out, saying no, or spanking. **Never shake your baby.** It could seriously hurt or even kill your baby.

Ƙε ruon gatkä min nhiam tin gow tin la läti je ke ban kä je ke yöö nyuoth ke je luth kä com kene ke cian kël. Gaat thile ke loc. /Ci ŋoak ε wä loc dien. Gaat kujc ken yöö de duor le päl, kujc ken yöö I cä lok, kie Kujc ke yöö də jī röm ter. /Cu gatdu met yuoth. De gatdu bot mī jīäk jek kie deri gatdu näk.

اثناء السنة الاولى من عمر الطفل يجب ان تكون معه - معها في كل مخالطة لتريه الاحترام
و تشجيعه على التعاون . الاطفال محبوبون للاستطلاع . لا يفهمون القواعد . الاطفال
لا يفهمون معنى إنتهى ،القول لا، او الضرب . لا تهز طفلك ابدا . ربما تؤذيه جديا او حتى
تقتله .

Inta lagu jiro sannadka ugu horeeya ee nolosha ilmaha la-dhaqan kasta oo ad la yeelataa waa fursad furan oo lagu tusi karo ixtiraam lagu na dhiirigalin karo iskaashi. Ilmuhu waa sahamin jecel yihiin. Ma fahamsana xeerarka. Ilmuhu ma fahmaan ha laga nasto wax, dhihida maya, ama dhirbaaxada. Waligaa ha ruxin ilmahaaga. Taasi waxa ay si xun u dhaawici kartaa ama dili kartaa ilmahaaga.

TODDLERS (18 MONTHS - 3 YEARS)
Gaat tin ticni (päth 18 - Run 3)
الاولاد الصغار (١٨ شهرا - ٣ سنوات)
SOCOD BARADKA (18 BILOOD - 3 SANNADOOD)

The following is a list of what to expect children to do between 18 months and 3 years.

To bä kōr tōni ke tin de gaat ke lat mī ci ke të päth 18 ε wä ni kä run diok.

التالي قائمة بما يتوقع من الاطفال ان يعملوه بين سن ١٨ شهرا و ٣ سنوات.

Waxyaabahan soo socda waa waxa laga filan karo ilmaha u dhaxeeya 18 bilood iyo 3 sannadood.

18 Months

Päth 18

١٨ شهرا

18 Bilood

— Likes to pull, push, and dump things

La ḡoak ε thote, la ḡoak ε ḡoke, kä la ḡoak ε yiäke

يحب ان يشد، يدفع، و يقلب الاشياء

Waxa u jecel yahay in wax u jiido, riixo, ama wax tuuro

— Follows simple directions ("Bring the ball")

La mi thil luot ε gure ("Nöḡ ni kure")

يتبع الطلبات البسيطة ("احضر الكرة")

Waxa u raaca tilmaamaha fudud ("Keen kubada")

— Likes to look at pictures

Nhoke ḡuac thure ni

يحب النظر الى الصور

Waxa u jecel yahay in u eego sawirada



— Helps to get dressed and undressed

La biäyni ke ε läthe puḡnyde kä be ke kam rar kä roade

يساعد في لبس الثياب و خلعها

Waxa u qayb ka qaataa dhar gashashiisa iyo dhar ka saaridiisa

— Uses 8 - 10 words

La ruace ke riät 8 - 10

يستعمل ٨ - ١٠ كلمات

Waxa u isticmaala inta u dhexaysa 8 - 10 kalmadood

— Walks without help

La jäle kä roade

يمشي بدون مساعدة

Waxa u socdaa gargaar la'aan

— Climbs stairs on all fours

La köte ke tētkē ke ne ciöke mī köte tin la koat ke duel

يتسلق الدرج على يديه ورجليه

Waxa u jaranjarooyinka/salaamada ku fuula afarta adin (gacmaha iyo lugaha)

— Steps off low objects and keeps balance

La pene wīkā mī thiēk ke piny kā be cuḡḡ

ينزل عن الاشياء المنخفضة و يحفظ توازنه

Waxa u ka dul talaabsadaa shayada joogoodu hooseeyo isaga oo aan dhicin

— Feeds self with spoon

La mīthe ke malēgak

يطعم نفسه بالملعقة

Waxa u cuntada isku siiyaa qaado/malqacad

* See “Toilet Training” later in this book

Guic ḡic tōyletkā I yio en rei buok ε me

انظر "التدريب على استخدام الحمام" لاحقا في هذا الكتاب

Ka eeg “Tababarida Mushqusha/Baytalmayga” qaybaha dambe ee buugan

2 Years

Run 2

سن السنتين

2 Sannadood

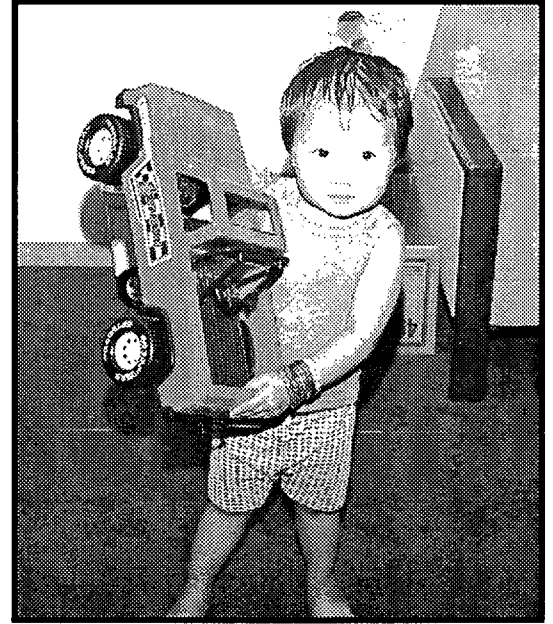
— Uses two-word phrases

La lare nī riāt mī tē ke riāt rēw

يستعمل الجمل المولغة من كلمتين

Waxa u isticmaala weedho ama hadal ka kooban labo kalmadood

— Says names of toys or objects
 La ciöt toynj kie ciöt n̄oan̄j tin k̄k̄kien ε lare
 يعرف اسماء الالعب او الاشياء
 Waxa u sheegaa magacyada dhalaan ciyaarsiisyada
 iyo shayada



— Points to familiar objects
 La m̄j n̄äce ε nyuothε
 يشير إلى الاشياء المألوفة
 Waxa u tilmaama shayada u yaqaan

— Copies household activities
 La ceŋ j̄i c̄eŋ dial ε n̄äce
 يقلد نشاطات اهل المنزل
 Waxa ku daydaa hawlaha guriga

— Carries a large object while walking
 La m̄j d̄it ε kapε k̄ä be jal
 يحمل شيئًا كبيرًا اثناء المشي
 Waxa u qaadi karaa shay wayn marka u socdo



— Plays alone for short periods
 La n̄are k̄ä roade ke guath m̄j tot
 يلعب وحده لمدة قصيرة
 Waxa u keligii ciyaari karaa mudo gaaban

— Identifies three body parts by pointing
 La cuoŋ puoŋy dan̄diqk ε n̄äce k̄ä be ke nyoth

يعرف ٣ أجزاء من الجسم بالإشارة

Waxa u sheegi karaa saddex qaybood oo ka mid jidhka/jirka isaga oo farta ku tilmaamaya

— Imitates crayon stroke
 La d̄örj̄ j̄ien tin la n̄ar ke gaat ε gure

يقلد خط الاقلام الملونة

Waxa u ku dayan karaa xariiq/xariijin lagu sameeyay qalin wayn

2 1/2 Years
Run rɛw kɛ nuth (2 1/2)
سن السنيتين و نصف
2 _ Sannadood

- Rides a push toy
La tɔy in la yɔakɛ ɛ kɔtɛ
يركب لعبة متحركة
Waxa u fuulaa dhalaan ciyaarsiiska la riixo
- Takes off coat
La kɔtɛ ɛ kɛmɛ rar
يخلع معطفه
Waxa u iska bixiyaa koodh/jaako
- Talks on play telephone
La ruacɛ kɛ talɛpon ɲarkä
يتحدث في الهاتف اللعبة
Waxa u ku hadlaa tilifoonka dhalaan ciyaarsiiska
- Places objects into small openings
La duɔr ɛ läthɛ rɛi kä mɪ tot mɪ yɔŋ
يضع الاشياء داخل الفتحات الصغيرة
Waxa u galiyaa shayo meelo furan ee yaryar
- Climbs into an adult chair
La kɔtɛ wɪ kɔam nyurä nɛnɪ tɪ dɪt
يتسلق على كرسي البالغين
Waxa u fuulaa kursiga qofka wayn
- Turns two or three pages at a time
La pɛcni rɛw kɛ pɛcni diok ɛ lɛpɛ kel
يقلب صفحاتين او ثلاثة في نفس الوقت
Waxa u rogaal hal ama saddex bog halkii mar
- Opens door
La thiik ɛ lɛpɛ
يفتح الباب
Waxa u furaa albaabka



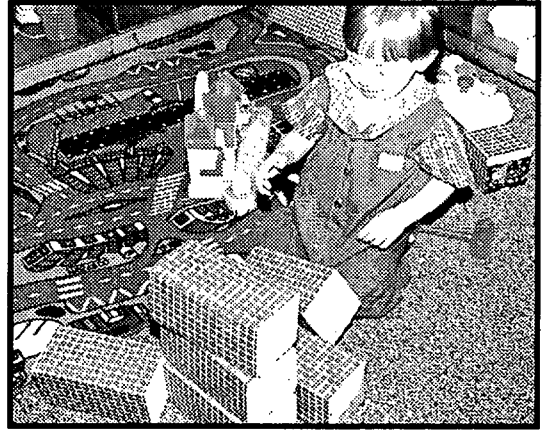
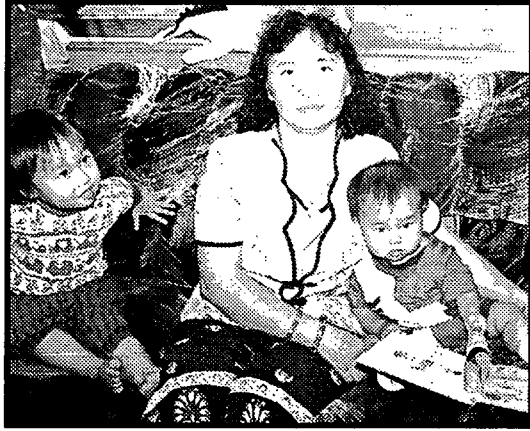
Suggested play time ideas
Läri ke kui thani ñarkä
إقتراحات لافكار اوقات اللعب
Talooyin ku Saabsan Wakhtiyada Ciyaarta

18 Months Let your child watch you do various activities like cooking, vacuuming, cleaning, talk about what you are doing, read books

Päth 18 Jakni gatdu kä guice tin läti cët ke, math (kuor) duel, ruacni ke kujc kä min läti, buokni

دع طفلك يراك تقوم بمختلف النشاطات مثل الطبخ، التنظيف بالمكنسة الكهربائية،
التنظيف، تحدث عما تقوم به، الكتب ١٨ شهرا

18 Bilood U ogolow ilmahaaga in u ku daawado adiga oo samaynaya hawlo kala duwan sida cunto karin, isticmaalka qashin-nuugaha, nadiifinta, ka hadal waxa ad samaynaysid, buugaag

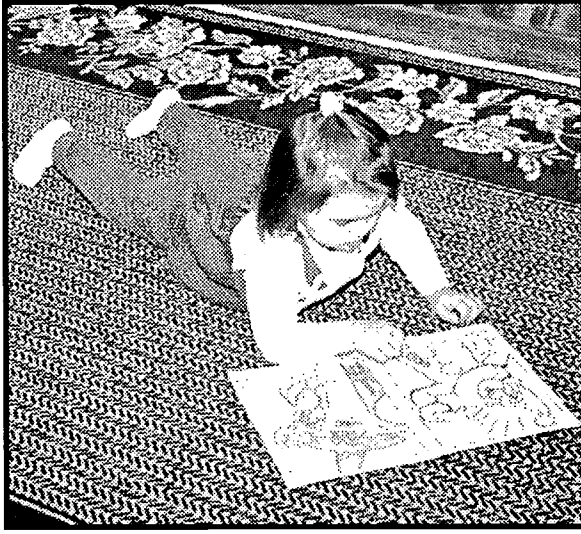


2 Years Building towers (use building blocks, paper cups, cereal boxes), read books

Run 2 La duel ε läte (la ja läte ke, kothni wargakni, candukni kartöni), buokni

بناء الابراج (استعمل مكعبات البناء، اكواب الورق، علب الحبوب)، الكتب سن السنين

2 Sannadood Dhisida fooqaq/dabaqyo (isticmaal lakabyo/bulukeetiga dhismaha, koobabka warqada ah, sanduuqyada firilayda/siriyaalka), buugaag



2 - 3 Years Coloring, reading books

Run 2 - 3 La buokni ε bile

التلوين ، الكتب ٢ - ٣ سنوات

2 - 3 Sannadood Midabaynta, buugaagta

2 1/2 - 3 Years Child can pour water from a pitcher (use a small pitcher and cup) Play-doh, books

Run 2 1/2 - Run 3 La pii ti löny ε game (guath ni dial la ke ε game ke kubay) la ñare ke dun pini

٢ ونصف-٣ سنوات الطفل يستطيع صب الماء من الإبريق (إستعمل إبريقا صغيرا و كوبا)
يلعب بالمعجون، الكتب

2 - 3 Sannadood Ilmuhu waxa u wax ka soo shubi karaa joog (isticmaal joog iyo koob yar),
ciyaari karaa cod muusiko, buugaag

These activities will:

Cεη ti tini bi ke:

هذه النشاطات سوف:

Hawlani waxa ay:

- * Help your child's eyes and hands work together

Gatdu luäk ke yöö bi wänke kene tètke lät kel

تساعد عيني طفلك و يديه لتعمل سويا

Ka caawin doonaan ilmahaaga in indhaha iyo gacmuhu wada shaqeeyaan

- * Help your child learn how to plan and pretend

Gatdu njäc ke njac njani kene duup in derε rōde gan ke je

تساعد طفلك على التعلم كيف يخطط و يتخيل

Ka caawin doonaan ilmahaaga in u barto sida wax loo qorsheeyo iyo sida la iskaga yeelyeelo

- * Help your child learn self control

Gatdu njäc ke päl loac piny

تساعد طفلك التعلم على ضبط نفسه

Ka caawin doonaan ilmahaaga in u barto xukumida nafta

- * Help your child learn to play by him/herself

Gatdu njäc ke nar in de nar ke je kä rōade

تساعد طفلك ان يتعلم اللعب وحده - وحدها

Ka caawin doonaan ilmahaaga in u barto sida keligii/keligeed u ciyaari lahaa

- * Help your child to express feelings

Gatdu njäc ke yöö be ciande tit

تساعد طفلك على التعبير عن شعوره سريعا

Ka caawin doonaan ilmahaaga sidii u dareenkiisa u muujin lahaa

- * Help your child to get ready for school

Gatdu njäc ke yöö be rōde rialikä ke duel gorkä

تساعد طفلك ليكون مستعدا للمدرسة

Ka caawin doonaan ilmahaaga sidii u diyaar ugu noqon lahaa dugsiga/isguulka

Toddlers want to do things for themselves, but still need help and attention from their parents. Toddlers are exploring their environment. Children between 2 - 3 years of age have the highest activity level they will have in their life. At this time they increase moving skills such as walking, running and climbing. They are also beginning to talk.

Gaat le keε gōri yōō de ke duṛ lat ke kujdien, duṛ ni yōō le ken luäk ε gōr keε tit kä diethkien. Gaat ε jen taā dien I nōno guāth ni dial. Gaat tin run kien 2 - run 3 tē ken ke ceṅ tī ṅuan ε loṅ rei tēkā dien. Ke jen guāth ε me cī ke nyin kien rep cet jalien, wuṛien, keε kötdien. Cī ken ε jī ruac.

الاولاد الصغار يريدون ان يعملوا الاشياء بأنفسهم، ولكن يزالون بحاجة للمساعدة بحاجة للمساعدة و الإهتمام من اهاليهم . الاولاد الصغار مستكشفون لبيئتهم . الاطفال ما بين ٢-٣ سنوات من العمر يملكون اعلى مستوى من النشاط في حياتهم. في هذا الوقت تزداد مهارات الحركة مثل المشي ، الركض و التسلق . كذلك يبدأون بالكلام.

Socod-baradku waxa ay doonaan il ay keligood wax qabsadaan, laakiin waxa ay wali uga baahan yihiin waalidkooda gargaar iyo war-ka-hayn. Socod-baradku waxa intaa baadhayaan/baarayaan agagaarkooda. Caruurta da'doodu tahay 2 - 3 sannadood waxa ay leeyihiin heerka firfircoonida ugu sareeya ee ay noloshooda yeelan doonaan. Wakhtigan waxa ay kordhiyaan tabaha dhaqaaqa sida socodka, orodka iyo fuulida. Waxa kale oo ay baranayaan in ay hadlaan.

Safety is very important at this developmental level. Remove dangerous objects from your child's environment. Be patient. Have reasonable expectations. When you talk to your child use simple words and short sentences. Routine is important.

Luäk ε mī goa rei ciεṅ kä piāth gatkä, käm ni mī moth moth rar tēt kä gatdu. Päli rödu piny. Teni ke ṅäc mī goa. Mī ruac cī ke gatdu lat ni riät tī thiak thiak. Lat duṛkä loε gatkä ε mī goa.

الامان مهم جدا عند هذا المستوى من النمو. أزل الاشياء الخطرة من محيط طفلك. كن صبورا. ليكن عندك التوقعات المعقولة . عندما تتحدث الى طفلك إستعمل الكلمات البسيطة و الجمل القصيرة . التكرار مهم.

Badbaadadu aad ayay muhim u tahay wakhtiga ay ilmuhu ku jiraan heerkanta. Ka fogee aga-gaarka ilmahaaga shayada khatarta ah. Samir yeelo. Lahaw filasho caqli-gal ah. Marka ad la hadlaysid ilmahaaga isticmaal kalmado fudud iyo weedho/tixo/hadal gaagaaban. Ku celcelintu waa muhiim.

Some challenging (but normal!) behaviors to expect at this age include:

Thaa nyuth ni (duŋ ni ʔöö gow ke) ciaŋ in cieŋ ke ric εεε amäni:

بعض الاعتراضات (ولكن عادية) بالسلوك متوقعة في هذا العمر تشمل :

Dhaqan ilmo oo adag (laakin u caadi ah) oo la filan karo da'dan waxa ka mid ah:

★ Defiant behavior (Says “NO” when told to do something)

Thile je luth (La jak ε lokε mī ca jiök I wer noŋ ni duɔr)

مخالفة الاوامر (يقول "لا" عندما تقول له ان يعمل شيئا ما)

Madax adayg (Waxa u leeyahay “MAYA” marka la yidhaahdo/yiraahdo wax samee)

★ Temper tantrums

Jath loac mī jiäk

حدة الإنفعال

Camalxumo ama surucyo

★ Will not share or take turns

/Cε duɔr bi nyuak ke ran kie /cε duɔr bi gual ke ran

سوف لن يشارك أو يأخذ دورا

Wadaaga ama markiisa in u wax qabto oo u diido

★ May insist on having things a certain way

Dɔŋ be göri be duɔr jek ke duɔp mī dɔŋ

ربما يصبر ليحصل على الاشياء بطريقة ما

Waxa laga yaaba in u ku adkaysto in sida u rabo wax noqdaan

★ Will not hold your hand

/Cε tētdu bi rɔm

سيرفض ان يمسك يدك

Ma u xejin doonoo gacantaada

★ Moves slow, will not come when called

Be jal ε mäh /cε bi ben mī ca cɔl

يتحرك ببطء ، و لا ياتي إذا دعي

Waa u cago-jiidi ama gaabin doonaa, ma iman doonaa marka loo yeedho

Disciplining Toddlers (18 months - 3 years)
Ŋic gaan tin nyin tieni (päth 18 - run 3)
معاينة الاولاد الصغار (١٨ شهرا - ٣ سنوات)
Edbinta Socod-baradka (18 bilood - 3 sannadood)



Toddlers need protective rules. They don't recognize dangers. Toddlers are learning to say **NO**. They are learning what they can and can't do as they become more independent. Toddlers need their parents to remove them from an activity if it is unsafe or inappropriate.

Gaat tin tieni görke ŋuɔt ε ken. Kuäc ke mi jiaäk. Gaat tin tieni gör ken yöö bi ken ε ŋac I nomo cän ε gör. Ken wä ke mi ku ken ε ŋac en yöö ε ŋu de kene lato kä ε ŋu ci kene de lato ke yöö wä pëlien ke mi repε ni röde. Gaat tin tieni gör ke yöö bi dieth kien ke gaŋ ke lat kä mi jiaäk kie mi lät ken mi ci röde lot.

الاولاد الصغار بحاجة الى قواعد وقائية. هم لا يدركون الخطر. الاولاد الصغار يتعلمون القول لا. يتعلمون ما الذي يستطيعون او لا يستطيعون عمله ليصبحوا مستقلين اكثر. الاولاد الصغار بحاجة لاهاليهم ليبعدوهم عن نشاط ما إذا كان غير آمن او غير ملائم.

Socod-baradku waxa ay u baahan yihiin sharciyo badbaadinaya. Ma gartaan khatarta. Socod-baradku waxa ay baranayaan in ay MAYA yidhaahdaan/yiraahdaan. Waxa ay baranayaan waxa ay samayn karaan iyo waxa aanay samayn karin marka hadba ay sii noqdaan kuwo isku-filan. Socod-baradku waxa ay u baahan yihiin in waalidkoodu ka kaxeeyaan hawshii ama halkii aan nabad ahayn ama haboonayn.

Many undesired behaviors can be eliminated by ignoring them. If your child refuses to do something try distracting your child by introducing another activity. Many parents use a technique called “time-out”. A “time-out” is done by removing your child from the situation to a place where he/she can be alone (in a special area or chair) for a short period of time (one minute for each year of age).

Ceɗdial tin ci ken ke luɗɗ ke gurɗi la ka luɗɗ yoo bi palɗi ke ruc. Mi lɔk gatdu yoo late duɗɗ pelɗi je ke ti kɔkɛni. Mani gaan ti nuan le ken male lar ni yoo “cuɗ ni”. Mi ci gat jiok I “cuɗ ni” ce thuɗk ke yoo be min late cu pal a be wa nyur ni ke nyure ka roade (guath mi goa kie ni wi koam) ke guath mi tot (ka kel ke ruɗn).

كثير من السلوك غير المرغوب فيه ممكن التخلص منه بتجاهله. اذا رفض طفلك عمل شيء ما حاول صرف إنتباهه بإدخال نشاط اخر. كثير من الاهالي يستعملون الاسلوب القائل "انتهى". الامر بالانتهاء يتم بانتقال طفلك من مكانه الى مكان حيث يكون-تكون وحده (في منطقه خاصة او كرسي) لمدة قصيرة (دقيقة واحدة لكل سنة من العمر).

Dhaqamo badan oo aan la jeclayn ayaa laga baabi’ in karaa ilmaha haddii aan dhag loo dhigin. Haddii ilmahaagu u diido in u sameeyo wax isku day in ad ku jeedisid hawl kale oo ad u soo bandhigid. Waalid badan ayaa waxa ay isticmaalan tabta loo yaqaan “ha laga nasto”. Tabta “ha laga nasto” waxa la isticmaalaa iyada oo ilmaha laga kaxaynayo xaalada joogta ama dhibku ka joogo lana geeyo meel u keligii ilmuhu joogi karo (waa meel khaas ah ama kursi) wakhti gaaban (waa hal daqiiqo halkii sannad ee cimri ah).

PRESCHOOLERS (3 - 5 YEARS)

Tin tieni tin kɛn book kɛl ni tok (run 3 - run 5)

روضة الاطفال (3-5 سنوات)

CARUURTA DUGSI AAN GAADHIN/GAARIN (3 - 5 SANNADOOD)

The following is a list of what to expect children to do between ages 3 and 5 years.

Tɔ bɛ kɔr tɔnɗi ke tin lot ke rodiɛn ke yoo de gaat tin run kiɛn 3 ɛ wɛ ni run 5 ke lat.

ما يلي قائمة بالتوقعات لما يقوم به الاطفال بين 3 و5 سنوات.

Waxyaabahan soo socda waa waxa laga filan karo ilmaha u dhexeeya da’da 3 iyo 5 sannadood.

3 - 4 Years
Run 3 a wä kä run 4
٣-٤ سنوات
3 - 4 Sannadood

— Puts on shoes

La wariä läthe

يلبس حذاءه

Waxa u gashadaa kabaha

— Turns one page at a time

La pëc kel ε lepε kä kel

يقلب صفحة واحدة في المرة الواحدة

Waxa u roгаа hal bog markiiba



— Walks up stairs holding hand rail

La rōde ε käpε ε goa mi kōte duel

يصعد السلالم ممسكا بيده الحاجز

Waxa u sare u fuulaa jaranjarada/salaanka isaga oo xejisanaya gacan-qabsadka jaranjarada/salaanka

— Enjoys interacting with other children

La löcde ε teth ke ηari dhōli ti kōη

يتمتع بالتعامل مع الاطفال الآخرين

Waxa u ka helaa la ciyaarka ilmaha kale

— Attempts to repeat common phrases

La ja ηuεε I be riät in ce lar loc

يحاول إعادة الجمل العادية

Waxa u isku dayaa in u ku soo celiyo

weedha/tixa/hadalka badanaa u maqlo



— Pulls up pants

La bänthelōnde ε yuthe nhial

يخلع سرواله

Waxa u gashadaa surwaal

5 Years
Run 5
٥ سنوات
5 Sannadood

Skips smoothly
La rōde ε yure a goa

يترك ببساطة

Waxa u xadhig-ku-boodka u sameeya si fiican

Can stand on one foot for at least five seconds
La cuje ke ciök kel ke thekeni dhiec

يستطيع الوقوف على قدم واحدة على الأقل
مدة ٥ ثوان

Waxa u ku taagnaana karaa hal lug ugu yaraan
shan sekan



Can dress and undress, tie shoes, and comb hair mostly without help

La biäyni ke ε läthe kä be ke kam rar, la wari ke ε yiene, kä la nhiämke ε kote guäthni dial kä /ca bi luäk

يستطيع ان يلبس و يخلع ثيابه، يربط الحذاء، ويسرح شعره غالبا بدون مساعدة

Waxa u gashan karaa iskana saari karaa dharka, xidhan/xiran karaa kabaha, feedhan/feeran
karaa na badanaa gargaar la'aan

Can tell you what words mean, like hat, ball, lake or orange

La ji ε läre min lot riäte, ciet ke kume, kure, wuqi kie lemun

يستطيع ان يخبرك ما معنى الكلمات ، مثل قبعة، كرة، بحيرة او برتقالة

Waxa u kuu sheegi karaa waxa kalmadaha macnahoodu yahay sida, koofiyad, kubad, haro ama liin

Will ask "why" questions, and ask you what words mean

La thiee I “ε nu” kä la ji ε thiee ke min lot riäte

سوف يسأل "لماذا"، ويسألك ما معنى الكلمات

Waxa u odhan/oran karaa su'aalaha ay ku jirto “waayo” ama “maxaa keenay”, waxa kale oo u
ku waydiin karaa macnaha kalmadaha

Suggested play time ideas
Läri ke kui nyini nari
إقتراحات لإفكار وقت اللعب
Talooyin ku Saabsan Wakhtiyada Ciyaarta

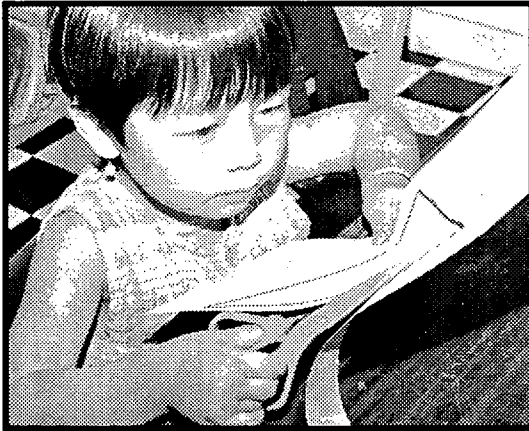
3 years Stringing Cheerios or Macaroni, matching jars and lids, reading books

Run 3 Thiriöthni ti ciew ciew kie makörön, cuuk mi pär kene kum, buokni kuenkä

يعلق بالخيطان الشيريو او المعكرونة، يطابق المرطبانات و الاغطية، الكتب

٣ سنوات

3 sannadood tixida firilayda/siriyaalka Jeeriyos ama Makarooni, meel wada dhigista weelka iyo daboolada is leh, buugaagta



3 - 5 years Cutting with safety scissors, simple puzzles, dressing and undressing (use large clothing with large buttons), reading books

Run 3 - Run 5 la ñak ε ñoke ke magäthe mi puɔl puɔl, la ñak ti thiak thiak ε läte, la biäyni ke ε läthe kä be ke kam rar (la biäyni ti bar bar ε läthe kene buttoni ti bar bar ε läth), buokni

يقص بمقصات آمنة، احجية بسيطة، يلبس و يخلع ثيابه (يستعمل ملايس واسعة بازرار كبيرة)، كتب

٣-٥ سنوات

3 - 5 sannadood ku goynta maqaska, isgalinta/habaynta naqshadaha fudud, gashashada iyo iska saarida dharka (isticmaal dhar nafis ah oo leh guluusyo/baldhano waawayn), buugaag

These activities will:

Ceη ti tinj bj ke:

هذه النشاطات سوف:

Hawlahani waxa ay:

- * Help child's eyes and hands work together
Gat luäk ke yöö bj wänke keñe tètke lät kel
تساعد عيني الطفل و يديه لتعمل سويا
Ka caawin doonaan ilmaha in indhaha iyo gacmuhu wada shaqeeyaan
- * Help child get ready for school
Gat luäk ke yöö be röde rialjka ke duel gorkä
تساعد الولد ليكون جاهزا للمدرسة
Ka caawin doonaan ilmaha in diyaar u noqdo dugsiga/isguulka
- * Help build strong hand muscles
Gat luäk ke yöö bj räi tētnjke buom
تساعد على نمو عضلات اليد الكبيرة
Ka caawin doonaan ilmaha in muruqyo gacan oo xoog leh u dhismaan
- * Help child learn to help him/herself
Gat luäk ke yöö be luäk in dere luäk röde ηac
تساعد الطفل على تعلم مساعدة نفسه-نفسها
Ka caawin doonaan ilmaha in u barto sidii u keligii wax u qabsan lahaa
- * Help child see differences
Gat luäk ke yöö be dāk ηoanij ηac
تساعد الطفل على تمييز الفروق
Ka caawin doonaan in ilmaha in u kala garto faraqa u dhexeeya waxyaabaha
- * Help child learn to pay attention and problem solve
Gat luäk ke yöö be liän kan kä be riekdē luän ke rialjka
تساعد الطفل على تعلم الإنتباه و حل المشاكل
Ka caawin doonaan ilmaha in u barto u firshada iyo xalinta dhibaatooyinka

Disciplining Pre-schoolers (3 - 5 years)

Ŋic in de ceŋ gaat ti tieni tin kån book kel ni tok (run 3 - run 5)

نظام الحضانة (٣ - ٥ سنوات)

Edinta Caruurta aan Da' Dugsi Gaadhin/Gaarin (3 - 5 years)



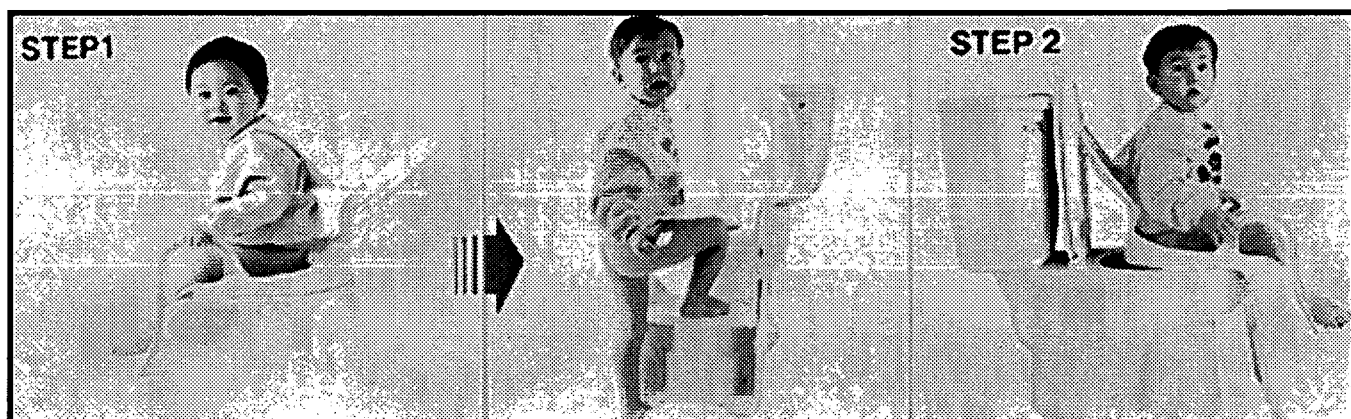
Preschoolers can be given clear simple rules and the consequences for breaking them. It is natural for preschoolers to think their needs come first. It is important for adults to react consistently to their child's inappropriate behavior. Discipline is an important part of parenting.

Gaat tin tieni tin kån duel gora ni tok ba ke dhil kam nuqt ti thiak thiak ka /ca ke bi nyuoth cian mi jiak ba mi ci ken nuqt tol. E cian mi ci kuoth gaat cak ke je ke yoo le ken e car ni yoo de ken kon jek ni min gor kene. E mi goa ka nei tin dit en yoo de ken gaat kien nyuoth cian mi goa. Ŋic e mi goa e lon ka dieth gaan.

تلميذ الحضانة ممكن إعطاؤه قوانين بسيطة واضحة و تحميله المسؤولية لعدم كسرها .
من الطبيعي لتلميذ الروضة ان يفكر ان حاجاته تأتي اولاً. من المهم للبالغين ان يتعاملوا بحزم
تجاه سلوك اولادهم غير اللائقة . القصاص جزء مهم من الامل .

Caruurta aan wali da'da dugsi gaadhin/gaarin waxa la siin karaa amaro/xeerar sahan oo cad iyo wixii ka iman kara jebintooda. Waa u caadi in ilmaha aan wali da' dugsi gaadhin/gaarin ay u maleeyaan in baahidoodu wax walba ka soo horayso. Waxa muhiim ah in jawaabta waalidku ay ilmaha uga celinayaan dhaqan aan haboonayn ama edebdarro ah ay noqoto jawaab aan isbedel lahayn ee joogto ah. Barida caruurta xukunka nafta iyo edebtu waa qayb muhiim ah oo ka mid ah waalidnimada.

Toilet Training
Ŋic Duel Coni (Tɔylet)
التدريب على استخدام الحمام
Tababarka Musqusha/Baytalmayga



It is important to wait until your child shows definite signs of readiness before you begin toilet training. A child is usually not yet physically and mentally mature until 2 1/2 to 4 years old. Trying to toilet train your child before he/she is ready will be frustrating for both of you.

Ɛ mi gɔa ɛ loŋ ɛn yöö /ci gatdu de ŋiäc ke jur tɔyletkä piny a mäni mi ci je ŋac I ce kuä guath ke yöö deri je ku ŋiäc. Gat guäth ni dial la ŋote thile je car mi com mi de ŋɔak tit amäni mi ce te ke run 2 1/2 a wä kä run 4. Y ɔne I bi gatdu ŋiäc ke jur piny tɔyletkä a kän guäth ni cop ke kuide ke yöö be cuä mi gɔa kä yiɛn daŋ rew.

من المهم الإنتظار حتى يظهر طفلك إشارات محددة لتأهيه قبل البدء بالتدريب على استخدام الحمام.الطفل عادة غيرمستعد عضليا و لاناوضج عقليا بعد من سن سنتين و نصف الى ٤ سنوات من العمر.محاولة التدريب على استخدام الحمام سوف يكون متعبا لكما.

Waxa muhiim ah in ka hor intaa aanad ku bilaabin ilmaha tababarka musqusha/baytalmayga ad sugtid inta ad ku arkaysid ilmahaaga calaamado sheegaya in u diyaar u yahay tababarka. Ilmuhu caadi ahaan wali jidh/jir ahaan iyo maskax ahaan ma bisla ilaa cimriga 2 _ ama ilaa 4 sannadood. Haddii ad isku daydid in ad tababartid ilmahaaga isaga oo aan diyaar u ahayn tababarka waxa ay arrintaasi u keeni doontaa labadiinaba xanaaq.

Signs of readiness:

Dup tin de ɲic ni jε:

دلائل الإستعداد:

Calaamadaha lagu garto u diyaarka tababarka:

- * Fewer and more regular bowel movements

Wä rar mī tɔt kie wä rar mī dīt

قليلًا او كثيرًا من التبرز العادي

Inta jeer ee ilmuhu saxaroodo oo sii yaraanaysa iyo saxarada oo qabanaysa wakhtiyo jooqto ah

- * Stays dry for 2 to 3 hours

La tē kötkä ke thaani 2 a wä kä thaani 3

يبقى جافًا من ساعتين إلى ٣ ساعات

Waxa aanuu isku kaajin 2 ilaa 3 saacadood

- * Makes facial expressions and sounds indicating they were urinating or having a bowel movement in diaper

La ɲɔak ε jɔc kä guɔp nɲiam kan gatkä kä be cu jɔc I gat ε mɔ ce moc ke wä conī mī dīt kie beɔ jīεc mī wä rar kä dayper thīn.

يقوم بتعابير وجه واصوات تدل على انه يبول او يتبرز في كفولته

Waxa u sameeya dhaqdhaqaaq waji iyo codad sheegaya in u kaajayay ama ku saxaroonayay dhaybarka/qoyaan celiyaha

- * Stops what they are doing to relieve him/herself (in diaper in private)

Käp nī ke cuɔɲ kä min lät keɲε (rei dayperkä kie rei kä mī dōdiεn)

يوقف ما يقوم بعمله ليريح نفسه - نفسها (في كفولته)

Waxa u joojiyaa waxa u samaynayay si marka u kaajayo ama saxaroonayo (dhaybarka/qoyaan celiyaha dhexdiisa keligii)

- * Lets you know he/she has relieved him/herself

Ŋäc nī jε ε goa εn yöö ce min läte päl

يدعك تعرف انه - انها يريح نفسه - نفسها

Waxa u kuu sheegi doonaa in u kaajay ama saxarooday

★ Expresses concern for cleanliness and orderliness

Ruac ni ke je ke duop mi goa mi cun ka ci riali ka

يعبر عن الإهتمام للنظافة والترتيب

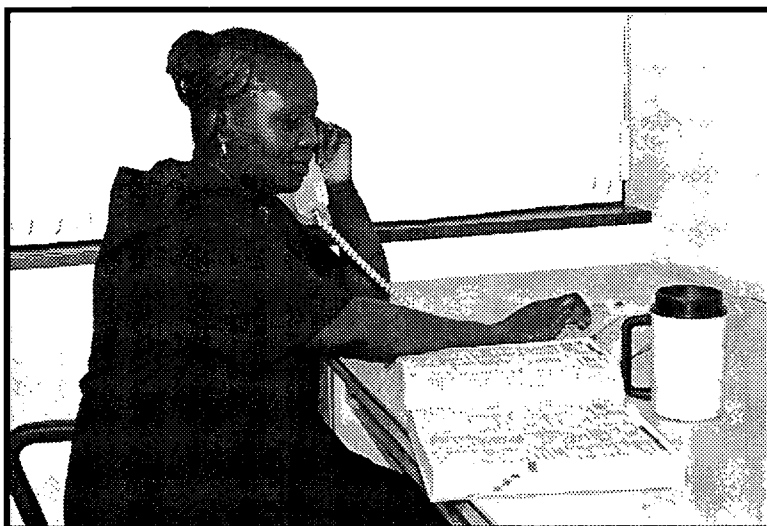
Waxa u muujiyaa jacayl u nadaafada iyo nidaamka u qabo

★ Copies you or other family members in bathroom

La min laati e gure kie min lat ke e ji cej tin kokien duel conj

يقلدك او يقلد اهل المنزل في الحمام

Waxa u ku daydaa adiga ama xubnaha kale ee qoyska ee ku jira musqusha/baytalmayga



If you need advise on toilet training consult your health care provider or contact your local health department for additional information.

Mi goori com ke njc ni toyletkä ruac ni ke ji duel walu kie col nei tin lat dueli wal tin kokienj ke yöö de ji lar min deri lat.

إذا احتجت نصيحة عن كيفية التدريب على استخدام الحمام إستشرالمركز الصحي التابع له او إتصل بقسم الصحة المحلي لمعلومات إضافية.

Haddii ad u baahan tahay la-talin ku saabsan tababarida musqusha/baytalmayga la tasho dhakhtarkaaga ama cisbitaalkaaga ama kala xidhiidh/xiriir waaxda caafimaadka ee degmadaada wixii war ah ee dheer-aad ah.



We hope that this information will help you to understand more about child growth and development. Remember your baby is an individual and will go through these stages of development at their own rate. If you have any concerns or questions regarding your baby's development, consult your health care provider.

Diw neye en yöö läri ti tini ba yie luäk I bia cian in pith ke dhöli nac. Nac ni je en yöö gatdu e jen ka roade ka be wa rei noni dial ti tini ka roade ke cian in peth ke je e dieth ke. Mi te ke mi deri mat thin kie mi ti ke thiec ke kuj ciena piath gan, ruac ni ke ji duel walu.

نأمل ان هذه المعلومات سوف تساعدك اكثر على فهم نمو الطفل و تطوره. تذكر ان طفلك هو فرد و سوف يمر خلال هذه المراحل للنمو طبقا لمقدرته الخاصه. اذا كان لديك اي اهتمام او اسئلة بخصوص نمو الطفل ، استشر قسم الصحة التابع له.

Waxa annu rajaynayaa in warkani kaa caawin doono sidii ad u sii fahmi lahayd koritaanka iyo horumarka ilmaha. Xusuusnow in ilmahaagu yahay qof gaar ah talaabadiisa na u uga gudbi doono marxaladan ama heerkan koritaankiisa ka mid ah. Haddii ad qabtid su'aalo ama walwal ku saabsan koritaanka ilmahaaga, la xidhiidh/xiriir dhakhtarkaaga ama cisbitaalkaaga.

**Developed in Partnership
With
Allina Health System
and
Multi-Cultural Educational Services**

**Funded By
Minnesota Department of Children,
Families and Learning**

Multi-Cultural Educational Services

832 104th Lane NW

Coon Rapids, MN 55433

(763) 767-7786

GROWTH AND DEVELOPMENT

RAST I RAZVOJ

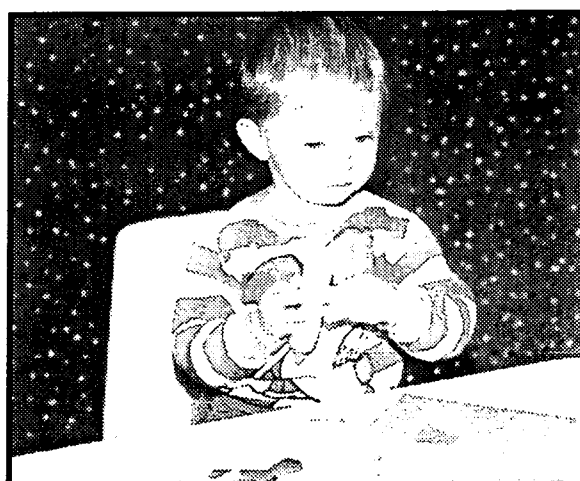
Bosnian

РОСТ И РАЗВИТИЕ

Russian

CRECIMIENTO Y DESARROLLO

Spanish



By Anoka County Community
Health and Environmental Services

GROWTH AND DEVELOPMENT

was funded by a
Building Culturally Competent Programs Grant
from the Minnesota Department of Children, Families, and Learning

written by
Anoka County Community Health and Environmental Services

and
developed in partnership with
Allina Health System
and
Multi-Cultural Educational Services

1998

We wish to acknowledge the following for their contributions to this effort

Translated by
Tanya Benic
Shifra Kilov
Lina Mraz

Photography by Claire Mckinley

Babies go through various stages of development. Not all children do the same things at the same ages. Learning takes place during all daily activities such as playtime, mealtime, bathing, dressing, and quiet time. Children need a variety of experiences. Children need adults that will listen and answer questions.

Bebe prolaze kroz razne stadije razvoja. Sva djeca ne ponašaju se na isti način u istom dobu. Bebe uče kroz svakodnevne aktivnosti kao što su igra, obroci, kupanje, oblačenje, i odmor. Djeci su potrebna različita iskustva. Djeci su potrebne odrasle osobe da ih slušaju i odgovaraju na pitanja.

Дети в своем развитии проходят разные стадии. Не все дети одного и того же возраста ведут себя одинаково. Процесс познания происходит ежедневно, что бы ребенок ни делал, во время игры, при кормлении, при купании, одевании и во время отдыха. Детям необходимы разные впечатления. Детям также необходимо общество взрослых, которые будут их слушать и отвечать на их вопросы.

Los bebés pasan por varias etapas de desarrollo. No todos los niños lo hacen a la misma edad. Ellos aprenden en todas las actividades diarias como son: el juego, durante las comidas, el baño, el vestirse y el tiempo de descanso. Los niños necesitan una variedad de experiencias. Especialmente que los adultos les escuchen y respondan sus preguntas.

“Different cultures have different child rearing practices which influence the course of their children's development”. There are strengths in every culture. Children learn to adapt to the demands of their culture.

Različite kulture imaju različite pristupe podizanju djeteta što utiče na njihov razvoj. Svaka kultura ima svoje jake strane. Djeca nauče da se prilagode zahtjevima svoje kulture.

Различные культуры характеризуются различными традициями воспитания детей, что отражается на их последующем развитии. У каждой культуры есть свои достоинства. В детях развивается способность приспосабливаться к требованиям своей культуры.

Diferentes culturas tienen diferentes prácticas de como criar a los niños, lo cual influye en el proceso de su desarrollo. Existen diferentes reforzamientos en cada cultura y los niños aprenden a adaptarse a las exigencias de esta.

This book will describe what to expect from ages birth to five years. Suggestions for discipline and play time activities will be given that will increase learning.

U ovoj knjizi opisano je šta treba očekivati od rođenja do pete godine života. Dade su sugestije za disciplinske mjere i igre koje će doprinijeti procesu učenja.

В этой брошюре дано описание того, каким может быть поведение ребенка от момента его рождения до пяти лет. Даются рекомендации, относящиеся к тому, как приучать ребенка к дисциплине, а также к организации игр, которые стимулируют процесс познания.

Este libro describirá lo que se debe esperar desde el nacimiento hasta los 5 años de edad. Se darán sugerencias sobre disciplina y actividades para el período de juego, lo cual incrementará el aprendizaje.

TALKING AND LISTENING
PRIČANJE I SLUŠANJE
КАК ГОВОРИТЬ С РЕБЕНКОМ И КАК ЕГО СЛУШАТЬ
EL HABLAR Y EL ESCUCHAR

How and how often parents and caregivers communicate with a baby, especially during the first year, can have a very strong impact on his/her brain development for the rest of his/her life.

Kako i koliko često roditelji i druge osobe koje se brinu za dijete komuniciraju sa bebom, naročito u prvoj godini života, od izuzetnog je značaja za razvoj mozga bebe do kraja njenog života.

Манера разговора с ребенком и то, насколько часто родители и другие лица, принимающие участие в уходе за ребенком, говорят с ним, особенно в течение первого года жизни, может очень значительно повлиять на развитие мозга и на всю его последующую жизнь.

La forma como y que tan frecuente los padres y las niñeras se comunican con el bebé, especialmente durante el primer año de vida, puede tener un gran efecto sobre el desarrollo del cerebro del niño por el resto de su vida.

Suggestions
Sugestije
Рекомендации
Sugerencias

- ★ Talk to your baby
Pričajte sa svojom bebom
Говорите с ребенком
Háblele a su bebé

- ★ Read to your baby
Čitajte svojoj bebi
Читайте ребенку книги
Léale a su bebé

- ★ Hold your baby
Držite svoju bebū
Берите ребенка на руки
Cargue a su bebé



- ★ Use an encouraging tone, be responsive, show interest, smile
Koristite ohrabrujući ton, reagujte, pokažite interes, nasmiješite se
Говорите с ребенком одобрительным тоном, улыбаясь, реагируйте на ситуацию,
проявляйте интерес к происходящему
Utilice un tono de voz animado o alentador, respóndale, muestre interés, sonríale
- ★ Point to and name objects, body parts, sizes, colors, numbers, times
Pokažite i imenujte predmete, dijelove tijela, veličine, boje, brojeve, vrijeme
Показывайте ребенку разные предметы и части тела, одновременно называя их,
учите ребенка различать цвета, размеры, цифры, а также время суток
Señale y nombre objetos, partes del cuerpo, diferentes tamaños, colores, números y
palabras que indican tiempo como día, noche etc.
- ★ Demonstrate action words, feelings
Demonstrirajte glagole akcije, osjećanja
Демонстрируйте ребенку значение действий и чувств
Demuestre sentimientos y palabras que indican acción

- ★ Listen to your child, try to understand his/her words
 Slušajte svoje dijete, pokušajte da razumijete šta govori
 Слушайте, как говорит ваш ребенок, постарайтесь его понять
 Escuche a su hijo, intente entender sus palabras

- ★ Point out new things
 Pokažite nove stvari
 Показывайте ему новые предметы
 Señálele nuevos objetos o cosas

- ★ Ask your child to look for things
 Recite svom djetetu da potraži stvari
 Просите ребенка найти тот или иной предмет
 Pídale a su hijo que busque objetos o cosas

- ★ Offer positive feedback, praise your baby
 Budite pozitivni, pohvalite svoju bebu
 Относитесь к действиям ребенка доброжелательно, хвалите его
 Respóndale positivamente, elogie a su bebé

For many immigrant and refugee families, English is not their primary language. Parents may be learning a new language at the same time as their children. It is harder for adults to acquire a new language so be patient!

Mnogim imigrantima i izbjeglicama engleski nije maternji jezik. Može se desiti da roditelji uče novi jezik u isto vrijeme kad i njihova djeca. Odraslim osobama teže je da nauče novi jezik, stoga budite strpljivi!

Для семей многих иммигрантов и политических беженцев английский язык не является родным. Родителям приходится учиться новому языку одновременно с детьми. Взрослым труднее освоить новый язык, поэтому следует набраться терпения.

Para muchas familias de inmigrantes y refugiados, el Inglés no es su lengua materna. Los padres posiblemente están aprendiendo una nueva lengua al mismo tiempo que sus hijos. Los adultos tienen más dificultad para aprender una nueva lengua, por lo que deben tener paciencia.

Although it is important to learn English as a second language, primary languages are an important part of all cultures. Immigrant and refugee communities should continue speaking their primary language and encourage and teach the importance of this to their children. Some communities are offering summer camps or community classes that teach native language and cultural practices. Primary language can help children to feel connected to their culture, traditions and heritage, and build pride and confidence.

Iako je važno naučiti engleski kao sekundarni jezik, primarni jezici predstavljaju važan dio kulture. Imigrantske i izbjegličke zajednice trebalo bi da nastave da govore svoj maternji jezik i ohrabruju i ističu njegovu važnost svojoj djeci. Neke zajednice organizuju ljetnje kampove ili časove na kojim se uče maternji jezici i kulturno nasljedje. Primarni jezik može pomoći da se djeca osjećaju dijelom svoje kulture, tradicije i nasljedja, i da postanu ponosni i samopouzdana.

Несмотря на то, что освоение английского языка является очень важным, родной язык является главным элементом всех культур. В общинах иммигрантов и беженцев следует продолжать говорить на родном языке, а также поощрять это в детях и учить их пониманию того, как важно знать свой родной язык. Некоторые общины организуют летние лагеря для детей или организуют занятия по изучению родного языка и ознакомлению с традициями их культуры. Родной язык может помочь детям чувствовать себя причастными к своей культуре, традициям, наследию и развить в них чувство гордости и уверенности в себе.

Aunque es importante aprender Inglés como segunda lengua, la lengua materna es parte importante de toda cultura. Las comunidades de inmigrantes y refugiados deberán continuar hablando su lengua y estimular y enseñar la importancia de ésta a sus hijos. Algunas comunidades están ofreciendo campamentos de verano o clases comunitarias donde enseñan la lengua materna y costumbres de esa cultura. La lengua materna puede ayudar a los niños a sentirse conectados a su cultura, tradiciones, herencia y les da orgullo y confianza.

DISCIPLINE
DISCIPLINA
Дисциплина
DISCIPLINA

The purpose of disciplining young children is to help them learn how to behave. Discipline is setting limits and teaching respect for people, animals and property. Discipline is a gradual process. Children learn a great deal by watching how you behave.

Cilj disciplinskih mjera kod male djece sastoji se u tome da im se pomogne da nauče kako da se ponašaju. Disciplina predstavlja postavljanje granica i učenje djece kako da se sa poštovanjem odnose prema ljudima, životinjama i stvarima. Disciplina je postepen proces. Djeca velikim dijelom uče kroz posmatranje.

Целью приучения ребенка к дисциплине является обучение нормам поведения. Дисциплина устанавливает ограничения в жизни ребенка, учит уважать людей, любить животных и бережно обращаться с собственностью. Приучение к дисциплине происходит постепенно. Дети многому могут научиться, наблюдая за вашим поведением.

El propósito de disciplinar a un niño pequeño es ayudarlo a aprender como comportarse. Disciplina es poner límites y enseñar a respetar las personas, los animales y la propiedad. Disciplina es un proceso gradual. Los niños aprenden muchísimo observando como usted se comporta.

Discipline should be fair, firm, patient, consistent, and age appropriate. It is good to set positive limits (tell what to do rather than what not to do). Use honest praise. Avoid shaming and sarcasm. Spanking is not recommended as a way to discipline. It can be dangerous when an angry parent hits a child. There is evidence that spanking teaches a child that hitting or violence is the way to deal with frustrating experiences.

Kod disciplinskih mjera treba voditi računa o tome da su one poštene, stroge, da odišu strpljenjem, da su postojane i da odgovaraju dobi djeteta. Dobro je postaviti pozitivne granice (reći djetetu šta smije uraditi, a ne šta ne smije). Nastojte da dijete iskreno pohvalite. Nastojte da ne posramite dijete ili koristite sarkazam. Ne preporučuje se da tučete svoje dijete. Može biti veoma opasno kad razjareni roditelj udari dijete. Činjenice pokazuju da dijete koje se tuče nauči da se udaranjem ili upotrebom sile mogu riješiti frustrirajuća problemi.

Приучение к дисциплине должно проводиться честно, терпеливо, без отступлений и в соответствии с возрастом ребенка. Хорошее влияние на ребенка оказывают "положительные ограничения" (вместо того, чтобы говорить ему, чего нельзя делать, скажите ему, что можно делать). Когда он заслуживает, всегда хвалите его. При общении с ребенком избегайте фальши и насмешек. Для приучения к дисциплине не рекомендуется пороть ребенка. Тот факт, что разозлившийся родитель ударил ребенка, может иметь опасные последствия. Имеются доказательства того, что битье учит ребенка тому, что в ситуации, вызывающей раздражение, следует бить или применять насилие.

La disciplina deberá ser justa, firme, paciente, consistente y apropiada para cada edad. Es bueno poner límites positivos (decir que hacer en vez de que no deben hacer). Use elogios sinceros. Evite el sarcasmo y avergonzar al niño. No es recomendable como forma de disciplina usar la fuerza física o pegarle a los niños. Esto puede ser peligroso cuando un padre enojado o enfadado le pega a su hijo. Hay evidencia de que la fuerza física o el pegarles a los niños les enseña que pegar o que la violencia es una forma para tratar a los demás cuando se siente frustrado.

BABIES (INFANT 18 MONTHS)

BEBE (BEBA 18 MJESECI)

Дети младенческого возраста (до полутора лет)

BEBES (INFANTES - 18 MESES)

Your child should be able to do most things other children of the same age are doing. This may not be true if your child was born early, with a low birth weight, or has special needs. If you have questions or concerns regarding your baby's development, consult your health care provider.

Vaše dijete trebalo bi da je u stanju da uradi većinu stvari kao druga djeca njegove dobi. Ovo ne mora biti slučaj ako je dijete rođeno prije vremena, imalo malu tjelesnu težinu, ili imalo neke druge posebne potrebe. Ukoliko imate pitanja ili ste zabrinuti za razvoj svoje bebe, konsultujte medicinsko lice.

Ваш ребенок должен уметь делать многое из того, что могут делать другие дети в его возрасте. Это может не произойти, если ребенок родился недоношенным, с низким весом или с другими проблемами. Если у вас есть вопросы, связанные с развитием вашего ребенка, то вы должны обратиться к врачу или другому медицинскому работнику.

Su hijo deberá ser capaz de hacer la mayoría de las cosas que otros niños de su misma edad hacen. Esto quizás no sea así si su hijo nació prematuro o nació antes de tiempo, si nació con bajo peso, o tiene necesidades especiales. Si usted tiene alguna pregunta o preocupación acerca del desarrollo de su bebé, consulte con su proveedor del servicio de salud.

The following is a list of what to expect children to do between birth and 18 months.

Slijedi lista radnji koje treba očekivati od djece u periodu od njihovog rođenja do 18 mjeseci.

Ниже приводится список того, что можно ожидать от ребенка с момента рождения до полутора лет.

La siguiente es una lista de lo que se espera que hagan los niños desde su nacimiento hasta los 18 meses.

Newborn
Novorodjenče
Новорожденный ребенок
Recién Nacido



- Keeps arms and legs curled close to the body with hands clenched most of the time
Ruke i noge drži savijene uz tijelo, šake su skoro stalno skupljene
Держит ноги и руки близко от туловища в согнутом положении; большую часть времени пальцы сжаты в кулак
La mayoría del tiempo mantiene los brazos y las piernas recogidas cerca de su cuerpo, con manos empuñadas.
- Grasps a finger or object for a short time
Hvata prst ili predmet nakratko
На короткое время может зажать в кулаке палец или предмет
Sostiene o agarra un dedo o un objeto por algunos momentos
- Crying is the way a newborn talks to you
Plač je način na koji novorodjenče komunicira s vama
Когда новорожденный ребенок плачет, он говорит с вами
Un recién nacido se comunica o habla con usted por medio del llanto

3 Months
3 mjeseca
Трехмесячный ребенок
3 Meses

— Responds to loud sounds
Reaguje na glasne zvuke
Реагирует на громкие звуки
Responde a sonidos fuertes

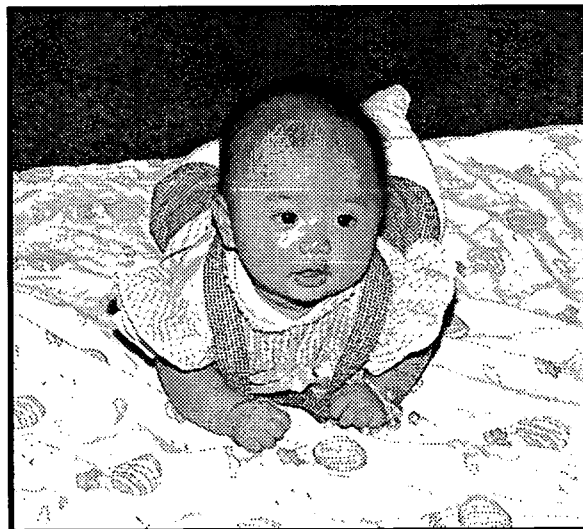
— Smiles
Smiješi se
Улыбается
Sonríe

— Wiggles and kicks with legs and arms
Meškolji se i baca noge i ruke
Шевелит и толкается ногами и руками
Se mueve y hace movimientos ágiles (patalea) con los pies y brazos

— Lifts head and chest while lying on stomach
Diže glavu i prednji dio tijela dok leži na stomaku
Поднимает голову и грудь, лежа на животе
Levanta la cabeza y el tórax mientras se apoya en el estomago

— Moves eyes in the same direction together
Pokreće oči u istom pravcu zajedno
Поворачивает одновременно оба глаза в одном направлении
Mueve ambos ojos en la misma dirección o sea que sigue un objeto con la vista de un lado a otro

— Makes cooing sounds
Guguče
Воркует
Emite sonidos guturales que semejan arrullos



6 Months
6 mjeseci
Шестимесячный ребенок
6 Meses

— Responds to familiar faces
Reaguje na poznata lica
Реагирует на знакомое лицо
Responde a caras conocidas

— Vocalizes a variety of sounds
Oglašava se raznim zvucima
Издает различные звуки
Vocaliza una variedad de sonidos

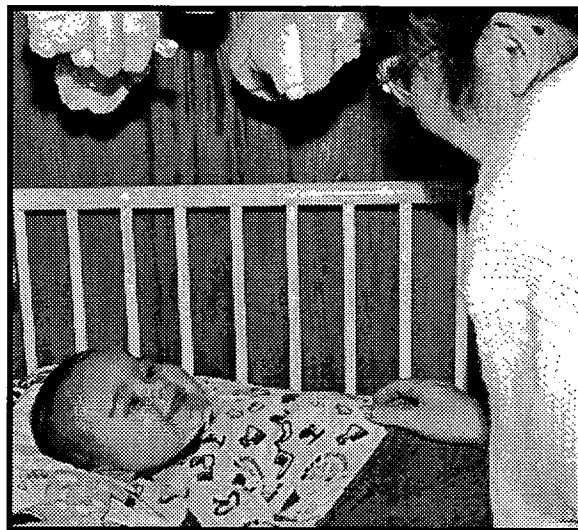
— Turns towards source of sound
Okreće se ka izvoru zvuka
Поворачивается в сторону, откуда доносится звук
Gira hacia la fuente del sonido

— Rolls from stomach to back
Prevrće se sa stomaka na ledja
Переворачивается с живота на спину
Estando boca abajo o de estómago es capaz de darse la vuelta y quedar de espaldas

— Follows moving objects with eyes
Očima prati pokretne predmete
Следит глазами за движущимися предметами
Sigue con sus ojos objetos en movimiento

— Reaches for dangling objects
Nastoji da dohvati predmete koji se klate
Достает подвешанные предметы
Extiende la mano hacia objetos que cuelgan o se mueven

— Bangs or shakes rattle
Udara ili trese zvečku
Стучит или трясет погремушкой
Golpea o sacude un sonajero



9 Months
9 mjeseci
Девятимесячный ребенок
9 Meses

—— Babbles
Grguće
Лепечет
Balbucea

—— Reaches for objects and picks them up
Nastoji da dohvati predmete i
podigne ih
Тянется к предметам и берет их в руки
Alcanza objetos

—— Transfers objects from one hand to other
Premiješta predmete iz jedne u drugu ruku
Переносит предметы из одной руки в другую
Transfiere o pasa objetos de una mano a la otra

—— Plays peek-a-boo and pat-a-cake
Igra se skrivalice
Играет в "ладушки" и в "позови-спрячься"
Juega con las manos, juntándolas mientras se le canta una canción como (tortitas de manteca o tortillas de maíz) y a las escondidas (se puede jugar a las escondidas con un bebé menor, simplemente tapándose la cara o los ojos)

—— Plays with toes
Igra se sa nožnim prstima
Играет со своими пальцами на
ногах
Juega con los dedos de los pies

—— Sits without help
Diže se u sjedeći položaj bez tudje
pomoći
Самостоятельно сидит
Se sienta sin ayuda



—— Crawls on tummy
Puzi na stomaku
Ползает на животе
Se arrastra sobre el estómago

—— Takes pureed food without difficulty
Jede hranu u vidu pirea bez poteškoća
Ест без затруднений еду в виде пюре
Come comidas en puré sin dificultad

12 Months
12 mjeseci
Годовальный ребенок
12 Meses

— Crawls on hands and knees
Puzi na rukama i koljenima
Ползает на четвереньках
Gatea con las manos y las rodillas

— Pulls to a standing position
Diže se u stajaći položaj
Подтягивается и встает на ноги
Se levanta para ponerse de pie

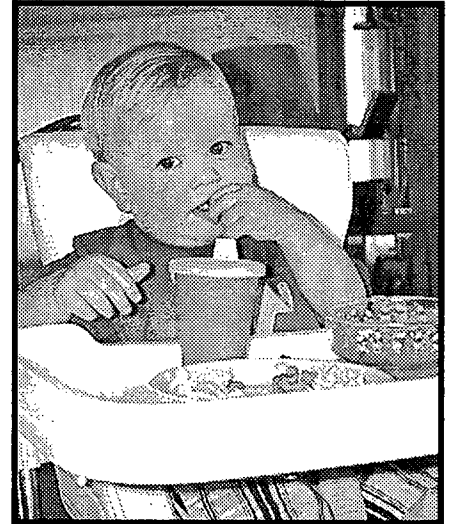
— Drinks from a covered cup
Pije iz zatvorene čaše
Пьет из специальной детской чашки (с крышкой)
Bebe con taza tapada (que tienen orificios para que salga el líquido)



— Puts objects into containers
Stavlja predmete u posude
Кладет предметы в контейнер
Coloca o introduce objetos dentro de un recipiente

— Stacks two blocks
Stavlja jedan blok na drugi
Ставит друг на друга два кубика
Construye una torre de dos bloques

— Feeds self finger food
Samo se hrani sitnom hranom
Сам берет руками и кладет в рот нарезанную на кусочки пищу
Puede comer por si mismo comida cortada en pequeños pedazos



— Waves bye-bye
Maše u znak pozdrava
При прощании машет рукой
Dice adiós con la mano

Infancy (birth through 18 months) is a period of fast growth and rapid development. Infants nearly triple in weight, learn to walk, gain skills in feeding themselves, and develop early language skills during this time.

Period od rođenja do 18 mjeseci predstavlja period brzog rasta i razvoja. U ovom periodu bebe skoro utrostruče svoju težinu, nauče da hodaju, da se same hrane, i steknu rane govorne vještine.

Младенческий период (от рождения до полутора лет) характеризуется быстрым ростом и развитием ребенка. За это время вес детей почти утраивается, они учатся ходить, могут сами класть пищу в рот и начинают говорить.

La infancia (desde el nacimiento hasta los 18 meses) es un periodo de crecimiento y desarrollo rápido. En este período casi triplican su peso, aprenden a caminar, aprenden a comer por si mismos, y desarrollan habilidades tempranas de lenguaje.

By responding sooner to your baby's needs, he will develop a better sense of trust. It is good to hold and cuddle your baby. Babies need attention from their parents. This helps build positive self esteem (feeling lovable, capable, and accepted).

Jako je važno reagovati na bebine zahtjeve što ranije tako da se kod bebe razvije osjećaj povjerenja. Dobro je držati i maziti bebu. Bebama je potrebna pažnja roditelja. Tako se stiče pozitivno samopoštovanje (osjećaj da ste voljeni, sposobni, i prihvaćeni).



Чем быстрее вы реагируете на то, что нужно ребенку, тем лучше: у него развивается чувство доверия. Очень полезно подержать ребенка на руках, прижимая его к себе. Детям необходимо внимание родителей. Это помогает развитию в них положительной уверенности в себе (он чувствует себя любимым, способным и желанным).

Entre más pronto usted responda a las necesidades de su bebé mucho mejor, así ellos desarrollarán un mejor sentido de confianza. Es bueno alzar y abrazar a su bebé. Los bebés necesitan atención de parte de sus padres. Esto ayuda a que el niño se forme una buena imagen de sí mismo (sentirse amado, capaz y aceptado).



Some behaviors at this developmental level can be very frustrating for parents but are perfectly normal. It is normal for babies to cry but it can be hard to listen to. Newborns cry an average of 2 1/2 hours per day. Babies cry when they are hungry, tired, wet, too hot or cold, if their tummy hurts, or when they want to be held.

Izvjesno ponašanje na ovom nivou razvoja može biti izvor mnogih frustracija za roditelje, ali je savršeno normalno. Normalno je da bebe plaču iako je to neprijatno slušati. Novorodjenčad plaču u prosjeku 2 1/2 sata dnevno. Bebe plaču kad su gladne, umorne, mokre, kad im je vruće ili hladno, kad ih boli stomak, ili kad žele da ih neko drži.

Иногда поведение детей в этом возрасте может приводить родителей в отчаяние, но это все нормально. Совершенно нормально для детей плакать, хотя это очень трудно выносить. Новорожденные дети в среднем плачут два с половиной часа в день. Дети плачут, когда они хотят есть, когда они устали, когда они мокрые, когда им холодно или жарко, когда у них болит живот или когда им хочется, чтобы их взяли на руки.

Algunos comportamientos a este nivel del desarrollo puede ser frustrante para los padres, pero son perfectamente normales. Es normal que los bebés lloren pero también puede ser difícil escucharlos. Los recién nacidos lloran un promedio de dos horas y media por día. Los bebés lloran cuando tienen hambre, están cansados, mojados, con mucho calor o frío, si les duele el estomago o cuando desean que se les cargue.



Older infants are good at making messes (example: at meal time). Feeding themselves can be messy but it is an important part of development. Older infants (12 - 18 months) will begin to express anger and frustration. They are more mobile at this age and often do not respond to parents commands. It is important to provide a safe environment and proper supervision for your child.

Starije bebe znaju kako da naprave nered (na primjer: za vrijeme obroka). Kada se same hrane, obicno naprave nered, ali je to važan dio njihovog razvoja. Starije bebe (12 - 18 mjeseci) počinju da ispoljavaju bijes i frustraciju. U ovoj dobi mnogo su pokretnija i često ne reaguju na ono što im roditelji govore. Veoma je važno da se djeca nalaze u sigurnom okruženju i da ih neko nadzire.

Подрастающий ребенок очень быстро наводит беспорядок (например, во время еды). Самостоятельная еда часто сопровождается разведением грязи, но это совершенно необходимо для развития ребенка. Дети постарше (в возрасте 12 — 18 месяцев) начинают сердиться и проявлять раздражение. В этом возрасте они гораздо более подвижны и не всегда реагируют на приказы родителей. В это время очень важно присматривать за ними и обеспечить им безопасную среду.

Los niños mayores son buenos en hacer desorden (ejemplo a la hora de cenar). Cuando comen por si mismos puede hacer desorden, pero esto es parte importante de su desarrollo. Los niños mayores (12 - 18 meses) empezarán a mostrar enojo y frustración. Ellos se mueven mucho más a esta edad y frecuentemente no responden a las órdenes de sus padres. Es importante proporcionarle a su hijo un ambiente seguro y con supervisión apropiada.

Suggested Play Time Ideas
Ideje za vrijeme za igru
Как играть с детьми
Ideas sugeridas para el período de juego

1 - 2 Months	crib mobile, ring or dumbbell-shaped rattles, music, read books, babies like to look at their parents faces
1 - 2 mjeseca	pokretne zvečke u obliku prstena ili zvona na kolijevci, muzika, čitanje knjige, bebe vole da gledaju u lica svojih roditelja
В 1 — 2 месяца	колокольчики, погремушки, музыка, покачивание колыбели, чтение книг; дети любят смотреть на лица родителей.
1 - 2 Meses	Móviles en la cuna, cascabeles, música, leerle libros, a los bebés les gusta mirar la cara de sus padres.

3 Months	rattles, cuddly toys, bouncing bright colored balls, activity centers and play gyms, read books
3 mjeseca	zvečke, plišane igračke, svijetlo obojene loptice-skočice, centri aktivnosti, čitanje knjige
В 3 месяца	погремушки, мягкие набивные игрушки, яркие подпрыгивающие мячики, игрушки, стимулирующие активность ребенка, игрушечные гимнастические снаряды, чтение книг.
3 Meses	Sonajeros, muñecos de peluche, pelotas con colores brillantes, centros de actividad, leerle libros

6 Months	soft washable animals and toys, cloth or heavy cardboard books, toys that make sounds, floating bath toys, soft rubber squeeze toys
6 mjeseci	mekane životinje i igračke koje se mogu prati, knjige od materijala ili tvrdog kartona, igračke koje ispuštaju zvuk, igračke za kadu koje plutaju, mekane gumene igračke koje se stišću

В 6 месяцев мягкие набивные игрушки, которые можно мыть; книги, напечатанные на картоне или ткани; издающие звуки игрушки, игрушки, которые плавают в ванне; мягкие резиновые игрушки

6 Meses Animales de peluche y juguetes suaves y lavables, libros con páginas de cartón grueso o de tela, juguetes que produzcan sonido, juguetes de plástico suave para apretar y otros que puedan flotar para ser usados a la hora del baño.

9 Months play interactive games with child such as Peek-a Boo, Pat-a-Cake, nonbreakable dishes, pots and pans, read books

9 mjeseci igrajte interaktivne igre sa djetetom kao što su igra skrivalice, taši-tašitanana, nelomivo posudje, knjige

В 9 месяцев играйте с ребенком в игры (в "ладушки" и в "позови-спрячься"), разрешайте ему играть с небьющейся посудой, кастрюлями и сковородками, читайте книги

9 Meses Enséñele juegos en los que participe tanto usted como el niño, como son: A las escondidas (tápese la cara o esconda un juguete unos segundos y luego descubra o reaparezca el juguete llamando al bebé para que los encuentre con la mirada), Tortitas de manteca o tortillas de maíz (júntele las manos para que aplauda mientras le canta una canción), utensilios que no se rompan, ollas, cacerolas o cazuelas, leerle libros

12 Months toy telephone, nesting bowls or tumblers, easy puzzles, low rocking horse, point to and name body parts with your child, read books

12 mjeseci telefon igračka, set posudica ili čaša raznih veličina, lagane slagalice, niski konjić za jahanje, pokaži i imenuj dio dijela, čitanje knjige

В 12 месяцев игрушечный телефон, складные миски или стаканы, легкие загадки, низкая лошадь-качалка, указывайте ребенку на части тела и называйте их, читайте книги

12 Meses Teléfono de juguete, tazas o envases de plástico, rompecabezas fáciles, caballitos mecedores de tamaño apropiado para la edad, señale y nombre las partes del cuerpo con su hijo, leale libros

Disciplining Babies (Infant 18 Months)
Disciplinske mjere kod beba (od rođenja do 18 mjeseci)
Приучение детей (до полутора лет) к дисциплине
Disciplina para bebés (Infantes - 18 meses)

During baby's first year every interaction you have with him/her is a chance to show respect and encourage cooperation. Babies are explorers. They do not understand rules. Babies do not understand time-out, saying no, or spanking. **Never shake your baby.** It could seriously hurt or even kill your baby.

U prvoj godini života svaki kontakt sa bebom prilika je da se pokaže poštovanje i ohrabri saradnja. Bebe su istraživači. One ne razumiju pravila. Bebe ne razumiju kad im se kaže dosta, ne, ili kad se tuku. Nikad nemojte drmati bebu. Može doći do ozbiljnih povreda ili čak i do smrti bebe.

В течение первого года жизни ребенка у вас всегда есть возможность выразить свое уважение к нему и поощрять сотрудничество. Дети являются исследователями по натуре. Они не понимают правил. Дети не понимают, когда им говорят "нельзя", когда им говорят "хватит" или когда их шлепают. **Никогда не трясите ребенка.** Это может привести к серьезному ранению или даже к смерти.

Cada interacción que usted tenga con su bebé durante el primer año de vida es una oportunidad para mostrarle respeto y fomentar la cooperación. Los bebés son exploradores. Ellos no entienden las reglas ni entienden castigos como ponerlos en un rincón por un periodo de tiempo "time-out", ni cuando se les dice "NO" o se les pega. **Nunca sacuda a su bebé,** esto podría causarle serios daños o incluso provocarle la muerte.

TODDLERS (18 MONTHS - 3 YEARS)
MALA DJECA (18 MJESeci - TRI GODINE)
Начинающие ходить дети (от полутора до трех лет)
NIÑOS QUE EMPIEZAN A CAMINAR (18 MESES - 3 AÑOS)

The following is a list of what to expect children to do between 18 months and 3 years.

Slijedi lista radnji koje treba očekivati od djece u periodu od 18 mjeseci do 3 godine.

Ниже приводится список того, что можно ожидать от ребенка в возрасте от полутора до трех лет.

La siguiente es una lista de lo que se debe esperar que los niños hagan entre los 18 meses y 3 años.

18 Months

18 mjeseci

Полуторогодовалый ребенок

18 Meses

- Likes to pull, push, and dump things
Voli da vuče, gura i baca stvari
Любит тащить, толкать и бросать предметы
Les gusta tirar, empujar y botar cosas

- Follows simple directions ("Bring the ball")
Slijedi jednostavna uputstva ("Donesi loptu")
Выполняет простые команды ("Принеси мяч")
Siguen direcciones simples ("tráeme la pelota")

- Helps to get dressed and undressed
Učestvuje u oblačenju i skidanju
Помогает при одевании и раздевании
Ayudan a vestirse y a desvestirse

- Likes to look at pictures
Voli da gleda slike
Любит рассматривать картинки
Les gusta mirar fotografías o pinturas

- Uses 8 - 10 words
Koristi 8 - 10 riječi
Использует 8—10 слов
Dicen de 8 a 10 palabras



- Walks without help
 Hoda bez ičije pomoći
 Ходит без посторонней помощи
 Caminan sin ayuda

- Climbs stairs on all fours
 Penje se uz stepenice na sve četiri
 На четвереньках поднимается по лестнице
 Suben escaleras usando los brazos y los pies al mismo tiempo

- Steps off low objects and keeps balance
 Može da sidje sa niskih predmeta i održi ravnotežu
 Переступает через низкие препятствия и держит равновесие
 Pueden bajarse de objetos bajos y mantener el equilibrio

- Feeds self with spoon
 Samo se hrani kašikom
 Сам ест ложкой
 Comen por si mismos con la cuchara

- * See “Toilet Training” later in this book
 Vidi “Navikavanje na nošu”
 Приучение к пользованию туалетом (см. ниже)
 Ver “Proceso para aprender a usar el inodoro” más adelante en este libro

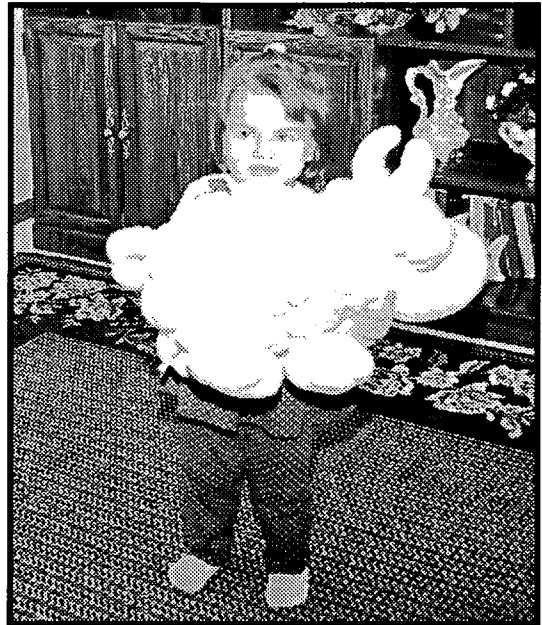
2 Years
2 godine
Ребенок в два года
2 Años

- Uses two-word phrases
 Koristi fraze koje se sastoje od dvije riječi
 Говорит предложениями из двух слов
 Dicen frases de dos palabras

— Says names of toys or objects
Izgovara imena igračkaka ili predmeta
Называет игрушки или предметы
Dicen nombres de juguetes u objetos

— Points to familiar objects
Pokazuje poznate predmete
Показывает знакомые предметы
Señalan objetos conocidos

— Copies household activities
Imitira kućne aktivnosti
Подражает действиям взрослых в доме
Imitan las actividades que ven en el hogar



— Carries a large object while walking
Nosí veliki predmet dok hoda
При ходьбе может нести большой предмет
Cargan un objeto grande mientras están caminando

— Plays alone for short periods
Igra se samo sa sobom u kratkim vremenskim periodima
Недолго может играть один
Juegan solos por períodos cortos de tiempo

— Identifies three body parts by pointing
Može da imenuje tri dijela tijela tako što ih pokaže
Может показать и назвать три части тела
Identifican y señalan tres partes del cuerpo

— Imitates crayon stroke
Imitira poteze krejona
Имитирует движения при рисовании цветным мелом
Inician trazos con lápices de colores

2 1/2 Years

2 1/2 godine

Ребенок в два с половиной года

2 Años y medio

— Rides a push toy
Uzjaše igračku koja se gura
Катается на игрушках на колесах
Manejan un juguete de empujar

— Takes off coat
Skida kaput
Снимает пальто или куртку
Se quitan el abrigo o la chaqueta

— Talks on play telephone
Priča na telefon-igračku
Говорит в игрушечный телефон
Hablan en un teléfono de juguete

— Places objects into small openings
Stavlja predmete u male otvore
Помещает предметы в маленькие отверстия
Colocan objetos dentro de agujeros pequeños

— Climbs into an adult chair
Penje se na stolicu za odrasle
Залезает на большой "взрослый" стул
Se suben a una silla para adultos

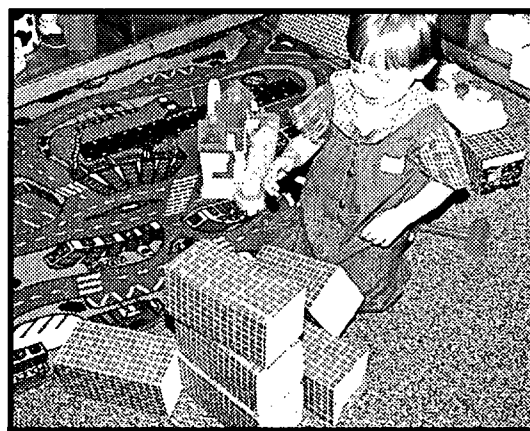
— Turns two or three pages at a time
Okreće dvije-tri stranice u isto vrijeme
Перелистывает сразу две или три страницы
Pasan dos o tres páginas al mismo tiempo

— Opens door
Otvvara vrata
Открывает двери
Abren las puertas

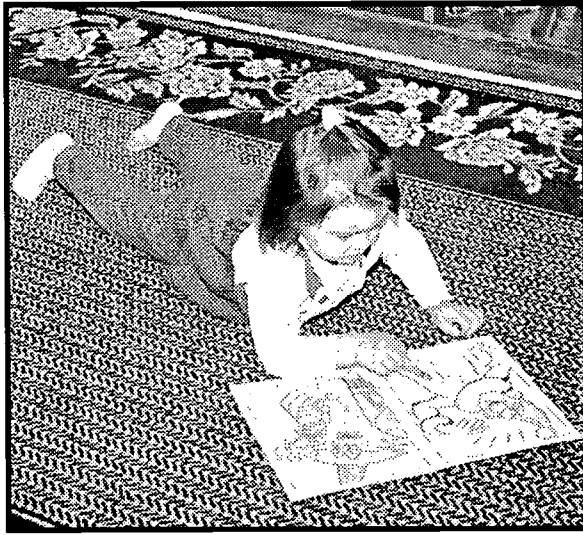


Suggested play time ideas
Ideje za vrijeme za igru
Как играть с детьми
Ideas sugeridas para el periodo de juego

- 18 Months Let your child watch you do various activities like cooking, vacuuming, cleaning, talk about what you are doing, read books
- 18 mjeseci Neka vas dijete gleda kako izvršavate različite radnje kao što su kuhanje, usisavanje, čišćenje, pričajte šta radite, čitajte knjige
- Полуторогодов
алый ребенок разрешайте ребенку наблюдать за тем, как вы делаете разные вещи, например, как вы готовите обед, пользуетесь пылесосом, убираете; объясните ребенку, что вы делаете; читайте книги
- 18 Meses Deje que su hijo lo observe haciendo varias actividades como cocinar, aspirar, limpiar, hablele acerca de lo que usted esta haciendo, learle libros



-
- 2 Years Building towers (use building blocks, paper cups, cereal boxes), read books
- 2 godine gradnja kula (koristite blokove za gradnju, papirne čaše, kutije od žitarica), čitajte knjige
- Двухлетний
ребенок сооружение башен (используйте кубики, бумажные стаканы, коробки из-под корнфлекса), читайте книги
- 2 Años Construya torres (use bloques de construcción, tazas de papel, cajas de cereal), learle libros
-



2 - 3 Years Coloring, reading books

2 - 3 godine Bojenje, čitanje knjige

2 - 3 года Раскраски, чтение книг

2 - 3 Años Colorear, leerles libros

2 1/2 - 3 Years Child can pour water from a pitcher (use a small pitcher and cup) Play-doh, read books

2 1/2 - 3 godine Dijete je u stanju da sipa vodu iz bokala (koristite mali bokal i čašu) plastelin, knjige

2,5 - 3 года Ребенок может налить воды из кувшина (используйте небольшой кувшин и чашку), пластилин, книги.

2 Años y medio
- 3 Años Su hijo puede servir agua desde un jarro (use jarros y tazas pequeñas), plastilina, leale libros

These activities will:

Ove aktivnosti će:

Такая активность направлена на следующее:

Estas actividades servirán para:

- ★ **Help your child's eyes and hands work together**
Pomoći pri koordinaciji očiju i ruku djeteta
На скоординированную работу глаз и рук ребенка
Ayudar al niño a coordinar el movimiento de ojos y manos

- ★ **Help your child learn how to plan and pretend**
Pomoći vašem djetetu da nauči kako da planira i kako da se pretvara
Научить ребенка планировать свои действия и воображать себя кем-то
Ayudar al niño a aprender a planear y a jugar pretendiendo ser alguien diferente

- ★ **Help your child learn self control**
Pomoći vašem djetetu da se nauči samokontroli
научить ребенка самоконтролю
Ayudar al niño a aprender a tener control de si mismo

- ★ **Help your child learn to play by him/herself**
Pomoći vašem djetetu da nauči kako da se igra samo sa sobom
Научить ребенка играть одному
Ayudar al niño a aprender a jugar consigo mismo

- ★ **Help your child to express feelings**
Pomoći vašem djetetu da ispolji osjećanja
Научить ребенка выражать свои чувства
Ayudar al niño a expresar sus sentimientos

- ★ **Help your child to get ready for school**
Pomoći vašem djetetu da se pripremi za školu
Подготовить ребенка к детскому саду/школе
Ayudar al niño a prepararse para la escuela

Toddlers want to do things for themselves, but still need help and attention from their parents. Toddlers are exploring their environment. Children between 2-3 years of age have the highest activity level they will have in their life. At this time they increase moving skills such as walking, running and climbing. They are also beginning to talk.

Mala djeca vole da rade stvari za sebe, ali im je i dalje potrebna pomoć i pažnja roditelja. Ona vole da istražuju svoju okolinu. Najviši stepen aktivnosti u životu čovjeka postiže sa u periodu između druge i treće godine. U tom periodu djeca sve više koriste kretnje kao što su hodanje, trčanje i penjanje. Također počinju da pričaju.

Начинающие ходить дети любят делать все сами, но они по-прежнему нуждаются во внимании родителей и в помощи. Они постигают окружающий их мир. Самый высокий уровень активности в жизни человека достигается в двух-трехлетнем возрасте. В это время дети увеличивают моторную активность (ходьбу, бег, лазание). Они также начинают разговаривать.

Los niños que empiezan a caminar desean hacer cosas por si mismos, pero todavía necesitan ayuda y atención por parte de sus padres. Ellos son exploradores de su medio ambiente. El nivel de actividad más alta en la vida de una persona es entre los 2 y 3 años. En este tiempo los niños aumentan sus habilidades de movimiento como es el caminar, correr y subir. Ellos también empiezan hablar.

Safety is very important at this developmental level. Remove dangerous objects from your child's environment. Be patient. Have reasonable expectations. When you talk to your child use simple words and short sentences. Routine is important.

Na ovom stepenu razvoja izuzetno je važno da je dijete u sigurnom okruženju. Uklonite opasne stvari iz djetetovog okruženja. Budite strpljivi. Nemojte očekivati previše. Kada se obraćate djetetu, koristite jednostavne riječi i kratke rečenice. Rutina je važna.

На этом этапе роста и развития ребенка обеспечение его безопасности приобретает особую важность. Уберите вокруг ребенка все, что может быть опасным для него. Наберитесь терпения. У вас должны быть разумные ожидания. В разговоре с ребенком используйте простые слова и короткие фразы. Очень важно соблюдать установленный режим.

La seguridad es muy importante en este nivel de desarrollo. Recoja objetos peligrosos del medio ambiente de su hijo. Sea paciente, no espere demasiado de los niños y cuando usted hable con él, use palabras simples y frases cortas. Es importante establecer rutinas.

Some challenging (but normal!) behaviors to expect at this age include:

U ovom periodu normalno je očekivati izvjesne znake izazovnog ponašanja, kao na primjer:

В этом возрасте от ребенка можно ожидать несколько вызывающего и это нормально
— поведения, в частности:

Algunos comportamientos desafiantes (pero normales) que se esperan a esta edad son:

- ★ Defiant behavior (Says “NO” when told to do something)
Prkosno ponašanje (Dijete kaže “Ne” kad mu se nešto naredi)
Вызывающее поведение (когда его просят что-то сделать, он отвечает: “Нет”)
Comportamiento desafiante o provocador (dicen “NO” cuando se les pide que haga algo)

- ★ Temper tantrums
Izlijevi bijesa
Вспышки раздражения
Rabietas de mal genio

- ★ Will not share or take turns
Dijete neće nešto da dijeli ili da radi naizmjenično s nekim drugim
Отказывается поделиться чем-то или делать что-то по очереди
No compartirán o tomarán turnos

- ★ May insist on having things a certain way
Insistira da se nešto uradi na njegov način
Может настаивать на том, чтобы какие-то вещи были сделаны каким-то определенным образом
Quizás insistirán en tener cosas a su manera

- ★ Will not hold your hand
Neće da vas drži za ruku
Отказывается держаться за руку
No quieren ir de la mano con usted

- ★ Moves slow, will not come when called
Sporo hoda, neće da vam pridje kad ga pozovete
Намеренно медленно ходит, не идет, когда его зовут
Se mueven despacio, no vendrán cuando se les llame

Disciplining Toddlers (18 months - 3 years)

Disciplinske mjere kod male djece (18 mjeseci - tri godine)

Приучение к дисциплине ребенка в возрасте от 18 месяцев до трех лет

Disciplina para niños que empiezan a caminar (18 meses - 3 años)



Toddlers need protective rules. They don't recognize dangers. Toddlers are learning to say **NO**. They are learning what they can and can't do as they become more independent. Toddlers need their parents to remove them from an activity if it is unsafe or inappropriate.

Maloj djeci potrebna su pravila zaštite. Ona ne znaju za opasnost. Mala djeca tek uče da kažu NE. Ona uče šta mogu, a šta ne mogu da rade i tako postaju nezavisniji. Maloj djeci potrebni su roditelji da ih sklone od aktivnosti koje su nesigurne ili neodgovarajuće.

Правила поведения детей в таком возрасте предназначены для того, чтобы их защитить. Они не распознают опасность. Они учатся говорить "нет". Они также начинают узнавать, что можно и чего нельзя делать, когда они становятся более самостоятельными. Им необходимы родители, которые прекратят их деятельность, если это опасно или неуместно.

Los niños que empiezan a caminar necesitan reglas de protección. Ellos no reconocen el peligro. Estos niños están aprendiendo a decir **NO**. También están aprendiendo a saber que pueden o no pueden hacer, a medida que se hacen más independientes. Estos niños necesitan que sus padres los separen de actividades que sean peligrosas o inapropiadas.

Many undesired behaviors can be eliminated by ignoring them. If your child refuses to do something try distracting your child by introducing another activity. Many parents use a technique called “time-out”. A “time-out” is done by removing your child from the situation to a place where he/she can be alone (in a special area or chair) for a short period of time (one minute for each year of age).

Mnoga neželjena ponašanja mogu se uspješno eliminisati tako što ih ignorišete. Ukoliko vaše dijete odbija da nešto uradi. Pokušajte da mu skrenete pažnju na neku drugu aktivnost. Mnogi roditelji koriste tehniku koja se zove “tajm-aut”. “Tajm-aut” se sastoji u tome da dijete izdvojite iz situacije i odvedete ga na neko mjesto gdje će biti samo kratak period vremena (minut po godini starosti).

Часто такое нежелательное поведение можно прекратить, просто игнорируя его. Если ребенок отказывается что-то сделать, постарайтесь его отвлечь, заняв его чем-то другим. Многие родители используют прием, который называется “перерыв”. Перерыв происходит, когда вы помещаете ребенка на короткое время в такое место, где он может быть один (по минуте на каждый год жизни ребенка).

Muchos comportamientos no deseados pueden ser eliminados solamente ignorandolos. Si su hijo rechaza o se niega hacer algo, trate de distraerlo y presentarle otra actividad. Muchos padres usan una técnica llamada tiempo aparte (time-out), esta técnica se realiza removiendo al niño de la situación de conflicto y llevarlo a un lugar donde él o ella pueda estar solo(a) (en una área especial o silla) por un periodo corto de tiempo (un minuto por cada año de vida).

PRESCHOOLERS (3 - 5 YEARS)

PREDŠKOLSKA DJECA (3 - 5 GODINA)

Дети дошкольного возраста (от трех до 5 лет)

Pre-escolares (3 - 5 años)

The following is a list of what to expect children to do between ages 3 and 5 years.

Slijedi lista radnji koje treba očekivati od djece u periodu od 3 - 5 godina.

Ниже приводится список того, что можно ожидать от ребенка в возрасте от трех до пяти лет.

La siguiente es una lista de lo que se espera que los niños hagan entre las edades de 3 y 5 años.

3 - 4 Years
3 - 4 godina

В возрасте от трех до четырех лет
3 - 4 años

— Puts on shoes
Obuva cipele
Обувается
Se colocan sus zapatos



— Turns one page at a time
Okreće jednu po jednu stranicu
Перелистывает книгу по одной странице
Pasan página por página

— Walks up stairs holding hand rail
Penje se uz stepenice držeći se za ogradu
Поднимается по лестнице, держась рукой за перила
Suben las escaleras agarrandosen del pasamanos o barandal

— Enjoys interacting with other children
Učiva u društvu druge djece
Любит общество других детей
Se divierten interactuando con otros niños



— Attempts to repeat common phrases
Pokušava da ponovi uobičajene fraze
Пытается повторять известные фразы
Intentan repetir frases comunes

— Pulls up pants
Podiže pantalone
Надевает штаны
Se suben los pantalones

5 Years
5 godina
В пятилетнем возрасте
5 años

—— Skips smoothly
Skače bez spoticanja
Хорошо прыгает через скакалку
Sabem saltar

—— Can stand on one foot for at least five seconds
Može stajati na jednoj nozi najmanje pet sekundi
Может простоять на одной ноге в течение по меньшей мере пять секунд
Se pueden parar en un solo pie por lo menos durante 5 segundos



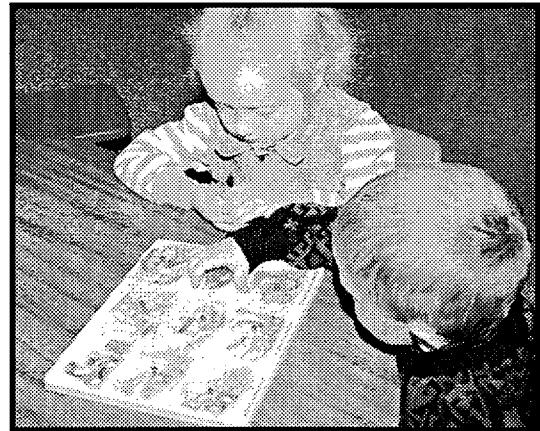
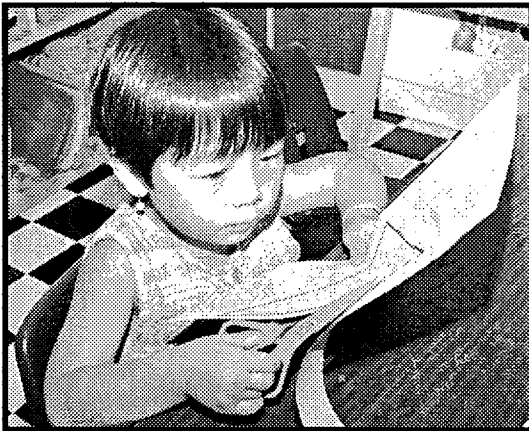
—— Can dress and undress, tie shoes, and comb hair mostly without help
Zna da se obuče i svuče, zaveže cipele, očešlja se, uglavnom bez tuđe pomoći
В основном без посторонней помощи может одеться и раздеться, завязать шнурки и причесаться
Se pueden vestir y desvestir, se amarran los zapatos y se peinan casi sin ayuda

—— Can tell you what words mean, like hat, ball, lake or orange
Zna da kaže šta izvjesne riječi znače, kao npr. kapa, lopta, jezero ili narandža
Может объяснить значение слов, таких как шапка, мяч, озеро или апельсин
Pueden decirle a usted que significan las palabras como: Sombrero, pelota, lago o naranja

—— Will ask "why" questions, and ask you what words mean
Postavlja pitanje "zašto" i pita vas šta riječi znače
Спрашивает "почему?" и просит разъяснить значения слов
Harán preguntas utilizando el "por que" y preguntarán que significa diferentes palabras

Suggested play time ideas
Ideje za vrijeme za igru
Как играть с детьми
Ideas sugeridas para el periodo de juego

3 years	Stringing Cheerios or Macaroni, matching jars and lids, reading books
3 godine	Nizanje prstenastih žitarica (Cheerios) ili makarona, nalaženje odgovarajućeg poklopca za teglicu, čitanje knjige
3 года	Нанизывать на нитку корнфлекс "Cheerios" или макароны, подбирать по цвету крышки к банкам, читать детям книги
3 años	Ensartar cheerios (cereal) o macarrones en una cuerda, hacer un juego encontrando la tapa correspondiente al tamaño del frasco, leerle libros



3 - 5 years	Cutting with safety scissors, simple puzzles, dressing and undressing (use large clothing with large buttons), reading books
3 - 5 godina	Rezanje koristeći bezopasne makaze, jednostavne slagalice, oblačenje i svlačenje (koristite veliku odjeću sa velikim dugmadima), čitanje knjige
В возрасте от трех до пяти лет	вырезание безопасными ножницами, простые загадки, надевание одежды и раздевание (используйте одежду большого размера с большими пуговицами), чтение детям книг
3 - 5 años	Cortar con tijeras que sean seguras para su edad, hacer rompecabezas simples, vestirse y desvestirse (usar ropa grande y con botones también grandes), leerle libros

These activities will:

Ove će aktivnosti:

Такая активность направлена на следующее:

Estas actividades servirán para:

- ★ Help child's eyes and hands work together
Pomoci pri koordinaciji očiju i ruku djeteta
На скоординированную работу глаз и рук ребенка
Ayudar al niño a coordinar los movimientos de mano y ojo

- ★ Help child get ready for school
Pomoći da se dijete pripremi za školu
Помочь ребенку подготовиться к детскому саду/школе
Ayudar al niño a estar listo para la escuela

- ★ Help build strong hand muscles
Pomoći razvitku mišića šake
Развить мышцы рук
Ayudar al niño a fortalecer los músculos de la mano

- ★ Help child learn to help him/herself
Pomoći da dijete nauči da samo sebi pomogne
Ребенок учится рассчитывать на себя
Ayudar al niño aprender a valerse por si mismo

- ★ Help child see differences
Pomoći da dijete nauči da vidi razliku
Ребенок учится видеть разницу
Ayudar al niño a observar diferencias

- ★ Help child learn to pay attention and problem solve
Pomoći da dijete nauči da bude pažljivo i riješava probleme
Ребенок учится вниманию и решению заданий
Ayudar al niño aprender a prestar atención y resolver problemas

Disciplining Pre-schoolers (3 - 5 years)
Disciplinske mjere kod predškolske djece (3 - 5 godina)
Приучение ребенка дошкольного возраста к дисциплине (от трех до пяти лет)
Disciplina para pre-escolares (3 - 5 años)



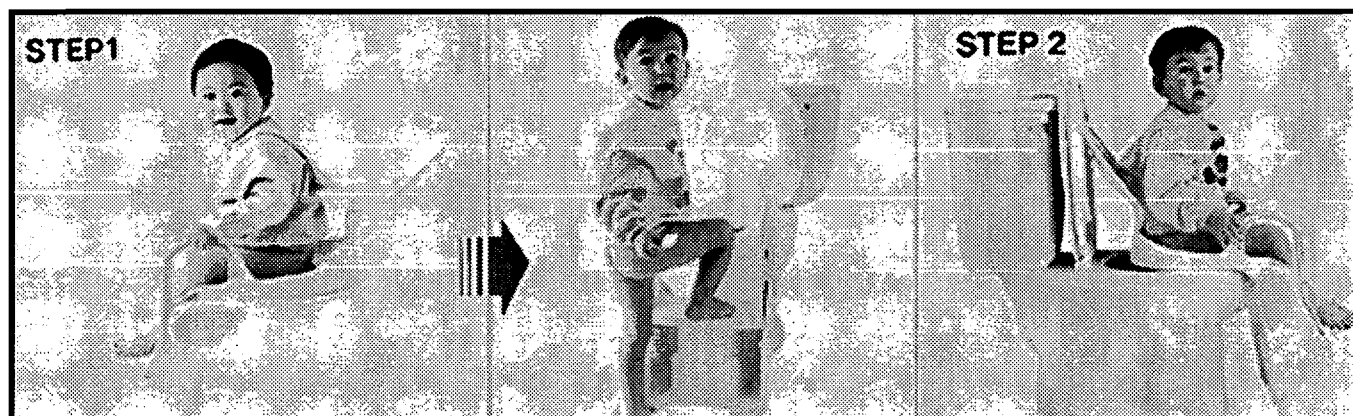
Preschoolers can be given clear simple rules and the consequences for breaking them. It is natural for preschoolers to think their needs come first. It is important for adults to react consistently to their child's inappropriate behavior. Discipline is an important part of parenting.

Predškolskoj djeci treba postaviti jasna i jednostavna pravila i posljedice njihovog kršenja. Prirodno je da predškolska djeca smatraju da njihove potrebe dolaze na prvo mjesto. Važno je da odrasli reaguju postojano kad se njihovo dijete ne ponaša kako oni žele. Disciplinske mjere od velike su važnosti za podizanje djeteta.

Детей дошкольного возраста можно ознакомить с простыми и четко сформулированными правилами поведения и объяснить последствия их нарушения. Для детей дошкольного возраста естественно думать, что их нужды будут удовлетворены в первую очередь. Важно, чтобы взрослые вели себя последовательно, если ребенок ведет себя неподобающим образом. Дисциплина является важным элементом воспитания детей.

A los niños pre-escolares se les pueden dar reglas simples y claras, con las debidas consecuencias si las rompen. Es natural para ellos pensar que sus necesidades son las más importantes. Los adultos deben reaccionar consistentemente en cada comportamiento inapropiado de los niños. La disciplina es una parte importante del papel de ser padres.

Toilet Training
Navikavanje na nošu
Приучение к пользованию туалетом
Aprender a usar el inodoro



It is important to wait until your child shows definite signs of readiness before you begin toilet training. A child is usually not yet physically and mentally mature until 2 1/2 to 4 years old. Trying to toilet train your child before he/she is ready will be frustrating for both of you.

Važno je da sačekate da vaše dijete pokaže sigurne znake da je spremno za navikavanje na nošu. Dijete obično nije fizički i mentalno zrelo do svoje 2 1/2 do 4 godine. Pokušaj da svoje dijete naviknete na nošu prije no što je ono spremno za to dovešće do obostrane frustracije.

До того, как начать приучать ребенка к пользованию туалетом, следует подождать, пока у ребенка не начнут проявляться признаки того, что он готов. Обычно ребенок до двух с половиной — четырех лет еще физически и психически готов к этому. Начать учить ребенка пользоваться туалетом до того, как он готов, будет раздражать и вас, и ребенка.

Es importante esperar hasta que el niño muestre signos de estar preparado antes de empezar a enseñarle a usar el inodoro. Los niños de 2 años y medio a 4 años de edad, están generalmente física y mentalmente maduros. Intentar enseñarle al niño el usar el inodoro antes que el o ella estén listos, pueden causar frustración tanto en los padres como en ellos mismos.

Signs of readiness:

Pokazatelji da je dijete spremno:

Признаки того, что ребенок готов:

Señales que indican que están listos para aprender:

- ★ Fewer and more regular bowel movements
Manje učestala i redovnija stolica
Реже и более регулярно происходит дефекация
Las defecaciones son regulares y poco frecuentes

- ★ Stays dry for 2 to 3 hours
Dijete se ne umokri po 2 - 3 sata
Ребенок не мочится в течение 2—3 часов
Se mantienen secos por 2 o 3 horas

- ★ Makes facial expressions and sounds indicating they were urinating or having a bowel movement in diaper
Pravi grimase i zvukove koji ukazuju da dijete mokri ili kaki u pelene
Показывает звуками или выражение лица, что пора менять пеленку (помочился или опорожнил желудок)
Realizan expresiones faciales y sonidos indicando si orinaron o hicieron caca en el pañal

- ★ Stops what they are doing to relieve him/herself (in diaper in private)
Prekida sa onim što radi da bi se ispraznilo (u pelene nasamo)
Прекращает свое занятие, чтобы облегчиться (делает в пеленку, но приватно)
Dejan lo que están haciendo para que lo cambien de pañal

- ★ Lets you know he/she has relieved him/herself
Kaže vam da se ispraznilo
Говорит вам о том, что пеленка грязная
Demuestran que se sienten mejor o más cómodos

- ★ Expresses concern for cleanliness and orderliness
Ispoljava brigu za čistoću i red
Выражает желание быть чистым и аккуратным
Expresan preocupación por la limpieza y el orden

- ★ Copies you or other family members in bathroom
Imitira vas ili druge članove porodice u kupatilu
Подражает действию вас или других членов семьи в туалете
Lo imitan a usted o a otro miembro de la familia en el baño

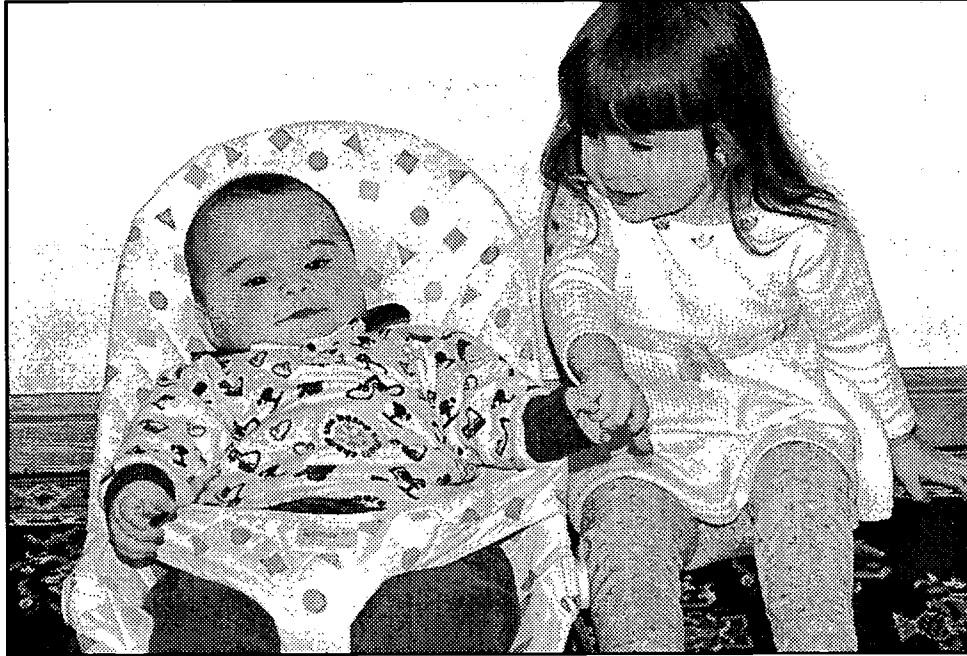


If you need advise on toilet training consult your health care provider or contact your local health department for additional information.

Ukoliko su vam potrebni savjeti o tome kako da dijete naviknete na nošu, konsultujte se sa medicinskim licem, ili kontaktirajte lokalnu medicinsku ustanovu za dodatne informacije.

Если вам нужен совет о том, как приучать ребенка к пользованию туалетом, то поговорите об этом со своим врачом или другим медработнику; вы также можете получить дополнительную информацию, обратившись в местный отдел здравоохранения.

Si usted necesita consejos sobre como entrenar al niño a usar el inodoro, consulte con su proveedor del servicio de salud o contacte a su departamento de salud para más información.



We hope that this information will help you to understand more about child growth and development. Remember your baby is an individual and will go through these stages of development at their own rate. If you have any concerns or questions regarding your baby's development, consult your health care provider.

Nadamo se da će vam ove informacije pomoći da više razumijete o rastu i razvoju djeteta. Ne zaboravite da je vaše dijete posebna ličnost i da će kroz ove stadije ići svojim vlastitim tempom. Ukoliko ste zabrinuti ili imate pitanja o razvoju svoje bebe, konsultujte se sa medicinskim licem.

Мы надеемся, что эта информация поможет вам лучше понять процесс роста и развития ребенка. Помните, что у вашего ребенка есть своя индивидуальность, и он пройдет все эти этапы развития в своем темпе. Если вас есть вопросы, связанные с развитием вашего ребенка, или вас что-то беспокоит, то вы должны обратиться к врачу или другому медицинскому работнику.

Nosotros esperamos que esta información le ayude a usted a entender más acerca del desarrollo y crecimiento de los niños. Recuerde que su bebé es una persona particular y pasará por estas etapas de desarrollo a su propio ritmo. Si usted tiene cualquier preocupación o pregunta respecto al desarrollo de su bebé, consulte con su proveedor del servicio de salud.

**Developed in Partnership
With
Allina Health System
and
Multi-Cultural Educational Services**

**Funded By
Minnesota Department of Children,
Families and Learning**

Multi-Cultural Educational Services

832 104th Lane NW

Coon Rapids, MN 55433

(763) 767-7786



U.S. Department of Education
Office of Educational Research and Improvement (OERI)
National Library of Education (NLE)
Educational Resources Information Center (ERIC)



NOTICE

Reproduction Basis

This document is covered by a signed "Reproduction Release (Blanket)" form (on file within the ERIC system), encompassing all or classes of documents from its source organization and, therefore, does not require a "Specific Document" Release form.

This document is Federally-funded, or carries its own permission to reproduce, or is otherwise in the public domain and, therefore, may be reproduced by ERIC without a signed Reproduction Release form (either "Specific Document" or "Blanket").